

MÂTT THÉ

VIỆT NAM
PHẬT GIÁO
SỰ LUỘC

MINH ĐỨC

THƯỢNG - TỌA
MẬT - THẺ

VIỆT - NAM

PHẬT - GIÁO
SỨ - LƯỢC

MINH - ĐỨC

TÁI BẢN và PHÁT HÀNH

Từ nhà kho Quán Ven Đường

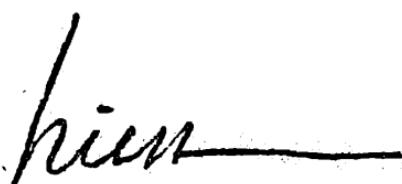
Kính gửi; Đạo hữu Lê-văn-Lộc
Nhà sách MINH - ĐỨC
ĐÀ - NĂNG

Thè theo thiện nguyện của đạo-hữu về việc xin tái bản các tác phầm của Thượng-Tọa MẬT-THẾ đề góp một phần công đức vào việc hoằng-pháp, chúng tôi hoan-hỷ tán thành, vì nghĩ rằng đây là một phương tiện truyền bá Phật-pháp được lưu thông, và cũng đề nhắc lại đạo chí của Thượng-Tọa MẬT - THẾ đã có công đức với Phật-pháp nước nhà.

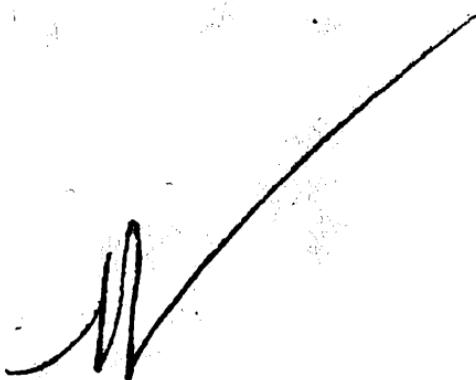
Vậy chúng tôi có thư này gọi là tùy-hỷ việc làm của đạo-hữu.

Nguyện cầu Tam-Bảo từ-bi gia-hộ cho việc làm của đạo-hữu chóng viên thành.

Phật-lịch 2.514, Trúc-lâm ngày 1-7. Canh-Tuất



HT. THÍCH-MẬT-HIỀN



TT. THÍCH-MẬT-NGUYỆN

越 南 佛 教 史 講 語

行稿所余若從志嘗之
南文儲證高之之未法
師國年余燈師師唇弘
法史積求靜夫知暇爲
體教月請夜思素之述
密佛師也於因矣學著
月南是成每也年修譯
仲袖云輯讀是已望於
春越此而之編有於繙
年并余編併於余願心也
未探示尋而身於之留業
癸省本搜受置學向不事
越南是成每也年修譯
仲袖云輯讀是已望於
春越此而之編有於繙
年并余編併於余願心也
未探示尋而身於之留業
癸省本搜受置學向不事

傳道昭日佛是言
之之輝今於於數
佛教間德哉功余弁
以年出湮不佛無邊
土餘突可也於量
東千繼豈書功
自者相上是有慰無
溯南僧史有并以
我聖歷日而欣讚
於之教以以

三月 春年慧和尚撰
五百塔福平定十塔
世佛

TỤ'A

Phật-giáo khởi thủy ở An-Độ, truyền đi khắp các xứ lân-cận. Trước hết sang các nước Trung Á-Tế-Á rồi thứ đê sang Tây-Tạng, sang Tàu, Cao-ly, Nhật-Bồn và các nước miền Nam Châu-Á. Việt-Nam ta cũng ở trong phạm-vi ảnh-hưởng ấy. Mỗi khi Phật-giáo vào xứ nào thì tùy theo tính tình, phong-tục, quốc-độ, thời cơ xứ ấy mà phương-tiện truyền-thụ. Phật-giáo mỗi xứ có một tinh-thần và một tính-cách khác nhau cũng như lịch-sử các xứ ấy. Nên muốn khảo về Phật-giáo một xứ nào cần phải chia ra làm hai phần : *phần lịch-sử* và *phần giáo-lý* cùng *triết-lý*. Lịch-sử có khảo-cứu được rõ ràng thì giáo-lý, triết-lý suy-nghiên mới được vở-vạc.

Hồi đến lịch-sử Phật-giáo Việt-Nam nhà thì ai cũng bảo : « có từ Đinh, Lê trải qua Lý, Trần, Lê, rồi đến bản triều » ; tựa hồ như một vấn-đề giản-dị quá. Thật vậy, các quan-sử phần nhiều chỉ thấy có nói đến Phật-giáo đời Đinh mà thôi. Biết đâu bắt đầu từ Đinh, Việt-Nam ta đã nhận Phật-giáo làm

quốc-giáo, đặt tăng-quan trong Triều, thì chắc hẳn Phật-giáo hồi đó đã tới một trình độ thịnh-đạt lắm rồi. Bởi thế trong vấn-đề Lịch-sử Phật-giáo Việt-Nam phải có nhiều điều phức-tạp. Nhất là về vấn-đề Phật-giáo truyền vào từ bao giờ ? Truyền vào cách nào ? Đường nào ? Từ phía Bắc hay từ phía Nam ? Ấy, chính những câu hỏi ấy, khiến ta cần phải đề tâm nghiên-cứu.

Những sách nói về vấn-đề lịch-sử Phật-giáo Việt-Nam tuy không phải không có, nhưng cũng không lấy đâu được nhiều, mà cũng không phồ-cập mọi người. Bất quá chỉ vén-ven được vài ba bộ như : *Thuyền-uyên lập anh*, *Thông yếu kế đăng lục*, *Đạo-giáo nguyên lưu* vân vân... và một vài bộ *Ngũ-lục* cùng năm ba thiên truyện ký các vị cao-tăng. Vì những nỗi eo-hẹp khó khăn ấy, nên mấy ai đã có cái hứng thú về đường trú thuật, mà có một ít — rất ít — cũng dấu trong chùa riêng, sao đi chép lại, chắc chưa có bản nào là hoàn-thiện mà ai cũng được xem. Tuy vậy có còn hơn không : nhờ có những sách ấy của tiền-nhân ta để lại mà ta biết được chút ít về lịch-sử Phật-giáo nước nhà. Há không phải là những tài-liệu quý-hóa cho môn sử-học này hay sao ?

Khốn nỗi những sách ấy viết toàn bằng chữ Hán cả. Đối với phái xuất-gia không kẽ, còn quốc-dân ta, từ khi Hán-học không được nhận dạy ở các trường công, học-giới ta lấy quốc-văn và pháp-văn thay vào. Các bậc tiền-tiền ngày nay đối với kho sách chữ Hán xưa gần như chim chích vào rừng.

Nếu không dịch ra chữ quốc-ngữ thì các tài-liệu quý húy ấy cũng chẳng bồ-ích cho học-giới được bao nhiêu.

Vậy ngày nay trong thiền-gia học-giới có người dụng công sưu-tập, cả tài-liệu Hán-văn, Quốc-văn cùng Pháp-văn, đem dịch-thuật, sửa soạn phô-diển làm thành một quyển sách khiến độc-giả có thể biết qua cả lịch-sử quốc-giáo Việt-Nam trong mấy nghìn năm, há chẳng có ích lầm ru ! Không những thế, những tài-liệu đã sưu-tập lại là tài-liệu quý-giá cho sử-học-giới sau này, thì dầu ở trong không khôi có điều sai làm khiếm-khuyết, song về môn tài-liệu thì sách này vẫn là có công to.

Chính vì các lẽ ấy, nên xin giới thiệu cùng các học-giả và các Phật-tử Việt-Nam. sách VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO SỬ-LƯỢC của Thượng-Tọa MẬT-THỀ giáo-sư trưởng Sơn-Môn Phật-Học Huế. Mong rằng Thượng-Tọa bền chí sưu-tập, cố-gắng làm thêm cuốn VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO GIÁO-LÝ thì thật bồ-ích cho tương-lai Phật-giáo Việt-Nam nhà ta làm vui. Riêng phần chúng tôi lấy làm mong mỏi vô cùng.

Nay kính đề

Thúc-Ngọc : TRẦN-VĂN-GIÁP

Viết tại thư-điện chùa Quán-Sứ
trụ-sở Trung-Uơng hội Phật-giáo Bắc-Kỳ Hà-Nội
ngày nhập đông tháng mười năm Nhâm-Ngo
(1942).

LỜI NÓI ĐẦU

Đừng về phương-diện tuyệt-đối mà nói, chơilý vốn không có thời-gian và không-gian. Thời-gian và không-gian đã không, thì, trên cõi đời này có cái gì đáng gọi là lịch-sử và ai là người chép lịch-sử? Xưa đức Phật-tồ qua 49 năm thuyết pháp giáo-hóa, khi qđn nhập Niết-Bàn, Ngài muốn khai thị cho chúng biết đạo-lý «bất-nhi-pháp-môn», Ngài dạy: «ta xưa nay chưa từng nói một chữ» (1).

Huyền-diệu thay! Câu nói tuy rất vắn-tắt, đơn-sơ, mà bao hàm biết bao ý-nghĩa. Vì sao? — Với chơn-lý tuyệt-đối, bản-thề «pháp-giới thanh-tịnh tâm» thì văn-tự hay ngữ-ngôn đều là thừa cả.

Đành vậy, nhưng cuộc đời này là tương-đối. Trăm ngàn hiện-tượng phô-diển trước mặt, người

(1) Ngô bồn lai bất thuyết nhất tự. Đồng với tư-tưởng này Lão-Tử noi: «Đại biện nhược nột».

ta không thể cùng nhau bảo là không được Toàn-thể nhân-loại chúng sanh đã mê làm, nhân van hữu trong vũ-trụ cho là thật có, nên đã manh-tâm tranh-dành kiến-thiết, để mưu-cầu sự tiến-hóa hanh-phúc. Nhưng trái lại, chỉ cùng nhau quay cuồng hụp lặn trong biển khơi ! Nỗi nguy hại của lịch-sử đã biểu-diễn ra rành rành, sao người ta không chịu xóa nhòa nó đi, để moi người được sống trong cảnh giới hòa đồng, không còn phân chia văn-hóa, chủng-tộc của mỗi địa-giới ? — Nói vậy, không phải tôi bi quan, phủ nhận sự tiến-hóa hiện thời của nhân-loại. Nhưng tiến-hóa bằng cách nào chứ ? — Nếu tiến-hóa mà buộc nhân-loại mãi rước lấy sự chém giết lẫn nhau, thì khốc hại biết chừng nào ? ?

Mục-đích và tinh-thần Phật-giáo vốn dắt dẫn mọi người đạt đến chơn-lý tuyệt đối. Và, chúng tôi bao giờ cũng thể theo tâm « Vô tướng » của chư Phật, chơn-lý tuyệt-đối của « pháp-giới » mà tu-trì ; ngoài ra không dám manh-tâm tranh dành một địa-vi hay một thiên lịch-sử gì cho Phật-giáo hay cho cá-nhân ở trong xã-hội nhân-loại này. Chẳng qua với giữa hoàn cảnh người người đều xem trong lịch-sử, suy-tâm lịch-sử, mà Phật giáo lai là nền giáo-lý vốn sẵn phượng-tiền tùy duyên khai-hóa, đủ có pháp này pháp kia cho hết thảy moi người biết mà tu học.

Vậy Phật-giáo đã là một hiện-tương trên thế-giới, nói hép là một tôn-giáo đã truyền vào nước

Việt-Nam này, lẽ nao lại không có một lịch-sử truyền-bá ?

◦◦◦

Kể Phật-giáo từ khi truyền vào đất Việt-Nam ta đến nay đã gồm có cái lịch-sử gần 2 000 năm. Qua các triều-đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê không phải là không thạnh và, Phật-giáo không phải không bồ-ich cho thế-đạo nhơn-tâm. Các vi Tô-sư, các bậc cao-tăng xưa như ngài Pháp-Hiền thuyền-sư, Khuôn-Việt thái-sư, Van-Hanh thuyền-sư, Cảm-Thành thuyền-sư và Trúc-Lâm tam-tồ v.v., đã từng đem chổ tu học hoằng-pháp của mình mà mở mang nền đạo-đức văn-hóa cho nước nhà không phải là ít.

Thế mà trừ một ít tài-liệu chép rái rác trong các sách sử và một đôi quyền Ngũ-lục gia-phò ở các chùa, thì không còn có một quyền sách nào cụ-thể đáng gọi là một quyền lịch-sử có lồ-chức để làm gương soi chung cho người sau, noi theo đó biết được điều hay cần bắt chước, điều dở phải tranh xa, đặng giúp về sự xét đoán trên bước đường tu-học hoằng-pháp. (Nói thế chứ tôi đâu dám chỉ trích gì cõ-nhân. Không, tôi biết lắm ! — 1) Người xưa tánh-tình thuần-phác và lại nền kinh-tế kỹ-nghệ (1) chưa được phát-triển mấy, nên người học đạo (Phật hay Nho cũng vậy) cót để tu tâm dưỡng tánh, chứ đâu phải để chuyên về mặt

(1) Ngày xưa sự khắc bản in sách rất khó, nên ai có làm được quyền gì chỉ để dùng trong nhà, ít khi có dịp in thành sách mà công-bố cho đời.

văn-hóa trước thuật. Vì vậy, không những riêng về Phật-giáo thiếu quan-niệm lịch-sử mà cho đến thế gian các bậc tiền bối ta cũng thiếu hẳn quan-niệm ấy. Huống nữa Phật-giáo là một tôn-giáo chưa đầy tư-tưởng « Vô-tưởng ». Người hành-đạo đâu có làm việc gì to lớn đến đâu cũng không cần ai biết và chẳng lưu-tâm biên chép điều đó để lai làm gì.

— 2) Nước Việt-Nam ta là một nước nhỏ ở gần một nước lớn — Trung-Hoa —, ngót 1.000 năm nôι-thuộc, hết thảy văn-hoa, giáo-đức đều phải học đòi theo những sách vở mà họ chở qua cho ta đọc còn không hết, có thì giờ đâu mà nghĩ đến việc trước-tác. Vả dù có nghĩ đến việc trước-tác thì, viết chữ Hán chỉ bằng đọc sách họ là hơn, mà nếu viết bằng tiếng nước nhà thì chữ nôm ta thời ấy còn cho là nôm na không có giá trị, chỉ bằng thôi là xong. Những khuyết-diểm ấy ta phải nhận là một công lệ của thời đại trước. Mà thật ra người đương thời đó, cũng không lấy thế cho là khuyết-diểm).

Ngày nay nhơn phong trào hoc-thuật tiến-bô, tư-tưởng người ta đã quan-niệm nhiều về lịch-sử. Riêng về Phật-giáo phần đông người học Phật cung muốn biết đèn tung tích nền Phật-giáo của nước nhà mình ra thế nào .. Vẫn biết hoc đạo chỉ tìm thấy con đường về là được, cần gì phải hỏi đến tổ-tông (1). Nhưng thiết nghĩ, nếu biết được tổ-tông

(1) — Xúc đồ thành trê, phát Tồ thành oan.
Cau thoai đầu của phái Thuyền-Tôn.. Kim triêu nguyên man hoan già lý, hà tất bôn man vấn tổ-tông — Liễu-Quan.

thì lại có hại gì ? Vả lại bước đầu nếu không biết lõ-tông thì nương vào đâu mà tìm thấy được con đường về.

Vì thiên-kiến, muốn thích ứng với nhu cầu của thời đại, bồ khuyết vào chỗ khuyết hám trên nền lịch-sử Phật-giáo nước nhà, quyền Việt-Nam Phật-giáo sủ-lüợc này ra đời. Nói lại lần nữa, bản ý chúng tôi không vì xua đùa theo danh-lợi, hay phô trương cái hụt cái giỏi gì trong Phật-giáo, mà chỉ một lòng vì văn hóa học thuật, đi với mục-đích hoằng-pháp lợi sanh, chỉ mong được làm — đầu công việc gì — nhiệm-vụ của một Phật - tử trong một thời-đại.

Những tài liệu chúng tôi dùng viết sách này, về phương diện Phật-học phần nhiều căn-cứ vào quyền Việt-Nam thuyên-uyễn tập-anh, Thông-yếu kế đăng lục, Việt-Nam Thuyên-Tôn thế hệ và quyền Le Bouddhisme en Annam des origines au XIII^e siècle của Trần-văn-Giáp tiên-sanh Còn về sách ngoài thì có bộ Quốc-Triều tiền-biên Chánh-biên, Lịch-sử nhân-vật chí, Khâm-dinh Việt-Sử thông giám cương mục, Đại-Việt sử-ký, Đại-Nam nhứt thông chí, Việt-Nam sủ-lüợc, vân vân. Tóm lại, những sách vở hoặc bao chí gì đã dùng làm tài liệu để kê cứu trong khi viết sách này, chúng tôi đều có kê vào mục «sách tham khảo» rõ ràng để tiện đọc giả khi muốn xét lại điều gì. Tiếc vì không gian quyền sách này có hạn và moi phiền-tập trong sự biên tập, nên chúng tôi không thể

đánh dấu hết sơ xuất của mỗi chỗ được Điều đó, tưởng đọc giả cũng xét biết mà lượng thứ cho.

Nội dung sách này chia làm hai phần · Tự-luân và lịch-sử. Phần Tự-luận chia làm bốn chương. Trước hết thuật qua lược-sử đức Thầy-tổ Phật-giao và tinh-hình duyên-cách Phật-giao ở Ấn-Đô, rồi đến Phật-giao ở Tàu ; địa-thể nước Việt-Nam, nguồn gốc và tinh-thần người Việt-Nam v.v... Về phần lịch-sử chia làm 10 chương. Bắt đầu khảo xét Phật-giao từ khi mới du-nhập, lần lượt qua các triều đại cho đến hiện-day.

Trong khoản thời-gian gần 2000 năm, sự bỗn giáo của liệt vi Tổ-sư ra thế nào, tình-cảnh thanh suy của Phật-giao qua các triều đại ra thế nào, chúng tôi đều tham hiêp với tình hình chính-trị, kinh-te của mỗi thời đại trong nước mà ghi chép rõ ràng kỹ lưỡng. Sau mỗi tôn phái lại có một bản đồ kê về thế-hệ cho độc giả tiện bě tham khảo. Chúng tôi không giám tự nghĩ là đã hoàn toàn trong công cuộc khảo xét, nhưng với tài liệu xưa, chúng tôi cố tìm và cố chọn lấy những điều xác thật đáng tin. Chúng tôi không có xa vọng gì hơn là mong sách này nó chỉ là một cuốn đại quan về một thiên lịch-sử, phận sự của nó là mở đường cho những cuốn Việt-Nam Phật-giao sử sau đây.

◦◦◦

Chúng tôi vẫn nhận thấy khảo-xét lịch-sử là một công việc rất lớn lao, không phải riêng phần cá-nhân mà đảm đương nổi. Riêng về Phật-giáo, Thương-Chi tiên-sanh cũng đã từng than: «sựu-tâm tài-liệu để viết quyền Viet-Nam Phật-giáo-sử là một việc rất khó»(1). Nhưng chúng tôi đã đem hết nhiệt-lâm, nhận làu một trách-nhiệm, trong ba, bốn năm nay với sự yếu đau với những khi mệt-nhọc, chúng tôi vẫn cố-gắng quyết đeo đuổi một mục-đích: Phung su Phật-giáo.

Trong sự biến-lập cũng nhờ có nhiều thiện hữu trí thức đã giúp cho tôi, hoặc về tài liệu hoặc việc biên-chép hay cho những đoạn phap-văn có quan-hệ đến lịch-sử Phật-giáo. Tiếc rằng không thể ghi hết được, vây xin các bạn hoan-hỷ nhận lấy ở đây, lòng thành thật cảm ơn của tôi.

Và chúng tôi rất trông mong các bậc đại-đức trong các sơn-môn cùng các học-giả, cư-sĩ trong nước, sau khi quyền sách này ra đời nếu được may-mắn nằm trên tay qui ngài, như còn

(1) — Phật-giáo lược-khảo — Nam-Phong 40.

(Mà cũng khó thàt, sách vở nước ta ngày xưa ghi chép hết sức lan man. Đến đời Trần-nghệ Tôn lai bị người Chàm kéo vào cướp đốt khắp nơi, đời Hò lai bị tướng Minh thu hết cả sách vở đem về Kim-Lăng (Tàu). Trước khi Gia-Long phục quốc lai phải mấy năm chiến-tranh với Tây-Sơn nên sách vở và bia-ký các chúa **cũng** đã tiêu tan mất nhiều).

chỗ nào sai-làm, khuyết-diểm, xin qui Ngài vui lòng chỉ-giáo lại cho. Chúng tôi rất chơn-thành cảm-tạ.

ĐIỀU NGỤ TỬ MẬT-THÈ

Viết ở Trác-Lâm — Huế

giữa mùa Xuân năm Quý-Vị

(Phật-Lịch : 2506 — Tây-Lịch : 1943

PHÀM LỆ

1º/ Phần Tự-luân trong sách này, vì thắc luân các vấn-dề có hơi dài, sau nghĩ muốn bỏ đi, nhưng lại tiếc cái công-trình đã thảo ra nó. Vậy đọc-giả muốn hiểu ngay tinh-hình của một thiên lịch-sử, xin hãy dở ngay phần lịch-sử đọc trước, khi rỗi-rảnh sẽ tham khảo phần Tự-luân sau, cũng không ngại gì.

2º/ Những bản-đồ trong sách này, trừ bản A, bản H, và bản I ra, còn các bản khác đều theo sự sắp-đặt của Trần tiên-sanh trong sách Le Bouddhisme en Annam..... Chẳng qua doan dưới bản-đồ G, tác-giả có sửa lai mấy tên cho đúng hiệp với thư-tự về những chữ trong giòng kè.

3º/ Kè ra Phật-giáo ở Trung-Kỳ gần đây, ngoài phái Nguyên-Thiều và Liêu-Quán, còn có

các phái nhỏ khác, gốc ở hai phái trên mà lập ra, đặt riêng một giòng kệ khác. Nhưng vì sự truyền-thống không được phát-đạt lắm, nên đại-khai không thể chép thành bản-dồ được.

4°/ Bất cứ một tôn-giáo nào, truyền vào nước nào, về sự thạnh suy đều có liên-quan bởi các vần-dề chính-trị, kinh-tế, xã-hội của các thời-đại trong nước ấy. Sách này vì muốn khởi hứng cho độc-giả, nên tác-giả dưa theo tình-hình của các thời-đại trong nước, lược thuật cách rõ ràng, độc-giả khi đọc rất có nhiều thú-vị.

5°/ Sách này viết xong vừa gặp thời-cuộc chiến-tranh ngày thêm rắc-rối, đối với vần-dề án-loát thật trăm phần khó khăn, nên đành phải để năm luôn trong tủ một thời-gian, nay mới đem in được. Vậy các giáo-hữu xa gần, hữu tâm mong đợi xin vui lòng lượng thứ.

TIỂU DẪN

Theo lục truyền, nước Việt-Nam ta khai-quốc bắt đầu từ đời Hùng-Bàng (2879 trước T.L...?), lấy quốc-hiệu là Xích-Quỷ.

Bấy giờ dân ta còn mong muối lầm, ngoài sự tín-ngưỡng thần trời (ông Sấm, mụ Sét), thần cây, thần đá, v.v... như các dân mọi rợ hiện giờ, thì cũng không có một tin ngưỡng gì thuộc về một tôn-giáo nào nữa.

Điều đó không có gì là lạ; bởi không luận dân-tộc nào, kể còn ở vào cái thời-kỳ giả-man, trí-thức chưa được nảy nở, thì về phần tín-ngưỡng, đại-khai đều giống nhau. Và người ta còn dùng bao nhiêu câu thần-thoại để giải-thích những hiện-tượng mà người đương thời đó cho là bí mật

khó hiều trong vú-trụ. Như chuyện Sơn-tinh, Thủy-tinh trong lịch-sử nước ta chẳng hạn... Nên ta có thể nói sự tín-ngưỡng ấy là một Thần đao rất phô biến của nhân loại buổi sơ khai.

Đến đời Tần-thủy-Hoàng sai Đồ-Thư đem quân sang đánh Bách-Việt (Quảng-Đông, Quảng-Tây và Bắc-kỳ bây giờ), (214 trước T. L.), cho đến khi Triệu-Đà nồi lên làm bá chủ cả quận Nam-Hải và Âu-Lạc (tên cũ nước ta ngày xưa) (207 trước T. L.), thì dân ta mới bắt đầu tiếp xúc với văn-hóa Tàu. Tuy vậy cũng chưa được hắp-thụ gì mấy.

Mãi đến đầu thế-kỷ, sau khi Lộ-Bác-Đức diệt xong họ Triệu, các vua Tàu mới nghĩ đến việc truyền-bá văn-chương, lễ nghĩa sang lánh thồ mới. Nhưng thiệt ra, thời ấy họ cũng chỉ dạy cho một số ít người hiều sơ về lễ giáo và đủ làm thông ngôn mà thôi.

Đến đời Sí-Nhiếp, nghĩa là bắt đầu vào khoảng năm 187. họ Sí được lánh chức Thái-thú ở đất này, bấy giờ sự giáo-dục mới có tò-chức, các hoc-thuyết Không, Mạnh mới bắt đầu truyền-bá một cách rõ-rệt. Trong khi họ Sí đương đem Nho-học khai hóa cho dân ta, đồng thời Phật-giáo cũng ở Ấn-Độ và Trung-Quốc truyền vào;

và Phật-giáo lại có Lão-giáo, cũng truyền vào
lúc nầy

Thế là dân nước ta đến đây đã có được
ba tôn-giáo. Tựu trung Phật-giáo trước tiên được
nhận làm Quốc-giáo và được nhân dân sùng-tín
hơn cả. Nhờ tinh-thần sáng suốt của thề-đạo, với
công nghiệp bô-giáo của các Tù-sư, Phật-giáo rất
có công to trên lịch-sử văn-hóa nước nhà.

...Mà Phật-giáo là gốc ở Ấn-Độ truyền qua
Tàu, sang ta; vì sự liên-quan ấy, nên trước khi
muốn rõ lịch-sử Phật-giáo Việt Nam, ta cần phải
biết qua nguồn-gốc Phật-giáo và Phật-giáo Trung-
Quốc. Điều đó tưởng cũng không phải là vô-ích.

TỰ - LUẬN

Chương nhất

I.— NGUỒN GỐC PHẬT-GIÁO

Gần ba mươi lăm thế-kỷ về trước, dân tộc A-Ly-An (Aryen) thâu-phục nước Ấn-độ và chia dân chúng ra làm bốn bực :

1°) Chủng tộc Bà-la môn (Brahmana), tức là các đạo-sĩ học hành uyên-bác, giới-hạnh đoan-nghiêm ; văn-hóa học-thuật của dân-tộc đều ở trong tay các bậc này cả.

2°) Chủng tộc Sát-đế-ly (Ksatriya), tức là giòng giỗi vua chúa.

3°) Chủng tộc Phệ-xá (Vaisya), tức là hạng buôn bán bình-dân.

4°) Chủng tộc Thủ-dà-la (Soudra), gồm những dân tôi tớ lao động !

Ngoài ra lại còn một chủng tộc là Ba-ly-a (Pariahs), tức là những dân tộc mội-rợ.

Theo luật Bà-la-môn thì chỉ có ba chủng tộc trên là có quyền đọc kinh, học đạo thôi, còn hai chủng tộc dưới không có quyền gì và phải làm nô-lệ cho ba phái trên.

Bấy giờ toàn cõi Ấn-độ chia làm rất nhiều nước nhỏ, thường khi hòa, chiến với nhau như đồi Chiến-quốc bên-Tàu, tuy đại thể vẫn thu về nước Ma-Kiệt-Đà (Magadha) (như các nước chư-hầu với đồi Chu Mạc vậy). Nước này lớn nhất ở phía Nam sông Hằng-Hà (Gange), làm trung tâm điểm cho toàn xứ Ấn-Độ.

Trong những nước có danh tiếng nhất thời ấy, có nước Ca-Tỳ-La-Vệ (Kapilavastu) (1), vua tên là Tịnh-Phạn (Sudhodana) Hoàng-hậu là Ma-Ha-Ma-Da (Maha-Maya) con vua A-Nâu Thích-Ca (Anuçakya) nước Câu-Ly (Koly) (2). Khi ấy vua Tịnh-Phạn đã 50 tuổi và Hoàng-hậu 45 tuổi mới thọ thai lần đầu. Theo tục Ấn-Độ, đàn bà phải về nhà cha mẹ mà sanh con, và con sanh ra đều lấy họ mẹ, nên Hoàng-hậu đã về nước Câu-Ly, đàn

(1) Nay là xứ Piprava gần thành Gorakrpur, phía Nam nước Népal.

(2) Nay là Rummindei của nước Tarai.

sanh được Hoàng-tử lấy tên là Tất-Đạt-Đà (Siddharta) và họ là Thích-Ca (Çakya).

Hoàng-tử Tất-Đạt-Đà sau đây là Phật Thích-Ca, hiệu là Mưu-Ni (Mouni), nghĩa là vắng lặng, nhơn-đức hoàn-toàn.

Nơi sinh ngài là vườn Lâm-Tỳ-Ni (Lumbini). Năm 1897 bác-sĩ A Fuhrer có đào được ở nơi ấy một trụ đá của vua A-Dục (Açoka) (sau khi Phật tịch-diệt chừng 270 năm) đánh dấu chỗ đúc Phật giáng-sanh.

Còn về niên đại giáng sanh của Ngài hiện có nhiều thuyết khác nhau. (1) Theo thuyết phổ thông thì Ngài sanh ngày mồng 8 tháng tư âm-lịch đời Chiêu-Vương nhà Chu (trước Tây-lịch 1027 năm). Nhưng theo Phái Châu pháp-sư người Tàu đã tăng du học ở Tích-lan (Ceylan), dày công nghiên cứu về lịch-súr Phật, có dẫn chứng bằng mấy chục bộ sách vừa văn Tàu và văn Pâli, thì Ngài sanh vào khoảng năm 563 trước Thiên-Chúa giáng sanh.

Ngài từ bẩm thông-minh từ thuở nhỏ. Bảy tuổi Ngài theo học các đạo-sī phái Bà-la-môn, như

(1) Những niên đại Phật giang-sanh của các thuyết : 1023 — 685 — 626 — 624 — 623 — 566 — 561 — 559 — 557 — 487 — 466 trước Thiên-chúa giáng-sanh.

ông Tỳ-xa-mật-đa-la (Visvamitra) và ông tướng võ Sằn-đè-đè bà (Ksautidiva). Dần dần Ngài thông hiểu các khoa, nhất là nghị-luận, triết-lý. Chính trong khi bắt đầu hiểu biết ấy, cũng là khi Ngài bắt đầu cảm thấy chán nản cuộc đời vinh hoa phú quý và buồn đau cho cuộc thế của nhân sinh.

Nhưng vì có gì một vị thiếu niên Hoàng-tử sống một cuộc đời đẹp đẽ, không bao giờ trực tiếp với đời mà lại có tâm-lý ấy? Rồi sau đây tại sao Ngài biết đời khổ mà xót thương đến phải xả thân để tìm phương giải thoát? Chúng ta cần nên tìm sâu vào nguyên-lý ấy

Cứ suy mấy bậc thánh-triết Trung-Hoa ai cũng biết, bởi sống giữa thời đại quá suy đồi, lốn hiếp bé, mạnh hiếp yếu, thì ngài Lý-Đam mới tạo ra được triết-lý vô-vi của đạo Lão; đời Xuân-Thu phong-hóa đời bại (cha không ra cha, con không ra con, vua không ra vua, tôi không ra tôi), thì ngài Khổng-Khâu mới sáng ra phép tu thân của đạo Nho. Như vậy đủ rõ, hoàn cảnh giúp nên thánh triết, mà người trở nên thánh-triết chỉ là người muốn cải thiện thời thế. Nếu đời chiến quốc không phải là thời phong kiến, và là đời sống thanh bình như thời Nghiêu, Thuấn thì dù có Khổng-Tử hay Lão-Tử, nước Tàu cũng không thêm được

món triết-lý nào.

Vậy nói đến Phật Thích-Ca, tất cũng phải xét đến nguyên nhân chánh đáng. Nguyên nhân chánh đáng ấy, chính là lòng từ-bi của Ngài, nghĩa là suy đến hoàn cảnh Ngài.

Như trên đã nói, dân tộc Ấn-Độ bấy giờ chia ra làm năm phái rõ rệt, Ngài là giòng quý tộc. Nhưng xét ra giòng quý tộc chỉ có quyền mà không có thể, vì bao nhiêu học-thuật, luật-pháp đều ở trong tay phái Bà-La-Môn cả. Một Hoàng-tử thiếu niên có đủ tài như Đức Thích-Ca, thấy vậy tất phải sanh lòng bất mãn cho cái chế độ ấy. Rồi Ngài lại thấy cái khổ của những kẻ nô lệ gần Ngài. Ngài sanh ra bất bình với cái tập quán bất công của dân tộc. Sự buồn rầu của Ngài khởi điểm từ đây. Lại hàng ngày Ngài thường nghe và thấy bao nhiêu chuyện đau khổ của nhân loại, và, dầu người được sanh vào nơi quyền quý, nơi mà người đời đã cho là sung sướng, cũng không tránh khỏi bốn cái ách « sanh, lão, bệnh, tử ». Thế là Ngài bắt đầu ngờ vực mọi triết-lý trước sự sống đau khổ của loài người.

Ngài lại càng buồn rầu khi thấy chỉ có mình Ngài cảm biết nổi đau khổ ấy, còn biết bao nhiêu người vẫn sống mê man... tranh đua, áp chế, cướp

giết lẫn nhau, gây thêm cho nhau bao nhiêu là cảnh khổ náo thương tâm, mà người đời vẫn triền miên sống trong vòng tội lỗi tối tăm, trong cảnh khổ không bờ bến mà không hề tự biết! Nhơn đó Ngài mới nhówm trong tâm một lý tưởng :« Phải tìm lấy chơn-lý để cứu vớt chúng-sanh ra ngoài bể khổ». Từ đó Ngài cố tìm trong kinh điển, trong đạo-lý để mong tìm thấy một chơn-lý mà giải luận cuộc nhân-sanh.

Năm 16 tuổi, Ngài vâng lời Vua cha cưới 3 vị phu-nhân là Cu-Tỳ-Gia (Gapika), Gia-Du-Đà-La (Yasodhara), Lộc-Giả (Urganika). Bà Gia-Du-Đà-La sanh được một con trai lấy tên là La-hầu-La. Nhưng càng ngày Ngài càng chán nản đời sống tầm thường dù vợ đẹp con yêu ấy.

Năm 19 tuổi, khi sự chán nản lên đến cực độ, Ngài quyết bỏ vợ con, bỏ cuộc đời vinh-hoa phú quý, vào hang núi chịu đói rét, tu khổ hạnh để mong tìm nghỉ được một phương-pháp gì cứu loài người ra khỏi vòng khổ ái, và bầy cảnh cực lạc trên thế gian. Trong mấy năm ấy, Ngài đi tìm hỏi mấy vị đạo-sĩ có danh tiếng, nhưng Ngài thấy triết lý của vị nào cũng không được siêu thoát lắm. Ngài liền vào ẩn trong núi Tuyết-sơn (tức là Núi Già-Xà-Gaya trong sách Phật ngày sau gọi là Khổ-

hạnh-lâm) để tu tập thuyền định. Trong 6 năm
tùi tu khổ-hạnh, nhưng Ngài không thấy chứng
được đạo quả gì. Ngài mới đi đến núi Tượng-
Đầu (Gajasirsa) bên sông Ni-Liên-thuyền (Nai-
Randjâna) (1) tắm rửa xong, Ngài thọ bát sūra của
mấy nàng mục nữ cúng, rồi Ngài ở đó một mình,
tính tọa suy xét. Ngài thề :«Ta ngồi ở đây nếu
không chứng được đạo quả, thì đầu có tan nát
thân này, ta quyết không bao giờ đứng dậy». Dưới
gốc cây Tất-bát-la (Pippala), Ngài ngồi định tâm
vừa 48 ngày thì, một hôm, khi sao mai vừa mọc,
Ngài bỗng thấy trong tâm sáng suốt, rõ thấy chơn-
lý của vũ-trụ và nguồn gốc sanh tử của chúng-sanh :
Ngài đã thành Phật. Bấy giờ Ngài vừa 31 tuổi
(2), ngày ấy nhầm ngày mồng 8 tháng chạp lịch
Tàu.

(Ngày nay ở Nam thành Patna chừng 110
cây số có thành Già-Gia (Gaya) và cách thành này
13 cây số có linh địa gọi là Phật-Đà già-gia
(Bouddha Gaya), tức là chỗ Ngài thành Phật vậy.
Còn cây Tất-bát-la là chỗ Ngài ngồi nhập định,
sau gọi là cây Bồ-Đề, dấu tích nay vẫn còn

(1) Nay là sông Phalgu.

(2) Có sách nói Ngài 29 tuổi xuất gia, 36 tuổi thành
đạo. Lại có sách nói Ngài 39 tuổi thành đạo.

Khi ấy Ngài yên lặng, hoàn toàn sống trong sự sáng suốt nhiệm màu của chơn-lý mà Ngài đã chứng ngộ, rồi Ngài trở lại với loài người đem đạo-lý ra mà thuyết pháp giáo hóa.

Từ đó Ngài chu du khắp các lưu vực sông Hằng-Hà, giáo hoá được vô số chúng sanh đương mê muội, trở nên giác tịnh, đều quy-y Phật-pháp để tu-hành diệt khổ, chứng đạo Niết-bàn.

Ngài thọ 80 tuổi và tịch-diệt vào ngày rằm tháng hai, trong một vườn cây gần thành Câu-thi-la (Kusinagara).

o°o

Sau khi Phật Niết-bàn, ngài Ma-ha-Ca-Diếp (MahaKôsyapa) thay Phật thống suất tăng chúng, họp cả thảy 500 vị đệ tử Phật, ở thành Vưong-Xá (Rajagrika) giảng tụng lại đạo lý của Phật đã dạy. Đồng thời ở chỗ khác cũng có ngài Ba-Sur-Ca (Caspa), chiêu tập hằng vạn tăng-chúng kiết tập pháp tang. Nhơn đó trong Phật-giáo bắt đầu chia làm hai phái Thượng-tọa và Đại-chúng.

Rồi lần hồi đến kỳ kiết-tập thứ hai (sau Phật Niết-bàn hơn 100 năm), kỳ kiết-tập thứ ba sau Phật Niết-bàn hơn 200 năm), và kỳ kiết-tập thứ tư (sau Phật Niết-bàn chừng 600 năm); qua các kỳ kiết-tập ấy, lần lượt lại chia thành 20 bộ phái ;

tuy có chia ra nhiều bộ phái như vậy, mà vẫn tôn thờ một giáo chủ : Phật Thích-Ca, và giáo-lý đều nương vào lời Ngài dạy từ trước làm thánh-diển.

Trong bốn kỳ kiết-tập kể trên, hai kỳ đầu chỉ nhóm chúng lại rồi các vị thượng tọa lên đàm giảng tụng lại những lời Phật dạy cho nhớ thoi, mãi đến hai kỳ kiết-tập sau mới có biên chép thành kinh-diển. Kết quả thành hai lối văn ; văn Phạn và văn Pâli. Phật-giáo nhờ đó truyền bá hầu khắp toàn cõi Ấn-Độ, cho đến ngày nay đã thành thế giới hóa.

Gần đây các học-giả Âu-Châu nghiên cứu Phật-giáo, lấy nước Ấn-Độ làm trung tâm, đem Phật-giáo chia làm Nam phương Phật-giáo và Bắc phương Phật-giáo. Như hiện nay Phật-giáo truyền ở Tích-Lan (Ceylan), Miến-Điên, Xiêm-La, Lào, Cao-Môn, v.v... gọi là Nam phương Phật-giáo ; Phật-giáo truyền ở Népal, Tây-Tạng, Trung-Quốc, Nhật-Bồn, v.v.. và cả đến Việt-Nam ta gọi là Bắc phương Phật-giáo. Sở dĩ gọi Nam phương và Bắc phương chỉ là sự phân chia về địa-lý, chứ không phải nói về Đại thừa, Tiểu-thừa ; chẳng qua có thể nói Bắc truyền Phật-giáo phần nhiều thuộc về phát triển Phật-giáo ; Nam truyền Phật-giáo so lại gần với nguyên-thi Phật-giáo.

Nam phương Phật-giáo theo kinh điển văn

Pâli ; Bắc phương Phật-giáo theo kinh điển văn Phạn.

ooo

Kể từ khi Phật-giáo chia thành bộ phái rồi thì mỗi bên chấp mỗi kiến-giải khác nhau, tranh nhau nghị luận thật đã ráo riết, khiến trên lịch-sử Phật-giáo Án-Độ, về khoản trước thế kỷ thứ nhất, thứ hai, Đại-thừa Phật-giáo cơ hồ không còn lưu hành nữa. Mãi đến đầu thế kỷ, ở Bắc Án-Độ có ngài Mã Minh ra đời, làm luận Đại Thừa khí-tín, cùng nhờ sức ủng hộ của vua Ca-Ny-Sắc-Ca (Kaniska), ngài hết sức tuyên bố phục hưng giáo lý Đại-thừa, từ đó Đại-thừa lần thạnh.

Sau đó 100 năm, lại có ngài Long-Thọ nổi tiếp ra đời, làm luận Trung-quán, luận Thập-nhị-môn, luận Trí Độ... làm khai tổ về Đại-thừa Không-tôn và cả Chơn-ngôn-tòn nữa. Đại-thừa Phật-giáo như đó càng được phát dương lên mãi.

Nổi nghiệp ngài Long-Thọ, có hai vị đệ-tử là : Long-Trí và Đề-Bà, cả hai ngài cùng làm luận giảng đạo, phá đep ngoại đạo, Tiểu-thừa, hoằng dương Đại-thừa (Phật-giáo truyền vào ta lúc này).

Đương thời ở Bắc Án-Độ Tiểu-thừa giáo vẫn còn thạnh hành ; có ngài Ha-Lê-Bạt-Ma (Hari-marman) chiết trung học lý của các bộ phái,

làm ra luận Thành thật, phát huy đạo lý về Nhơn-không, Pháp-không, rất có ý tổng hợp cả Đại-thừa và Tiểu-thừa trong đó. Tiểu-thừa Phật-giáo ở Ấn-Độ đến đây có thể bảo là chung kết.

Đến sau khi Phật Niết-bàn hơn 900 năm, có ngài Vô-Trước sanh ở Bắc Ấn-Độ, sau đến Trung-Ấn, để xướng giáo nghĩa Đại-thừa Duy-thức. Có em là ngài Thể-Thân nguyên trước vốn người theo học Tiểu-thừa, có làm luận Cu-Xá, sau theo anh học Đại-thừa, rồi cả hai ngài đều cực lực phát dương giáo nghĩa Đại-thừa Duy-thức.

Vào khoảng 1000 năm sau khi Phật Niết-bàn là thời kỳ Phật-giáo Ấn-Độ phát triển đến chỗ rực rỡ, có nhiều bậc đại-đức, nhiều vị luận sư ra đời, tuyên truyền giáo lý.

Nhưng đến sau khi Phật Niết-bàn khoảng 2000 năm, đạo Bà-La-Môn được cơ phục hưng, họ hết sức bài xích Phật-giáo, lại có Hồi-giáo ở Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) xâm nhập Ấn-Độ, dùng thủ đoạn khốc liệt, gia hại Phật-giáo, đập tháp phá chùa, hủy diệt chánh pháp. Vì thế Phật giáo phải bị suy diệt, hầu đến tuyệt tích ! Các nhà viết sử Phật-giáo Ấn-Độ chấm dấu ngay từ đó,

Nhưng đến thế kỷ 19, nước Anh kinh dinh

Ấn-Độ, đồng thời với văn hóa nước ấy, người Âu châu họ rất để tâm nghiên cứu, ngày thay tiến tới. Nên với giá trị phổ biến của Phật-giáo, họ đã nhận thức cách đặc biệt và xôn xao khen ngợi. Khi đó, người Ấn-Độ cũng bắt đầu kinh ngạc, nhìn cái văn hóa nước mình, mới lên tiếng kêu gào : Phục hưng Phật-giáo.

Rayendrachilala tiên sanh là một học giả Phật-giáo đầu tiên, săn xuất giữa phong trào nghiên cứu văn hóa Ấn-Độ của người Âu-Tây. Người căn cứ vào 144 loại kinh về Phạn-bản ở Népal, làm ra quyển Népal Phật giáo Phạn-bản (Thelitasanskrit Buddhist Lituature of Népal). Năm 1888 lại có cho xuất bản quyển : «Tiểu phẩm bát-nhā». Đổi với sự nghiên cứu Phật-giáo người rất là có công.

Năm 1893 có Sarat Chandroda tiên-sanh lại đề-xướng lên hội «Nghiên cứu Thánh-diễn Phật-giáo Ấn-Độ và nhân loại học thuật». Khi ấy lại càng kích thích người Ấn-Độ đổi với cơ vận nghiên cứu Phật-giáo.

Đại Bồ-Đề hội là một đoàn thể rất có thế lực trong công cuộc vận động phục hưng Phật-giáo ở Ấn-Độ hiện thời. Sáng lập vào năm 1891, chỉ bộ đều có đặt ở các chỗ như là Nuru-ước, Luân-Đôn, v.v.. Sự bồ giáo hầu khắp Âu Mỹ. Rồi đến

Toàn-Tích-Lan Phật-Giáo đại hội (1918), Toàn Án-Độ Phật-Giáo Đại Hội (1928), trước sau thành lập, đều xây dựng trên một mục đích «Chấn hưng Phật-giáo».

Đến như hiện nay nhân dân Ấn-Độ tổng kê được là 301.894 vạn người, tựu trung Phật-giáo đã chiếm được số 1157 vạn.

Như vậy ta đủ thấy quang cảnh thanh đạt đến đường nào !

Chương hai

II.— PHẬT-GIÁO Ở TRUNG-QUỐC

Nước ta lúc đầu ánh hưởng Phật-giáo tuy có trực tiếp với Ấn-Độ, song sự truyền bá không được phổ cập hết dân tộc, nên sau Phật-giáo có thành là nhờ kinh-diển của Tàu đã dịch lại ở văn Phạn. Bởi thế, ta cần biết qua lịch-sử Phật-giáo ở Trung-Quốc.

Trong sách Liệt-Tử có dẫn lời đức Không-Tử rằng : «Khâu này nghe phương tây có bậc Thánh, không trị mà không loạn, không nói mà tự tin».

Lại sách Ngụy thư thích Lão chi có chép : «Vua Võ-Đế nhặt Tây Hán sai tướng Hoát-Khu-Bình đánh nước Hung-Nô, bắt được hình người

bằng vàng dài hơn một trượng, đem về dâng vua, vua liền đem vào thờ ở trong cung Cam-Tuyễn, thường ngày thắp hương lê bái».

Cũng trong sách ấy chép : « Đời Tây Hán có tướng Trương-Khiên phụng mệnh vua Võ-Đế đi sứ Tây-vực về tâu rằng :«bên nước Thanh độc (một nước trong xứ Tây-vực bây giờ) có đạo Phù-Đồ» (tức Phật-giáo).

Sách Liệt tiên truyện của Lưu-Hưởng đời Tây-Hán Thành-đế có chép : « Từ đời Hoàng-Đế đến nay, đặc đạo có hơn 700 người, nhưng trong số ấy tu theo, đạo Tiên chỉ có 146 người, còn bao nhiêu đều theo Phật».

Xem đó đủ biết dân Trung-Quốc biết có Phật giáo đã lâu lắm, trong dân giàn rải rác đã có người theo và trong nước đã có dư luận về đạo Phật vậy.

Mãi đến đời nhà Đông Hán, niên hiệu Vĩnh-Bình năm thứ 10 (T.L.67), vua Minh-Đế sai các ông Thái-Hâm, Vương-Tuân, cả thảy 18 người, qua nước Đại-nhục-chi để rước Phật về thờ và có mời được hai vị sư là Ca-Diếp Ma-Đằng và Trúc-Pháp-Lan qua Trung Quốc. Vua Hán-Minh-Đế liền sắc dựng chùa Bạch Mã để thờ Phật và cho hai ngài ở đó dịch kinh, truyền đạo. Hai ngài dịch

được kinh Tứ thập nhị-chương và 16 quyển khác. Ở Trung-Quốc, Phật-giáo được triều-dình thừa nhận, có làm chùa và dịch kinh là bắt đầu từ đó. Dần dần đạo Phật càng ngày càng bành trướng, khiến đạo Lão gần mất hết thế lực. Bởi thế, những nhà truyền đạo từ Tây-vực lục tục kéo sang Trung-Quốc, như ngài An-Thế-Cao, Chi-Lâu-Ca-Sám, Chi-Diệu, Trúc-Phật-Sóc là những bậc nổi tiếng nhất. Đến đây, kinh chữ Phạn dịch ra chữ Hán đã đến số 300 bộ.

Nhà Đông Hán mất; Ngụy, Thục, Ngô nổi lên, tức là đời Tam-Quốc, có ngài Khương-Tăng-Hội từ Tây-Vực qua truyền đạo, thuyết pháp, vua Ngô-Tôn-Quyền chịu quy-y. Năm thứ hai niên hiệu Gia-Bình vua Ngụy Minh-Đế (T.L. 250), ngài Đàm-Ma-Ca-La từ Trung Án-Độ qua thi hành phép «Thập-nhơn-thọ». (1) về Tứ-phận-luật. Trung-Quốc thi hành giới luật là bắt đầu từ lúc ấy. Mấy năm sau (T.L. 258), Châu-Tử-Hàng ở Lạc-Dương khai đàn giảng kinh Bát-Nhã. Trung-Quốc công khai giảng kinh Phật cho nhân dân nghe cũng bắt đầu từ lúc ấy. Nhưng thời bấy giờ kinh điển dịch ra chưa hoàn bị, nghĩa còn mờ quá, nên Châu-Tử-

(1) — Muời người để truyền giới, tức tam sư : Hòa-Thượng, Yết-Ma, Giao-thọ thất chúng, 7 vị tôn chứng.

Hàng quyết chí qua Tây-Vức học chữ Phạn và tìm nguyên bản kinh chữ Phạn để dịch lại.

Năm thứ tư niên hiệu Vīnh-Gia nhà Tây-Tần (T.L.310), ngài Sa-môn xứ Tây-Vức Phật-Đồ-Trùng sang thuyết pháp, nhân dân mộ theo rất đông, có hàng vạn người, trong ấy như ngài Đạo-An, Pháp-Hòa, Trúc-Pháp-Hải, v.v... là những môn đồ nổi tiếng nhất. Phật-giáo cảm hoá nhân gian và hưng thạnh hơn từ đó. Ngài Đạo-An, Huệ-Viên sau phát dương mối manh tôn-chỉ của Phật-giáo ra, đến ngài Cưu-Ma-La-Thập mới là thạnh đạt. Đó là thời kỳ Phật-giáo Trung-Quốc biến đổi lần thứ nhất. Thời này bắt đầu có Tam-luận-Tôn, Thành-thật-Tôn.

Đến đời Nam Bắc triều (T.L. 420 — 588) Phật-giáo càng có thể, có tăng-sĩ Huệ-Lâm được tham dự triều chính. Thời ấy có ngài Bồ-Đề Đạt-ma ở Thiên-Trúc sang truyền pháp Thuyền-tôn, ngài Tam-Tạng Chơn-Đề dịch luận Đại-thừa Khởi tín. Lúc đó ở Trung-Quốc mới đề xướng pháp môn «Chơn như duyên khởi». Ấy là thời kỳ Phật-giáo Trung-Quốc biến đổi lần thứ hai. Lại có Nam-Nhạc đại-sư lập Thiên-Thai-Tôn, ngài Đàm-Vô-Sấm dịch truyền Niết-Bàn-tôn.

Nhưng đến niên hiệu Thái-bình Chơn-quân

thứ 7 (T.L. 446), vua Hậu Nguy Thái-Võ-Đế lại
chém giết hết các tăng lữ và phá hủy hết kinh,
tượng, chùa, tháp trong nước. Lịch-sử Phật-giáo
có chỗ gọi rằng : « Tam Võ, nhất Tôn chi ách »
(1), đây là Võ ách lần thứ nhất. Bốn năm sau
Võ-Đế thăng hà, Văn-thành-Vương nối ngôi, lại
sắc phục-hưng Phật-giáo. Dần dần các đời vua sau
cũng chấn hưng, nên đạo Phật được trùng quang.
Có ngài Lặc-Na-Ma-đề dịch truyền Địa luận-tôn.
Đến đời vua Tuyên-Võ (T.L. 508), Phật-giáo lại
cực thịnh, các sa-môn Tây-vức tìm đến có ba ngàn,
chùa chiền trong nước dựng hơn một vạn, tăng
lữ gần hai triệu.

Song đến đời Võ-đế Bắc-chu (T.L. 574).
Phật-giáo lại bị ách vận lần thứ hai : Vua bắc bỏ
Phật-giáo, dùng chùa chiền làm phủ đệ cho các
vương hầu ; còn tăng-sĩ phải về làm dân hoặc tuyển
làm quân lính.

Sau Võ-Đế, Tuyên-Đế nối ngôi, lại sắc chiếu
phục-hưng Phật-giáo. Chuyên dịch kinh luận. Tiếp
đến đời Tùy, Phật-giáo càng ngày càng thịnh, vua

(1) — Ách vận của đao Phật trong ba đời vua Võ, một vua Tôn. Ba Võ là : Thái-võ nhà Hâu-Nguy, Võ-đế Bắc-chu, Võ-tôn nhà Đường. Nhất tôn là Thế-Tôn Hầu Chu.

quan đều qui-y Phật-pháp, các tăng đồ trước thuật
nhiều kinh luận.

Nhà Tùy suy, đến nhà Đường nổi lên, vua Cao-Tô cũng sùng tín Phật-giáo, nhưng có quan Thái-Sử-Lịnh là Phó-Dịch bảy lần dâng sớ bài bác đạo Phật, vua Cao-Tô lại phải chất vấn lại các tăng-sĩ, nên có hai vị tăng là Huệ-Thừa làm Biện-Chính luận và Minh-Khai làm Quyết-đối luận. Nhưng vua Cao-Tô cũng hạn chế việc làm chùa và truyền đạo. Thời ấy Lão-giáo cũng bị hạn chế.

Sau Cao-Tô có Lý-Thể-Dân là con nối ngôi, hiệu là Đường-Thái-Tôn. Đời này nhơn dân an cư lạc nghiệp, đường giao thông với ngoại quốc mở rộng, nên không những Phật-giáo hưng thạnh mà các giáo khác của ngoại quốc cũng bắt đầu truyền vào, như Tiên-giáo, Ma-Ni-giáo, Hồi-giáo và Cảnh-giáo. Chính ngài Huyền-Trang sang Thiên-Trúc cầu kinh cũng vào lúc này. Nguyên kinh điển Phật-giáo bảy giờ phần thì các đời trước dịch sai lầm, phần thì mấy lần bị các vua chúa thiêu hủy, khi chép lại có sai nhiều; ngài Huyền-Trang thấy thế liền quyết sang tận thành Vương Xá Trung Ấn-Độ, thọ giáo với ngài Giới-Hiền luận sư, rồi lại du lịch các nước trong cõi Ấn-Độ để tìm nguyên bản kinh điển đem về dịch. Niên hiệu Trinh-Quan

thứ 19 (T. L. 645), ngài mới về nước. Đường-Thái-Tôn rất tôn kính, ban ngài ở chùa Đại-tử-ân và chùa Hoằng-phuoc để dịch kinh, truyền đạo. Ngài hết sức truyền bá, nên Phật-giáo được lừng lẫy phổ cập khắp nhơn gian. Với kinh điển của ngài dịch ra, người sau gọi là « Tân-dịch », đối với những lần dịch trước có phần sai khác. Đó là thời kỳ biến đổi lần thứ ba Phật-giáo ở Trung-Quốc. Các đệ tử của ngài về sau cũng trước tác kinh luận rất nhiều quyển có giá trị.

Sau vua Cao-Tổ, đến bà Võ-tắc-thiên Hoàng-Đế, cũng sai sứ qua nước Vu-diễn (tức là Khotan và Kustana bây giờ) cầu kinh Hoa-nghiêm thêm các kinh điển chữ Phạn, và mời một học giả chữ Phạn là Thật-Xoa Nan-Đà về dịch kinh cùng ngài Bồ-Đề Lưu-Chi Tam-tạng, dịch kinh Hoa-Nghiêm được 80 quyển gọi là « Bát thập Hoa-Nghiêm », bà Võ-Tắc thân làm bài tựa. Lại có ngài Nghĩa-Tịnh Tam-tạng cùng qua Ấn-Độ du lịch các nước và cầu kinh về dịch được 60 bộ, cộng 230 quyển Phật-giáo thật đến hồi cực thạnh vậy.

Từ đó hết đời vua này đến đời vua khác, vua nào cũng ủng hộ Phật-giáo, tăng sĩ có rất nhiều người hoặc Tây du, hoặc dịch kinh, hoặc làm luận, nên Phật-giáo càng ngày càng rộng.

Nhưng đến đời vua Võ-Tôn, Phật-giáo lại bị đại ách, tức là Võ-ách thứ ba : niên hiệu Hội-xương thứ 5 (T.L. 845), nguyên Võ-Tôn sùng-tín Lão-giáo, nên nghe các đạo sĩ hạ sắc hủy 44.600 chùa Phật, bắt 265.000 tăng ni hoàn tục, những chuông khánh bằng đồng, tịch thu để đúc tiền. Thời ấy các giáo khác cũng bị giải tán.

Cách hai năm sau, vua Tuyên-Tôn lên ngôi mới lại hạ sắc tu bổ chùa chiền, chấn hưng Phật-giáo. Nhưng đời ấy quốc-thể nhà Đường đã đến thời suy, nên Phật-giáo dù hết sức chấn hưng cũng kém bèle thạnh đạt.

Đời Đường có thêm các tôn : Tịnh-Độ, Pháp-Tướng, Cu-Xá, Luật, Hoa-Nghiêm, Chơn-Ngôn.

Xét ra, Trung-Quốc đến đây và từ đây về sau, chỉ có đời Đường, từ Đường Cao-Tôn (T.L. 645) đến đầu đời Đường Võ Tôn (T.L. 845) là Phật-giáo hưng thạnh lừng lẫy nhất. Còn từ này về sau, Phật-giáo từ chõ bảo thủ đến thời suy đồi, không đời nào được hưng thạnh hơn nữa ; ấy cũng bởi thời thế rồi ren, thay đổi luôn luôn. Như sau đời Đường đến đời Ngũ-đại (Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tần, Hậu Hán, Hậu Chu), chiến tranh thường nỗi dậy. Không những thế, vua Thé-

Tòn nhà Hậu Chu lại không ưa Phật-giáo, sắc chỉ phá hủy chùa chiền đến 30.336 cái, và đem tượng đồng, chuông, khánh đúc tiền (đó là nhất Tôn chí ách vậy), những kinh điển và chương luận của các bậc cao tăng tán lịc hết, Phật-giáo tưởng đến tuyệt tích !

Hết đời Ngũ - đại, nhà Tống nổi lên chấn hưng Phật - giáo, nhưng không thể rực rõ ngay được nữa. Tuy vậy, những chùa chiền tháp tượng đã bị phá hủy, dần dần cũng được dựng lại, kinh điển được tìm ra khắc lại. Và cũng có sứ sang Cao Ly tìm kinh - điển, nên Phật-giáo cũng đỡ điêu tàn. Lần lượt các đời vua sau hết sức chấn hưng, sai sứ đi cầu kinh, cầu pháp - sư Tây - vức về, và sắc dịch kinh - điển, nên Phật-giáo lại được hồi phục, tuy có kém trước.

Rồi dần dần nhà Tống cũng suy yếu, nhà Kim (Mân - Châu) sang xâm lấn, Phật - giáo vì vậy cũng suy. Sau Mông - Cổ lại diệt Kim, Hốt - Tất - Liệt diệt Nam Tống thống nhất thiên hạ, lập ra nước Nguyên ; tuy các đời vua cũng sùng - tín Phật - giáo, nhưng không có việc gì đặc sắc. Nhân lại có Lạc - Ma giáo ở Tây - Tạng truyền vào, được vua chúa triều - đình sùng thượng hơn, nên đạo Phật cổ hưu ở Trung - Quốc càng suy kém.

Nhà Nguyên suy, Chu-Nguyên-Chương nổi lên lấy thiên-hạ, lập ra nhà Minh. Minh Thái - Tổ lúc nhỏ đã tăng làm Sa - Di, nên hết sức ủng - hộ Phật-giáo. Ngài lại qui định pháp tắc cho tăng lữ, đặt những Ty Tăng-cang, Tăng - chánh, Tăng - hội để chưởng lý các tăng-lữ. Trong phái tăng đồ có chức hiệu từ đó. Đồng thời cũng có nhiều tăng sĩ phiên dịch và trước thuật kinh luận, nên Phật-giáo lại được trùng-hưng. Đến đây có thể nói là thời kỳ vេ vang sau cùng vậy.

Nhà Minh tàn, nhà Thanh (Mân-Châu) nổi lên thống nhất thiên - hạ. Thanh Thái - Tổ, Thanh Cao Tôn tuy cũng ủng hộ Phật-giáo, nhưng cũng chỉ là bảo thủ thôi. Đến thời Thánh Tổ, Thế-Tôn thì Phật-giáo càng suy đốn, vẫn có chùa chiền, tăng sĩ, nhưng thật ít người thấu hiểu đạo lý của Phật.

Cuối đời nhà Thanh, sóng văn-minh Âu-Tây truyền vào, thuyết bài trừ mê tín sôi nổi toàn quốc, Phật-giáo càng suy, các chùa chiền phần nhiều bị đổi ra làm trường học hoặc các việc công ích khác. Bởi vì sự thật, Phật-giáo bấy giờ chỉ còn hư danh, nói đến Phật - học là người ta chỉ - nghĩ cũng cấp mê tín thôi, nên Phật-giáo cũng bị người ta làm cho là một món tà đạo đầy sự lợi dụng, mê tín, Sau các nhà văn sĩ, học - giả mới nổi lên, đều nghiên-

cứu triết lý nhà Phật. Họ nghiên-cứu theo khoa-học và đồng-tán dương trên sách báo nên Phật-giáo nhờ đó lại được quốc dân tưởng niệm đến.

Đến thời Tôn-Văn nổi lên cách mệnh, xung-thuyết Tam-Dân chủ nghĩa rồi diệt nhà Thanh mà lập-nên Dân-quốc (1912), dân chúng càng ảnh hưởng văn-minh, thì Phật-học lại càng tăng và đi vào đường-nghiên-cứu. Nhờ vậy Phật-giáo bỗng nẩy ra những tia-sáng mới lạ.

Năm Dân-Quốc mới thành lập, ngài Kinh-Sơn cùng các ngài đồng chí sa-môn, cư-sĩ, sáng-lập Trung-Quốc Phật-giáo tổng-hội; các cư-sĩ ở Thượng-Hải cũng lập Phật-giáo cư-sĩ-lâm, Phật-giáo tịnh-nghiệp-xã.

Về sau này, các sa-môn cư-sĩ dần-dần sáng-lập những chuyên-môn học hiệu, như: Giảng-đường chùa Quán-Tôn ở Ninh-Ba (Chiết-giang) do Đề-Nhàn Pháp-sư chủ giảng; ở Võ-Xương (Hồ-Bắc) có Phật-học-viện do Thái-Hư Pháp-sư là người tân-học uyên-bác chủ giảng; ở Giang-Tò có Hoa-Nghiêm học-viện; Nam-Kinh có Nội-học-viện do Âu-Dương Kinh-Vô chủ giảng. Trong các đoàn-thể nghiên-cứu Phật-giáo, phần-nhiều có tạp-chí làm cơ-quan hoằng-dương giáo-nghĩa, như: Phật-học-tùng-báo, Hải-triều-âm, Cư-sĩ-lâm-san, Tịnh-

nghiệp nguyệt-san, Chi-Na nội-học, Oai-âm, Vi-diệu-thanh, Phật-giáo tân văn, v.v... đều lục tục xuất-bản.

Đến nay xảy ra nạn Trung-Nhật chiến-tranh, nên Phật-giáo cũng bị ảnh-hưởng, các cơ quan phần bị tạc đạn, phần chạy loạn, nên công việc hoằng-dương đều phải đình đốn cả. Nhưng các bậc đạo đức tăng-già, hộ-pháp cư-sĩ vẫn quyết chí duy trì ở những nơi đã bị chiếm cứ hoặc chưa bị chiếm cứ, tưởng sau này thời thế được yên, thì Phật-giáo chắc lại có cơ hồi thịnh vậy. (1)

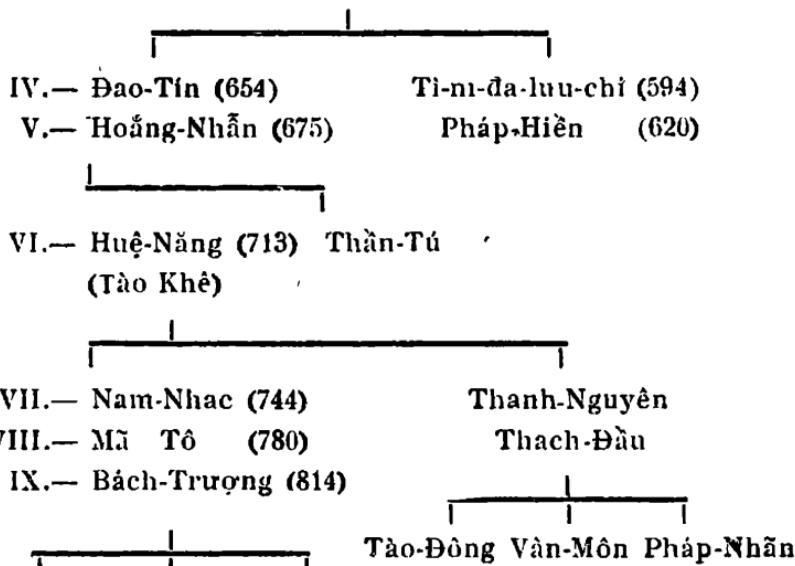
(1) — Phần này hoàn toàn toát yếu trong cuốn «Trung-quốc Phật-giáo tiểu-sử của Trần-Bản-Hòa» Mật-Thê dịch-thuật.

BAN ĐỒ A (1)

Phái Thuyền-Tôn ở Tàu sang Việt-Nam



- I.—Bồ-Đề Đạt-Ma (528)
 II.—Huê-Khá (?)
 III.—Tăng-Xáng (606)



Huỳnh-Nghiệt Linh-Hữu Vô-Ngôn

Nghĩa-Huyện Huệ-Tích Cầm.Thành (Lâm-Tế) (Qui-Ngưỡng)

(1) Trích trong sách Le Bouddhisme en Annam của Trần-văn-Giáp có chia lai.

—
—
—
—
—

—
—
—
—
—

—

Chương ba

III.— ĐỊA-THẾ NUỐC VIỆT-NAM — NGUỒN-GỐC VÀ TINH-THẦN NGƯỜI VIỆT-NAM

Muốn khảo-sát lịch-sử của một dân-tộc nào, bất cứ về phương-diện gì, đều phải căn-cứ vào địa thế đất nước của dân-tộc ấy để làm chỗ lập định. Vì hoàn-cảnh sanh-hoạt của dân-tộc đều ảnh-hưởng ở hình-thể, khí-hậu và cương-vực của đất nước. Nhất là về phương-diện Phật-giáo của dân-tộc Việt-Nam, người đọc sử lại cần biết rõ điều-kiện địa-lý. Vì Phật-giáo vốn của ngoại bang truyền vào bằng cách trực-tiếp hoặc gián-tiếp.

Cứ theo hình-thể cương-vực hiện thời, thì nuốc Việt-Nam ta chiếm hết bảy phần mười cõi Đông-dương (người ta thường gọi gồm cả là Ấn-

Độ Chi-Na), vì địa-thể ở giữa nước An-Độ và Trung-Hoa.

An-Độ Chi-Na là một bán-đảo ở giữa biển Trung-Hoa và vịnh Băng-Gan (Bengale), cấu thành bởi mấy giải núi từ Tây-Tạng chảy về miền đông-nam đến biển, xoè ra như hình giải quạt. Ở giữa các giải núi ấy là những thung-lũng, đâu thì hẹp rồi dần dần tỏa ra thành cao-nguyên và bình-nguyên. Những sông lớn như sông Nam (Ménam), sông Khung hay sông Cửu-Long và sông Nhị, đều phát nguyên từ Tây-Tạng chảy theo các thung-lũng ấy, rồi bồi thành một giải trung-châu ở dọc bờ biển từ Bắc đến Nam. Đó là đại-khai vị-trí của nước Việt-Nam.

Còn nòi giống dân-tộc Việt-Nam, theo tục truyền thì là nòi giống Tiên-Rồng, mà căn-cứ vào sự nghiên cứu của những nhà sử-học gần đây, nhất là những giáo-sư ở trường Viễn-Đông Bác-cổ thì có mấy thuyết :

1.) Có người cho tổ tiên ta phát tích từ Tây-tạng, sau theo lưu vực sông Nhị mà di-cu-xuống miền trung-châu Bắc-kỳ.

2.) Ông Aurousseau có dân-chứng cổ -diễn rất rõ-ràng, cho tổ tiên ta là người nước Việt ở miền hạ-lưu sông Dương-tử, sau bị nước Sở (đời

Xuân-thú) đánh đuổi, phải chạy xuống phía nam ở miền Quảng-Đông, Quảng-Tây rồi lẩn lẩn đến Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ (đời thương-cổ địa-thể nước ta là từ Quảng-đông, Quảng-tây đến phía bắc Trung-kỳ).

3') Theo nhiều nhà nhân-chủng-học khác thì, ở đời tối thương-cổ có giống người Anh-dô-nê-diêng bị giòng A-ri-ăng đuổi từ Án-độ tràn sang bán-đảo Án-Độ Chi-Na. Giống người Anh đô-nê-diêng này làm tiêu-diệt giòng thổ-dân ở đây trước là giòng Mê-La-nê-diêng, rồi một phần đi thẳng sang Nam-Dương quần-đảo, còn một phần ở lại Án-Độ Chi-Na. Ở phía nam họ thành giòng người Chiêm-thành và Cao-môn theo văn-hóa Án-Độ ; ở phía bắc thì hôn-hợp với giòng Mông-Cổ mà thành người Việt-Nam, sau ảnh-hưởng văn-hóa Trung-Hoa.

Trong ba thuyết ấy, thuyết nào cũng có lý và có chứng cớ (chưa biết chứng giòng người Việt-Nam là cả ba giòng người ấy hôn-hợp mà thành cũng nên).

Kẻ mấy giòng người trong cõi Án-Độ Chi-Na, thì giòng người Việt-Nam ta là thuần chắt nhất, thông-minh nhưng không lôi-lạc phi-thường, giàu trí nghệ-thuật hơn trí khoa-học, giàu trực-giác

hơn luận-lý. Bởi thế, dân-tộc Việt-Nam đã chịu ảnh-hưởng văn-hóa tinh-thần của người ngoại-bang. Tánh-khí nóng-nổi, không bền-chí, nhưng chịu đựng được sự cực-khổ và hay nhẫn-nhục ; thường thì hay nhút-nhát và chuộng hòa-bình, song lại biết hy-sinh vì nghĩa lớn. Ít sáng tạo, nhưng bắt chước, thích-ứng và dung-hợp thì rất tài. Vì những cái ấy, nên những tôn-giáo, đạo-lý ở nước ngoài truyền vào dễ được dân-tộc Việt-Nam ta hoan-nghênh và súc tin-tưởng cũng rất mạnh.

Cứ xét cái tinh-thần ấy và địa-thể nước ta, thì thật là một điều rất lợi cho dân-tộc ở một nơi gập-gòi hai văn-hóa của hai dân-tộc Ấn-Độ và Trung-Hoa, hai nước đều có nền văn-minh tinh-thần tối cổ ở Á-Châu. Vậy Phật-giáo truyền vào xứ này là một lẽ đương nhiên và dân-tộc Việt-Nam ta đón lấy mà thờ-kính cũng là một điều hạnh-phúc cho tinh-thần nòi giống.

Chương tư

VI.— TÔN-PHÁI TRUYỀN VÀO VIỆT-NAM

Như chương trước đã nói, sau khi Phật Niết Bàn, Phật-giáo ở Ấn-Độ lần lượt chia thành 20 bộ phái, đến khi truyền qua Tàu, vì chỗ xu-hướng của lòng người và sự phát-triển của dân-trí về mỗi thời-đại có khác, nên các ngài cũng tùy theo đó mà lập thành các tôn.

Xét Phật-giáo ở Việt-Nam ta sau thời-đại du nhập, rất chịu ảnh-hưởng Phật-giáo của Tàu, nên những kinh-diễn, tôn-phái đều do ở Tàu truyền sang. Nhưng trong các tôn Phật-giáo ở Tàu, Việt-Nam ta chỉ dắc truyền có một Thuyền-tôn, tuy kinh-diễn vẫn truyền đủ. Nói vậy chừng có hơi nghiêm-khắc quá. Nghĩa là tôi muốn nói thêm :

Ngoài ra trong các thời-đại cũng có người tu về Tịnh-độ-tôn, Mật-tôn, chứ không phải không không, nhưng thiết tưởng đó chỉ là học thay trong kinh-diễn rồi làm theo, đâu có truyền-thống rõ-rệt.

Nói về khởi điểm của Thuyền-tôn : bắt đầu Phật ở trong hội Linh-Sơn, cầm hoa sen khai thị cho trong chúng, bấy giờ chỉ có ngài Ca-Diếp ngộ được thâm-ý của Phật, mỉm cười, Phật liền bảo : « Ta có Chánh-pháp nhẫn-tạng, niết-bàn diệu tâm, pháp-môn vi diệu, thật tướng vô tướng, nay đem phú chúc người Ma-ha Ca-Diếp » (1). Ấy là nguồn gốc phát khởi của Thuyền-tôn. Sau ngài Ca-Diếp truyền cho ngài A-Nan, rồi lần-lượt truyền đến đời tổ thứ 28 là Bồ-Đề-Đạt-Ma tôn-giả. Về đời vua Lương-Võ-Đế (T.L. 528) ngài Đạt-Ma từ Tây-Trúc qua Tàu truyền-pháp. Ấy là vị tổ đầu tiên về phái Thuyền-Tôn ở Tàu. Ngài Huệ-Khả kế thừa làm tổ thứ hai, ngài Tăng-Xáng là tổ thứ ba, ngài Đạo-Tín là tổ thứ tư. Đồng thời với ngài Đạo-Tín có ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi, sau qua truyền-pháp làm tổ thứ nhất về phái Thuyền-Tôn ở Việt-Nam. Ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi truyền cho ngài Pháp-Hiền lập thành một phái Thuyền-Tôn.

(1) Trong Kinh Phan Vương Văn Phàl quyết nghị.

Đến đời thuộc Đường (820) lại có ngài Võ-Ngôn-Thông người Tàu qua truyền-pháp, lập thành phái Thuyền-Tôn thứ hai. Rồi lần hồi đến phái Thảo-Đường, Tào-Động, Lâm-Tề v.v... trước sau nước ta chỉ thấy có một tôn-phái Thuyền-Tôn.

Gần đây nhơn phong-trào Phật-giáo chấn-hưng, và dân-trí Việt-Nam ngày nay đã có chịu xu-hướng muồn tham-bác về các học-thuật, nên đối với các tôn Phật-giáo ở Tàu, tăng-đồ Phật-giáo Việt-Nam ta đã có người lưu-tâm nghiên-cứu, chắc rằng tương-lai tinh-thần giáo-nghĩa của Phật-giáo sẽ được mở-mang ở ta nhiều.

LỊCH - SỬ

Chương nhất

THỜI-ĐẠI PHẬT-GIÁO DU-NHẬP PHẬT-GIÁO ĐỜI BẮC-THUỘC (43—544)

Phật-giáo ở Ấn-Độ truyền-bá đi các nước lân-cận do hai đường thủy và bộ. Về đường thủy thì qua miền Trung-Á như Mông-Cổ, Tây-Tạng và Trung-Quốc; rồi từ Trung-Quốc qua Cao-Lý và Nhật-Bản. Về đường bộ thì qua đảo Tích-Lan và Java truyền vào Indonésie, Đông-Dương và Trung-Quốc. Nước ta ở vào giữa hai con đường ấy. Vậy Phật-giáo truyền đến đâu và từ đồi nào, ta phải khảo lấy mấy thuyết sau này :

1') Những sách của các nhà sư Việt-Nam viết từ thế-kỷ thứ 13 và 14 có chép : « Chính đồi nhà Hán (thế-kỷ thứ 2 và thứ 3) đã có các

đạo-sĩ ở Bắc như ông Ma-ha-kỳ-vực '(Mārijivaka), Khương-Tăng-Hội (K'ang-seng-Houei) và Mâu-Bác (Meou-Pô), ngài thì do theo đường thủy, ngài thì đường bộ mà đến truyền-giáo ở nước Việt-Nam ta ».

2') Sách Ngô-Chí của Tàu chép : « Sī-Nhiếp là một vị thú-sử có oai quyền ở Giao-châu, được dân bản-xứ tôn-kính, khi ra đi người ta thường nghe có tiếng kiêng lân tiếng trống kèn, bọn rợ Hò đi theo thấp hương hai bên xe có từng đoàn mướt người... ».

Theo ông Sylvain-Levi kê cứu, thì « Hò » là một thú tiếng riêng của người Tàu về thế-kỷ thứ 3 dùng để chỉ bọn người phương tây. Vậy « Hò » đây có lẽ là người Trung-Á hay người Ấn-Độ.

3') Truyện Đàm-Thiên Pháp sư có chép : Vua Cao-Tổ nhà Tùy bảo pháp-sư rằng : « Trâm nghĩ đến đạo từ-bi của đức Điều-Ngự, không biết báo ơn thế nào cho phải, Trâm lạm giữ ngôi dân chủ, muốn rộng truyền đạo Tam-Bảo, đã thu khắp di-hài xá-ly, lập được 49 ngọn bảo tháp trong nước để làm tiêu-biểu cho đạo và làm được hơn 150 ngôi chùa rồi. Bây giờ Trâm lại muốn lập chùa dựng tháp khắp Giao-châu (danh hiệu nước Việt-

Nam từ đồi Bắc-thuộc) để cho đạo-đức nhuần khắp thế-giới. Cõi Giao-châu tuy nội thuộc nước ta mà xa xuôi quá, vậy Pháp-sư nên tuyển lấy các thầy Sa-môn đức-hạnh, sang mà hoằng-hóa cho dân ấy, để hết thầy chúng-sanh đều biết đạo Bồ-dề ». Pháp-sư liền tâu : « Cõi Giao-châu có đường thông sang Thiên trúc gần hơn ta. Khi Phật-giáo chưa du-nhập vào đất Giang-Đông ta (1) mà ở cõi ấy đã xây-dựng được hơn 20 ngọn bảo tháp, độ được hơn 500 tăng-sĩ, dịch được 15 bộ kinh rồi. Vì ở bên ấy gần nước Phật hơn ta. Bấy giờ có các vị Ma-ha-kỳ-vực, Khương-tăng-Hội, Chi-cương-Lương và Mâu-Bác đến ở truyền đạo... Ngài muốn bổ-thí một cách bình-dẳng, phái chư-tăng sang truyền đạo, nhưng ở đó họ đã có đủ rồi, ta không cần phải sang nữa ».

4) Sách Pháp-vụ thực-lục chép : « Vào hồi thế-kỷ thứ ba có một ông tên là Kaudra gốc ở Đôong-Ấn, giòng Brahmanes qua Giao-châu một lần với ông Ma-ha-kỳ-vực... ».

Cứ theo mấy dẫn-chứng trên đều thấy hợp nhau và cùng thấy mấy ngài Ma-ha-kỳ-vực, Khương-

(1) Phật-giao tuy truyền vào Trung-quốc từ năm 67 sau Tây-lịch kỷ nguyên, nhưng lâu về sau mới phổ-cập tại Giang-Đông.

tăng-Hội , Chi - cương - Lương , Mâu - Bác là bực truyền đạo đầu tiên ở nước ta.

1.— MA-HA-KỲ-VỰC (Mârajivaka hay là Jivaka).— Trong sách Cao-tăng truyện có chép : « Ông Ma-ha-kỳ-vực gốc ở Ấn-độ, đi du-lịch các nước bắt đầu từ Ấn-độ đến Founan theo đường Giao-châu và Quảng-châu (Bắc-kỳ và Quảng-đông bây giờ); qua nơi nào ngài cũng làm phép lạ. Khi đến Tương-dương, muôn qua đò, nhưng người lái đò thấy ngài quần áo rách-rưới không cho xuống, đến khi đò ngang cắp bến thì mọi người đều lấy làm lạ thấy ngài đã ở bên này sông rồi.

Cuối đời Huệ-Đế nhà Tần (290-306) nước Tàu có loạn, ngài lại trở về Ấn-độ. Ngài tịch năm nào không rõ.

Trong sách Phật-tổ lịch-đại thống-tái chép : « Ông Ma-ha-kỳ-vực đến Lạc-dương vào niên hiệu thứ tư đời Tần Huệ-Đế (294 sau Tây-lịch). Trước khi đến Lạc-dương, ngài có qua Giao-châu và Quảng-châu.

2.— KHƯƠNG-TĂNG HỘI (K'ang-seng-Houei) — Trong sách Lương-cao-tăng truyện của Huệ-Hạo chép : « Một người nước Khương tên là Tăng-Hội, gốc ở Khương-cư (Soadiane), mấy đời tổ-tiên ngụ ở Thiên-Trúc. Phụ-thân ngài

có qua buôn bán ở Giao-châu. Ngài mồ côi cha mẹ từ thuở lên mười. Sau thời kỳ cư-tang, ngài xuất gia, chăm-lo học-tập kinh-diễn đến trở nên một đạo-sĩ khá cao thòi ấy. Ngài tinh-tình chơn-thật, hòa-nhã và rất thông-minh; không những ngài thông hiểu tam-tạng, lục-kinh, mà ngài còn nghiên-cứu cả toán-số, thiên-văn đến văn-chương và chính-trị ».

Bấy giờ về đời Ngô-Tôn-Quyền (229—252) Phật-giáo mới truyền vào Đông-Ngô, nhưng chưa được phát-triển mạnh, ngài tới đó liền hết sức tuyên-dương Phật-Pháp khắp miền Giang-tả; ngài thường cầm gậy tầm-xích đi hành-hóa khắp phía Đông. Niên-hiệu Xích-Ô năm thứ hai đời nhà Ngô (247), ngài đến thành Kiến-Nghiệp (Nam-Kinh bây giờ) làm một túp lều ở đó tu-trì và thiết truwong giảng dạy. Vua Ngô-Tôn-Quyền thấy ngài thi nhiều phép lạ lấy làm ngạc-nhiên, đem lòng tin-phục và xây tháp dựng chùa ngài ở gọi là chùa Kiến-so, chỗ ngài ở thì gọi là Phật-da-lý. Từ đó Phật-giáo mới thanh-hành trong miền Giang-Tả.

Ngài có dịch nhiều kinh chữ Phạn ra chữ Hán. Ngài tịch vào khoản niên-hiệu Thiên-Kỷ thứ tư nhà Ngô (280 sau Thiên-Chúa).

3.— CHI - CUỐNG - LUỐNG (Tche-kiang-Leang) — Trong một bài khảo về bản dịch

« Thập-nhị-du-kinh » của ông Pelliot có dẫn lời ông Phí-trường-Phòng trong sách Lịch-đại Tam-bảo ký rằng : « Đầu vua Võ-Đế nhà Tấn (265-290) có ông Cương-Lương Lâu-chí dịch kinh « Chân-hỷ » ở đất Quảng-Châu vào khoản niên-hiệu Thái-Thụy (266).

Lại trong một bản kinh tịch chí, ông Nanjio có dẫn đến một ông tên là Chi-Cương-Lương tiếp dịch kinh ở đất Giao-châu. Theo ông Pelliot kê cứu thì hai ông ấy chỉ là một người. Cương-lương Lâu-chí chữ Phạn viết Kalyanaruci, theo sự khảo-cứu của Trần-văn-Giáp tiên-sanh thường Bác-Cổ Viên-Đông. (1)

4.— MÂU-BÁC (Méou-Pô) — Theo ông Pelliot khảo-cứu trong sách Mâu-tử lý-hoặc thì Mâu-Báu hay Mâu-tử cũng là một. Ngài người quận Thương-ngô tức Ngô-Châu bây giờ. Sau khi vua Hán-Linh-Đế mất (189) ngài theo mẹ qua ở Giao-Châu. Bấy giờ nước Tàu rối loạn, các sĩ-phu tránh qua đất Giao-châu rất đông, có nhiều người theo đạo Lão học phép tiên.

Ngài thường cùng đạo-sĩ biên-luận, nhiều khi họ không trả lời được những nghi-vấn của

(1) — Le Bouddhisme en Annam — trang 214

ngài ; ngài liền phát-tâm theo Phật-g.áo. Theo ông Pelliot kẽ-cứu thì ngài Mâu-Bác sanh vào khoảng năm 165 — 170 Tây-lịch.

Ta thấy bốn ngài truyền Phật - đạo ấy, một ngài là người Tàu (Mâu-Bác) còn là người Ấn-Độ cả. Và so niên - đại thì ta thấy ngài Mâu-Bác là người truyền Phật-giáo ở đất Giao-Châu sớm nhất : năm 189 sau Tây-lịch kỷ-nguyên. Vậy ta có thể kết-luận : Phật-giáo du-nhập vào nước ta vào khoảng cuối thế-kỷ thứ hai.

(Ngoài ra lại có thuyết nói Phật-giáo truyền vào Giao-Châu từ thế-kỷ đầu, ngang với khi Phật-giáo du-nhập vào Trung-Quốc (67 Tây-lịch). (1) Hoặc giả đó là do Giao-Châu bấy giờ ở vào giữa con đường của các nhà truyền đạo hoặc khách buôn bán của Ấn-Độ Chi-Na qua lại với nhau, có ghé, nhưng không ở nhất định để truyền-giáo, nên không còn di-tích gì chăng ? Vì theo ông Sylvain và ông

(1) — Trong bài Phật-giáo Nam-lai-khảo đăng trong Tap chí Nam-Phong số 128 ra tháng Avril 1928. Nhưng trong một bài của ông Trần-văn-Giáp in trong Tap-chí Viện Bác-cô năm 1930 (+ XXX, P, 151—155) phê bình về bài Phật-giáo Nam-lai-khảo ; dính-chính và nói rằng . « Tác-giả P.G.N.L.K. nhầm làm năm Vĩnh-Bình đời Tấn-Huệ-đế (294 sau T.L.) với năm Vĩnh-Bình đời Mán (61 sau T.L.). Thành ra sai đến 2 thế kỷ».

Pelliot kê cứu thì Trung-Quốc và Ấn-Độ giao-hảo với nhau từ năm 245 trước Thiên-chúa giáng-sanh đến thế-kỷ thứ 7 đều lấy đất Giao-chỉ, Giao-châu làm trung-gian. Bọn du-khách qua lại phải đi ngang qua Bắc-kỳ bây giờ và bắc Nam-hải. Như vậy ta có thể đoán đó chỉ là những nhà đạo-sĩ và những người buôn bán sùng đạo Phật mới đem tín-ngưỡng đến xứ này về thời ấy, chứ chưa hẳn là truyền-bá giáo-lý).

Ở bên Tàu từ sau khi vua Hán-Linh-Đế mất, chính-trị trong nước rối-ren, những cuộc nội loạn bắt đầu sửa-soạn cái loạn Tam-quốc sau này, thì đất Giao-châu được yên- ổn dưới quyền chính-trị của Thái-thú Sī-Nhiếp (187 — 122).

Trong sách Mâu-Tử ký chép : « Sau khi Hán-Linh-Đế mất, trong nước rối loạn, chỉ có đất Giao-châu là tạm yên, nên những sĩ-phu đều sang tránh loạn ở đó. Nhiều nhà đạo-sĩ mang truyền các ngoại - đạo như Thần-đạo, Tiên-đạo, Trường-sanh đạo. ». Mà Mâu-Bác lại quyỷ Phật-giáo sau khi đã khảo về Lão-giáo (theo sách Mâu-Tử lý hoặc).

Vào khoảng năm 194 — 295 ông Mâu-Tử sang Giao-châu tư khảo Phật-đạo và truyền đạo. Những người Tàu khác cũng bắt chước. (1)

(1) — Le Bouddhisme en Annam của Trần-văn-Giáp trang 25.

Xét theo mấy dẫn-chứng trên và trở lại dẫn-chứng thứ hai đầu mục này, ta có thể biết đại-khai Phật-giáo ở ta về cuối thế-kỷ thứ hai và đầu thế-kỷ thứ ba; hồi ấy đất Giao-châu đã có dư-luận về đạo Phật ở trong đám nhân-gian bởi những người Tàu và người Án-Độ. Nhưng chẳng qua đó chỉ là trong khu-vực thời, chờ sự thật vị tắt dàn nước đã biến hết.

Nhưng theo lời Đàm-Thiên (dẫn-chứng thứ ba chương này) thì nước ta cũng đã dựng chùa, xây tháp đến 20 ngọn, tăng-sĩ đến 500 người và kinh dịch đã được 15 bộ. Dịch kinh thì có ngài Khương-Tăng-Hội dịch chữ Phạn ra chữ Hán — thời ấy ta đã có theo học chữ Hán rồi — vào đầu thế-kỷ thứ ba; bấy giờ Giao - Châu nội - thuộc Đông-Ngô.

Năm 225-226 cũng có một người nước Nhục-Chi. (Indoscythé) tên là Kalyānaruci tới Giao-Châu, dịch kinh Pháp-Hoa Tam-Muội.

Tuy nhiên ở Giao-Châu từ ấy đến hết thời Bắc-thuộc lần thứ 2 (43-544) sang đến nh` Tiền-Lý (544-548) rồi đến đầu đời Bắc-thuộc lần thứ ba (603-939) Phật-giáo vẫn còn ở thời-kỳ phôi-thai, tuy có tăng-sĩ, có chùa, nhưng đó mới chỉ là một điều-kiện tôn-giáo tin-ngưỡng thời. Vì bấy giờ

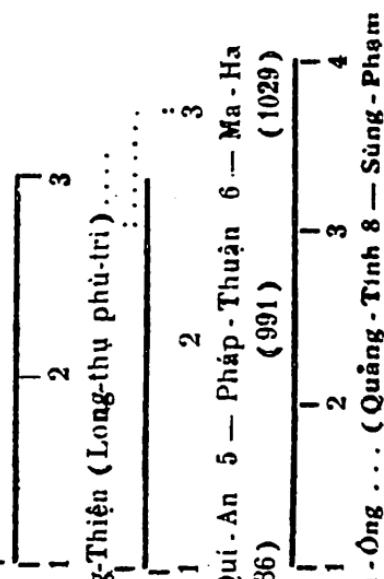
BẢN ĐỒ B (1)

Phái Tỵ-Ni-Đa-Lưu-Chí



- I. — 1 — Pháp-Hiền (626)
- II. — ...
- III. — ...
- IV. — 2 — Thành-Biện (686)
- V. — ...
- VI. — ...
- VII. — ...
- VIII. — 3 — Định-Không (868)

- IX. — — Thông-Thiện (Long-thụ phủ-tri) ...
- X. — 4 — La-Qui-An 5 — Pháp-Thuận 6 — Ma-Hà (936) (991) (1029)
- XI. — 7 — Thiền-Ông ... (Quảng-Tinh 8 — Sùng-Phạm



XII. — 9 — Vạn-Hạnh 10 — Bình-Huệ 11 — Đạo-Hạnh 12 — Tri-Bát 13 — Thuần-Châu
 (1000) (1112) (1117) (1101)

XIII. — 14 — Huệ-Sinh 15 — Thiều-Nham 16 — Minh-Không 17 — Bản-Tịch
 (1164) (1163) (1141) (1139)

XIV. — 18 — Khanh-Hỷ (1142) ? ? ? ?

XV. — 19 — Giới-Không 20 — Pháp-Dung (1174)

XVI. — 21 — Trí 22 — Chân-Không (1100) 23 — Đạo-Lâm (1203)

XVII. — 24 — Bhiksuni Diệu-Nhàn 25 — Viên-Học 26 — Tịnh-Thiền
 (1115) (1136) (1193)

XVIII. — 27 — Viên-Thông (1151) ? ?

XIX. — 28 — Y-Son 1 2 ? v.v...

(1) Esquisse d'une histoire du Bouddhisme au Tonkin — Trần-văn-Giáp. — Việt-n-Am số 6, 7.

ta ảnh-hưởng trực-tiếp với Ân-Độ hơn là với Tàu ; bởi vậy trong một thời-gian khá dài ấy, ngoài mấy người Ân-Độ thông chữ Hán dịch kinh, còn không thấy ai dịch nữa và cũng chẳng có một ai sang Tàu cầu kinh chữ Hán, nên Phật-giáo trong thời ấy có lẽ chỉ là hình-thúc hơn là tinh-thần. Cũng là bởi từ khi Phật-giáo du-nhập nước ta (khoản năm 194—195) ta còn nội-thuộc nước Tàu đến năm 544, những nhà cầm-quyền của Chính-phủ đô-hộ, không chính-thúc nhận Phật-giáo cho người bản-xứ thò làm một tôn-giáo đặc-biệt, nên không chính-thúc ủng-hộ.

Lại đến đời Tiền-Lý (544—548) ta đã có vua và có Triều-đình, nhưng rủi sinh ra can qua luôn với Tàu, khi thì Tiền-Lý Nam-Đế chống nhau với nhà Lương, khi Triệu-quang-Phục (Triệu-Việt-Vương) trốn chạy, sau Lý-Phật-Tử lại nổi lên đánh Triệu-Việt-Vương, nước ta chính-trị rối-ren chắc các đời vua ấy không ngài nào rảnh để nghĩ đến đạo Phật nữa. Một đạo-giáo mới du-nhập không được Triều-đình hoặc Chính-phủ đô-hộ ủng-hộ như vậy, thì không được rực-rỡ phổ-thông là phải.

Chương hai

PHẬT-GIÁO ĐÒI HÀU-LÝ NAM-ĐỀ (571 — 602) VÀ ĐÒI BẮC-THUỘC THỨ BA (603 — 939)

Tiền-Lý Nam-Đế mất, Triệu-quang-Phục nối nghiệp xưng là Triệu-Việt-Vương (549 — 571), rồi lại bị Lý-Phật-Tử đánh thua và lên làm vua tức Hậu-Lý Nam-Đế.

Đến năm Nhâm-Tuất (602), vua nhà Tùy là Văn-Đế sai tướng Lưu-Phương sang đánh Nam-Việt, dù Phật-Tử ra hàng. Hậu-Lý Nam-Đế yếu thế bèn qui-phục. Nước ta lại bắt đầu nội-thuộc nước Tàu lần thứ ba, từ năm 603 đến năm 939.

Trong năm 580, nước ta có ngài Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi qua truyền Phật-giáo, rồi lần lần truyền-thống thành ra một phái Thuyền-tôn.

Phái Tì-Ni Đa-Lưu-Chi

Sách Cổ-Châu pháp-vân Phật bốn-hạnh ngũ-lục có phép : « Vào khoản đời Đông-Tấn (317 — 419) niên - hiệu Tả-Kiến (569 — 582) có một Pháp-sư tên là Tì-Ni Đa-Lưu-Chi người Ấn-Độ, nhân biết có Phật-giáo ở đây (Nam-Việt) liền qua trú ở chùa Pháp-Vân giảng dạy Phật-pháp. Phật-giáo ở đây thành-hành từ đó ».

Sách Đại-Nam Thuyền-uyễn-tập-anh cũng có dẫn lời ngài Thông-Biện thuyền-sư nói : Tì-Ni Đa-Lưu-Chi là sơ-tổ của Thuyền-tòn ở nước ta.

Ngài tên chữ Phạn là Vinitaruci, người ở Nam-Thiên-trúc, sang Tây-Thiên-trúc để khảo đạo Phật, nhưng vì cõi duyên chưa gặp, nên ngài qua cõi Đông-Độ, tiến vào Trung-Quốc đến Trường-an năm 574. Lúc này Phật-giáo ở Tàu đương bị bài-xích (1). Ngài muốn qua đất Nghiệp (thuộc tỉnh Hồ-Nam bây giờ) may gặp ngài đệ tam-tổ Tăng-Xáng ở núi Tư-Không, ngài liền đem lòng kính-mộ và xin làm đệ-tử; tam-tổ truyền tâm-ǎn cho và khuyên ngài qua nam phuong mà tiếp-degree chung-sanh chó không nền ở đây làm gì. Ngài liền

(1) Đúng lúc Phật-giáo ở Tàu bị Vô-ach lấn thu hai, Võ-Đế nhà Bắc Chu Tàu phả Phật-giao (xem lại Phật-giao ở Trung-quốc)

hai từ ra đi. Đến Quảng-Châu ngài trú-trì ở chùa
Chí Chi, dịch kinh «Tượng - Đầu báo nghiệp sai
hiết» chữ Phạn ra chữ Hán. Đến năm Canh-Tý
mùn-hiệu Đại-Tường thứ hai nhà Chu (580), ngài
qua Nam-Việt trú-trì ở chùa Pháp-Vân (ở làng
Vân-giáp, huyên Thượng-phúc, tỉnh Hà-đông bảy
gió) lại dịch bộ kinh «Tống-Trì». Năm Quý-sửu
mùn hiệu Khai-Hoàng thứ 14 nhà Tùy (594), ngài
truyền tâm-ấn cho ngài Pháp-Hiền rồi tịch.

Dến đời nhà Lý, vua Thái-Tôn (1028-1054)
có làm bài kệ truy-tán ngài rằng :

Sáng tự Nam lai quốc, 創自南來國
Văn quân cửu tập thuyền. 聞君久習禪
Ứng khai chư Phật tín, 應開諸佛信
Viên hợp nhứt tâm nguyên. 遠合一心源
Hạo hạo lăng-già nguyệt, 浩浩楞伽月
Phân phân bát-nhā liên. 芬芬般若蓮.
Hà thời hạnh tương kiến, 何時幸相見
Tương dự thoại trùng huyền. 相與話重玄

Dịch: Mở lối qua Nam-Việt,
Nghe ông chỉn học Thuyền.
Nguồn tâm thông một mạch,
Cõi Phật rộng quanh miền.
Lăng-già ngồi bóng nguyệt,

Bát-nhā nức mùi sen.
Biết được bao giờ gấp,
Cùng nhau kể đạo huyền.

Ngài là sơ-tổ phái Thuyền-tôn thứ nhất ở nước ta, sau ngài truyền-pháp cho Pháp-Hiền Thuyền-sư, rồi truyền-thống mãi đến đời Y-Sơn Thuyền-sư (1216) được 19 đời, biết được danh-hiệu và sự-tích cộng 31 ngài (1). Xét ngược lên về trước thì ngài là đệ-tử đức tam-tổ Tăng-Xáng (2). Ngài Tăng-Xáng là đệ-tử của đức nhị-tổ Huệ-Khả và ngài Huệ-Khả là đệ-tử của đức Bồ-Đề-Đạt-Ma (Bodhidharma) tức là sơ-tổ phái Thuyền-tôn ở Tàu vậy (xem phần Phật-Giáo ở Trung-Quốc).

PHÁP-HIỀN THUYỀN-SƯ.— Nhị-tổ phái Thuyền-tôn ở nước ta là Pháp-Hiền Thuyền-sư. Ngài giòng họ Đỗ, quê ở quận Chu-Diên (tỉnh Sơn-Tây bây giờ) khi mới xuất-gia, thọ-giới với Quang-Duyên đại-sư ở Chùa Pháp-Vân. Đến khi ngài Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi ở Quảng-Châu qua nước ta tới chùa Pháp-Vân thấy ngài Pháp-Hiền thì nhìn kỹ vào mặt mà hỏi :

— Chú họ gì ?

(1) Xem bảng A.

(2) Xem bảng B.

Pháp-Hiền đáp.

— Hòa-thượng họ gì?

Thuyền-sư lại hỏi lại :

— Chú không có họ à?

— Sao lại không có? Nhưng đỗ Hòa-Thượng biết?

Thuyền-sư quát lên :

— Biết để làm gì?

Ngài Pháp-Hiền chợt hiểu ý ngài Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi, liền sụp xuống lạy xin theo làm đệ-tử và sau được truyền tâm-ấn.

Sau ngài vào trong núi Tù-Sơn tu thuyền-định, những loài cầm-thú thường quần-quít chung quanh, người đời thấy thế càng lấy làm lạ và kinh-mộ; đệ-tử tìm đến học đạo càng ngày càng đông, ngài mới lập tinh-xá để giảng dạy. Phái Thuyền-tôn ở nước ta hồi ấy là thạnh nhất.

Ngài Pháp-Hiền tịch vào năm Võ-Đức thứ 9 đời Đường (626) và truyền đạo cho ngài Thanh-Biện Thuyền-sư.

Xét ra nước ta Phật-giáo truyền vào đã hơn bốn trăm năm nay, mà mãi đến thời kỳ này mới được phổ-thông. Ấy cũng là nhờ ở ngài Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi và ngài Pháp-Hiền. Nhưng âu cũng là cơ-duyên đặc-biệt, nên ngài Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi

mới vâng lời ngài tam tổ Tăng-Xáng mà qua truyền-pháp ở phương Nam này.

Phật-giáo đã đến hồi thịnh, nên bấy giờ (vào khoảng năm 603 — 604) thứ-sư Giao-Châu là Lưu-Phương mới đưa sớ về Tàu dâng vua Tùy rằng : « Nước Nam-Việt ngày nay dân-chúng rất tôn-sùng Phật-giáo, lại có nhiều vị chán-tăng giáo-hóa, nên bốn phương thấy đều quy-y... ». Nhân đó, vua Cao-Tổ nhà Tùy mới ban cho các vị danh-tăng ở nước ta năm hòm lê vật và sắc xây tháp ở chùa Pháp-Vân, chùa Tràng-Khánh cùng các danh-địa khác. Đó là lần đầu tiên Phật-giáo ở nước ta được Chánh-phủ đô-hộ đế ý đến.

Bên Tàu, năm Mậu-Dần (618) nhà Tùy mất, nhà Đường kế-nghiệp, nước ta lại thuộc nhà Đường và bị chia ra làm 12 Châu, gọi gồm là Annam đô-hộ-phủ. Trong mấy thời-kỳ Bắc-thuộc, nước ta bị nhà Đường cai-trị nghiệt hơn cả. Nhưng về phương-diện Phật giáo lại được đế ý đến ; như năm Võ Đức — (626) — vua Đường Cao-Tổ có ban cho Annam năm hòm xá ly (?) và sắc dựng chùa, xây tháp.

Xem thế đủ biết Phật-giáo ở ta bấy giờ đã thịnh. Vả lại nhị-tổ Thuyền-tôn là Pháp-Hiền Thuyền-sư vừa mới tịch và đã độ cho bao nhiêu đệ-

tứ rồi. Lại trong thời ấy Phật - giáo bên Tàu và người Thiên - trúc thường thường mượn đường nước ta mà qua lại, các ngài thường ghé lại ít lâu để thuyết-pháp thì ta cũng chịu ảnh - hưởng được nhiều vậy.

Lại theo Trần - văn - Giáp tiên-sanh khảo (1) trong các sách thấy có nói : «Về đời Đường có ba đoàn truyền-giáo ở Annam. Đoàn thứ nhất có ba người Tàu, đoàn thứ hai cũng ba người Tàu và một là người Trung-Á ; đoàn thứ ba đáng chú ý hơn : có sáu pháp-sư Annam mà bốn người ở Giao-Châu (Hanoi và Nam-Định bây giờ) và hai người ở Ái-Châu (Thanh-Hóa bây giờ).

I.) **Đoàn thứ nhất** : 1 — MINH-VIÊN PHÁP-SƯ — Người ở Huyện Thanh - Thành, Ích-Châu (Tú-Xuyên bây giờ), tên hiệu chữ Phạn của ngài là Chẩn-Đa Đề-Bà. Thuở nhỏ ngài đã học kinh Phật, càng lớn càng chăm - chỉ, nên ngài am hiểu cả những kinh-diển. Ngài lại khảo về Trang-Chu. Ngài ẩn ở Lô-sơn (Hồ-Bắc bây giờ) để tu thuyền-định.

Sau ngài thấy đạo Phật ở đó có ý định-trệ, ^{giai} liền xuống phía nam qua đất Giao-Chỉ (Bắc-kỳ)

(1) — Le Bouddhisme en Annam trang 31.

đến đảo Java rồi qua đảo Tích - Lan đến Nam Thiên-trúc ; sau ngài tích ở doc đường, không rõ ngài thọ bao nhiêu tuổi.

2 — HUỆ - MẠNH THUYỀN - SƯ —

Ngài ở quận Giang - Lăng, Kinh - Châu (Hồ - Bắc), rất tinh - thông Phật - Pháp. Ngài muốn qua Chiêm - Thành, nhưng khi đi đò gặp giông - tố, nên phải ở lại Thượng - Kinh (biên - giới cũ Trung - kỳ) rồi trở về Tàu.

3 — VÔ - HÀNH THUYỀN - SƯ . —

Ngài cũng ở quận Giang - Lăng, tên hiệu chữ Phạn là Bát - Nhã Đè - Bà (Pajuādeva) Sau khi du - lịch khắp Trung - Quốc, ngài về ẩn tu trong núi, chuyên trì kinh «Pháp - Hoa tam muội» Sau ngài lại du - lịch các miền Cửu - Giang và Tam - Việt (Ngô - Việt, Mân - Việt, Nam - Việt). Ngài có kết giao với Trí - Hoàng thuyền - sư rồi qua đất Thất - lợi Phật - thệ (çuvijaya). Ngài thọ được 56 tuổi.

II.) Đoàn thứ hai : 1 — ĐÀM -
NHUẬN PHÁP - SƯ . — Ngài ở Lạc - Dương, tinh - thông luật điển. Ngài qua sông Dương - Tử lần xuống phía Nam, đến đất Giao - Chỉ có trú lại ít lâu, được các thiên - nam tín - nữ sùng - mộ rất đông Rồi ngài lại xuống về phía Nam định qua Thiên - Trúc, nhưng vừa đến Bột - Bồn (Java) thì thọ bịnh.

rồi tịch, thọ 30 tuổi.

2 — TRÍ-HOÀNG PHÁP-SƯ . — Ngài ở Lô-Giang, cháu ông sứ-giả Vương-Huyền-Sách, lúc nhỏ đã thông-hiểu đạo Phật, lớn lên đi du-lịch khắp Trung-quốc, sau lại muôn qua Đông-Án, gặp Vô-Hành Thuyền-sư cùng đến Hợp-phố (bán - đảo Quảng-dông) rồi xuống thuyền dọc theo đường bể, không may gặp bão phải đậu lại Thượng-Kinh, hai ngày bèn đi ngược lên Giao-Châu ở lại một năm. Sau gặp một chiếc thuyền lớn, hai người bèn về xứ Thất-lợi Phật-thệ. Ngài ở Trung Án-độ gần 8 năm, sau qua xứ Cachemire Bắc Án-độ rồi không rõ ngày tịch ở đâu.

3 — TĂNG-GIÀ BẠT-MA . —

(Samyavarma) Ngài ở nước Khương-Cư, lúc nhỏ đi chân qua bãi sa-mạc đến Kinh-đô. Khoảng năm Hiển-Khánh (656 — 660) được sắc-lệnh theo một sứ-giả qua Tây-phương đến Bồ-Đề đạo-trường, được dự yến gần bên Kim-cang-tọa (Vajrásana). Sau trở về Trung-Quốc được chỉ-dụ qua Giao-Chỉ tìm các bảo vật. Lúc này Giao-Chỉ đương bị nạn mạt mùa đói kém, ngài bèn hợp sức cùng quan địa-phương ngày nào cũng phát-chẩn cho dân, nhưng không thể chu-cấp hết được; ngài động lòng từ-bi thường rọi lê chan-chứa. Dân bản-xứ bấy giờ gọi Ngài là «vị Bồ-Tát hay khóc». Ngài thọ được 60 tuổi.

**III — Đoàn thứ ba — I — VÂN-KỲ
THUYỀN-SƯ .** — Ngài ở Giao-Châu, thường đi du-lịch với ngài Đàm-Nhuận, thông-hiểu chữ Phạn, có trú ở Thất-lợi Phật-Xá. Ngài thọ chừng 30 tuổi.

2 — MỘC-XOA-ĐÈ-BÀ . — Ngài cũng người Giao-Châu không rõ tên thật là gì, đã từng vượt Nam-hải và đi khắp các xứ. Khi đến Bồ-Đề đạo-trường ngài cúng - đường xá-lợi Phật rồi tịch, thọ được 25 tuổi.

3 — KHUY-SUNG PHÁP-SƯ . — Ngài cũng ở Giao-Châu, đệ-tử của ngài Minh-Viên, tên chữ Phạn là Chất-đát-la đế-bà (Citra-deva) cùng ngài Minh-Viên đi đường bể tới đảo Tích-lan rồi qua Tây-Ấn gặp ngài Huyền-Chieu, lại qua Trung-Ấn. Ngài bẩm-tính thông-minh và bất-thiệp, hiểu hết các kinh-diễn chữ Phạn. Khi đến thành Vương-Xá (Kuçâgârapuca), sau khi tham yết Bồ-đề-thọ, ngài lâm bệnh và tịch trong vườn Trúc-lâm, thọ 30 tuổi.

4 — HUỆ-DIỆM PHÁP-SƯ . — Ngài cũng ở Giao-Châu, đệ-tử của ngài Vô-Hành, đi qua Tích-lan rồi trú luôn ở đó, ngài tịch vào năm nào không rõ.

5 — TRÍ-HÀNH THUYỀN-SƯ . — Ngài ở Ái-Châu, tên chữ Phạn là Bát-nhã đế-bà

(Prajuâ-deva). Ngài qua Trung-Ấn và hành-hóa khắp nơi. Khi đến Bắc-kinh-già (Ganga), ngài nghỉ luôn ở chùa Tín-Già và tịch ở đó, thọ 50 tuổi.

6 — ĐẠI-THĂNG-ĐĂNG THUYỀN-SƯ.— Ngài cũng ở Ái-Châu, tên chū Phạn là Ma-Ha-gia-na Bát-địa-dī-ba (Mahâyâna — Pradîpa). Lúc nhỏ ngài đi theo cha mẹ qua xứ Đô-hòa-La bát-de (Dvâravati). Sau được đi theo sứ-giả là Diệm-Tự về kinh-đô Trung-Quốc, thọ-giới với ngài Đường-Huyền-Trang. Ngài thông-hiểu nhiều kinh-diễn, quyết-chí đến Bồ-Đề đạo-trường tham lè, nên muốn vượt bể qua Thiên-trúc. Ngài qua Tích-Lan, qua Đông-Ấn, Nam-Ấn rồi nghỉ ở xứ Đam-Malap-de (Tâmralipti) mười hai năm; nhơn thế mà ngài được thông-hiểu tiếng Phạn. Ngài có thích nghĩa bộ «Duyên-sanh-luận» (Nidânacastra) và nhiều kinh khác. Rồi ngài cùng đi với ngài Nghĩa-Tịnh đến Trung-Ấn thăm chùa Na-Lan-dà (Nalandâ) rồi đến viêng Kim-cang-tọa và trở về Tích-xá-ly (Vai-çâly), sau lại qua nước Cu-Chi với ngài Vô-Hành. Sau ngài tịch ở chùa Bát-niết-bàn (Parinirvâna), thọ 60 tuổi.

Xem như vậy ta thấy Phật-giáo ở Việt-Nam về đời Bắc-thuộc này có thể gọi là thịnh. Trong xứ đã nhiều pháp-sư Tàu và Ấn-Độ qua lại giáo-hóa,

nên ta mới có nhiều ngài ngộ-đạo và chịu khó đến tìm tận nơi Phật-địa để tầm đạo như vậy. Nước ta về thời ấy làm trung-gian cho Tàu và Ấn-Độ lại có cái lợi này : hồi ấy dân Chàm còn mạnh lại ở gần ta, họ lại dùng chữ Phạn làm văn-tự và thông hiểu cả tiếng Qua-Oa (Java), nên ta cũng có nhiều người giao-thiệp với họ, cũng hiểu hai thứ chữ đó. Bởi thế, những người Tàu qua Ấn-Độ và người Ấn-Độ qua Tàu, khi tới Giao-Châu, thường tìm người nước ta làm thông-ngôn hoặc cong-tác dịch kinh chữ Phạn. Như vậy ta không nên ngạc-nhiên khi thấy nhiều kinh-diễn về bản cựu dịch hoặc tân dịch đều dịch lần đầu tại Annam.

Tiếc thay hồi ấy ta chỉ có những nhà tầm-đạo, ngộ-đạo dịch kinh mà lại không có mấy ai có óc phát-triển hoặc bô-luận, truớc-tác, để góp thêm sách vào kho kinh-diễn nhà Phật ở xứ mình.

Tuy nhiên, Phật-giáo ở nước ta càng ngày càng được chính-phủ đô-hộ biệt-dâi và chú ý. Dân tộc Tàu từ ấy đã bớt cho người mình là một thứ mọi-rợ man-di nữa ; đó cũng là nhờ ở mấy vị cao-tăng. Xem trong sách Kiến-Văn-lục của Quế-Đường tiên-sanh (Lê-quí-Đôn) có trích được mấy bài thơ của mấy đại thi-hào đời Đường, xướng-họa với mấy vị cao-tăng nước ta khi các ngài qua Trung-Quốc thì đủ biết. Một bài này ở sách Loại-hàm

anh ngữ của Trung-Quốc cũng thấy chép.

1 — NHẬT-NAM-TĂNG. — Chỉ biết
ngài người quận Nhật-Nam chớ không rõ tên hiệu
là chi. Khi ngài trú-trì ở một ngôi chùa trong hang
núi bên Tàu, thi-hào Trương-Tịch đề tặng một
bài thơ :

SƠN-TRUNG-TĂNG NHẬT-NAM-TĂNG :

Độc hướng song phong lão,	獨 向 雙 峯 老
Tùng môn bế lưỡng nhai.	松 門 隘 兩 崖
Phiên kinh thượng tiêu diệp,	翻 經 上 蔣 葉
Quai nạp lạc đằng ba.	掛 紗 落 藤 花
Thứu thạch tàn khai tinh,	覓 石 新 開 井
Xuyên lâm tự chủng ma.	穿 林 自 種 麻
Thời phùng Nam-hải khách,	時 逢 南 海 客
Man ngữ vấn thùy gia?	蠻 語 問 誰 家

Dịch : Núi thăm một mình ăn,

Cửa tùng đôi cánh gài.

Lá chuỗi biên kinh cũ,

Bóng mây rụng áo dài,

Lật đá khơi ngòi giềng,

Xoi rừng tia giống gai.

Khi gặp khách Nam-hải,

Tiếng Mường biết hỏi ai?

2 — VÔ-NGAI THUQ'NG-NHƠN . —

Ngài tu ở chùa Sơn-Tinh hạt Cửu-Châu (Thanh-Hóa). Bấy giờ là thời vua Võ-Hậu nhà Đường (685) có thi-hào Trầm-Thuyên-Kỳ qua Annam chơi, có đến yết-kiến thượng-nhân, tự xưng làm đệ-tử, sau có làm bài thơ lưu-giản để tỏ lòng khen ngợi kính-phục ngài :

YẾT - CỬU - CHÂU SƠN - TĨNH TỰ VÔ - NGAI THUQ'NG - NHÂN.

Đại-sĩ sanh Thiên-trúc,
Phân thân hóa Nhật-Nam.
Nhơn trung xuất phiền-não,
Sơn hạ túc già-lam.
Tiểu giản hương vi sát.
Nguy phong thạch tác am.
Hầu thuyền thanh cốc nhū,
Khuy giảng bạch viên tham.
Đằng ái vân gian bích,
Hoa thê thạch hạ đàm.
Tuyền hành u cung hảo,
Lâm quai dục y kham.
Đệ-tử ai vô thức,
Y-vương tích vị đàm.
Siêu nhiên hô khê tịch,
Chích thợ hạ hư lam.

竺南惱藍剎庵乳參壁譚好堪識談席嵐
士生化出郎香石青白雲石幽浴哀惜虎下
大分人山小危候窺藤花泉林弟醫超隻
天日煩伽爲作鵠猿間下供衣無未渢虛

Dịch : Phật xưa sinh ở Tây-thiên,
Mà nay xuất-hiện ở miền Nhật-Nam.
Thoát vòng phiền-não cõi phàm,
Thảnh-thơi dưới núi già-lam một tòa.
Ngọn khe chót núi lân-la ,
Hương là cỏ sát, đá là thần am .
Chim xanh chực, vượn trắng dòm,
Sớm mai giảng kệ, chiều hôm tham-thuyền.
Mây tùng mây quấn đá chen,
Dây leo chân vách, hoa lên mặt đầm.
Thiên-nhiên săn thú tuyỀn-lâm,
Rừng phơi áo giặt suối đầm nước hương.
Phận hèn học kém đáng thương,
Tiếc vì chưa hiểu Y-Vương thế nào.
Hỗ-khé một bùa may sao,
Đầu non đỗ xuống cây cao một cành.

3 — PHỤNG-ĐÌNH PHÁP-SƯ. —

Ngài sang Trung-Quốc giảng kinh ở trong cung
vua Đường, khi về có đại thi-hào Dương-Cự-
Nguyên tặng một bài thơ tiên-bié特：

TỔNG PHỤNG-ĐÌNH PHÁP-SƯ QUI ANNAM :

Cố hương Nam-Việt ngoại, 故鄉南越外
Vạn lý bạch vân phong. 萬里白雲峯
Kinh luận từ thiên khứ, 經論辭天去

Hương hoa nhập hải phùng. 香花入海
 Lộ đào thanh phạm triệt, 華萼清範
 Thần các hóa thành trùng. 城化重鎮
 Tâm đáo trường-an mạch, 心到長安
 Giao-châu hậu dạ chung. 州後夜鐘

Dịch : Quê nhà trông cõi Việt,
 Mây bạc tít mù xa.
 Cửa trời vắng kinh-kệ.
 Mặt bể nổi hương hoa.
 Sóng gọn cò im bóng,
 Thành xây hồn mây tòa.
 Trường-an lòng quấn-quít,
 Giao-Châu chuông đêm tà...

4 — DUY - GIÁM PHÁP - SU —

Ngài cũng sang Trung-Quốc giảng kinh trong cung
 vua Đường, ngài ở lâu năm, già mới về cổ hương.
 Thi-hào Cố-Đảo có bài thơ tiên-biệt :

TỔNG ANNAM DUY-GIÁM PHÁP-SU :

Giảng kinh xuân điện lý,	講經春殿	裏
Hoa-nhiều ngự sàng phi.	花御幾	飛
Nam-hải kỷ hồi quá,	南歸	過
Cựu sơn lâm lão qui.	舊觸	歸
Xúc phong hương tốn ăn,	香馨	印
Lộ vū khánh sanh y.	露空	生
Không thủy ký như bỉ,	水來	如
Vãng lai tiêu túc hy.	往息	彼稀

Dịch : Điện xuân giảng kinh luận,
Giường ngự vương mùi hoa.
Bé nam quen lối cũ,
Non Việt viếng tuần già.
Án mòn khi gió táp,
Áo lấm lúc mưa sa.
Kìa kìa trời lắn nước,
Tin-tức biết bao xa.

Xem đó, ta lại biết thêm đại-khai Phật-giáo ở nước ta về thời thuộc Đường. Tăng-già Annam mà được sang giảng kinh trong cung vua cũng là một sự hiếm có; mà bấy giờ bên Trung-quốc đời Đường Phật-giáo đương hồi thạnh, hẳn không thiếu gì cao-tăng, mà Tăng-già ta được dự vào việc giảng kinh, kể cũng là một điều chứng-nhận vẻ-vang cho lịch-sử Phật-giáo Việt-Nam vậy.

Ấy là trong thời-kỳ thuộc nhà Đường, nước ta bị sống dưới cái chính-thể cay-nghiệt quá, nên trong nước thường có những cuộc khởi-nghĩa, hoặc như nước ngoài quấy-nhiều, như năm Khai-Nguyên thứ 10 (722) có Mai-hắc-Đế khởi-nghĩa ở Hoan-Châu (Nghệ-an), năm Đinh-Vị niên-hiệu Đại-Lịch thứ 2 đời Đường Đại-Tôn (767), quân Côn-Lôn và quân Đò-Bà ngoài đảo vào cướp phá; năm Tân-Vị (791) có Bồ-Cái Đại-vương khởi-nghĩa ở quận

Đường-lâm (Sơn-tây) rồi lại giặc Nam-Chiểu quấy nhiễu hàng 10 năm trời, dân - tình rất là rối - loạn khổ - sở.

Trong khoảng mấy trăm năm trời, dân ta sống điêu-dürng dưới Chánh-phủ đô-hộ, chẽ-độ hà-khắc mà Phật-giáo-sứ có những giai-đoạn ấy, thật cũng vẻ-vang! Vả đồng thời Nho-giáo và Lão-giáo cũng được mờ-mang nhiều.

Lại trong đời thuộc Đường ấy, ngài Vô-Ngôn-Thông đã qua truyền đạo ở ta mà lập thành phái Thuyền-tôn thứ hai.



Phái Vô - Ngôn - Thông

Đời vua Đức-Tôn nhà Đường (780—836) quân Tề-tướng là Quyền - đức - Dư có đề bài tựa trong cuốn Truyền-pháp-lục, có viết một đoạn: « Sau khi tổ Tào-Khê (1) tịch rồi, Thuyền-tôn thạnh-hành, ở đâu cũng có tôn-phái truyền-thống. Ở Giao-châu thì có Vô-Ngôn-Thông đạo-sĩ đem tôn-chỉ của Bách-Trưởng Thuyền-sư mà khai-ngộ cho dân-chúng ».

Nói đến Vô-Ngôn-Thông tức là nói đến Sơ-tổ của phái Thuyền-tôn thứ hai ở ta. Ngài họ Trịnh, quê ở Quảng-châu, lúc nhỏ đã mộ đạo, không thiết

(1) — Xem bản A.

giì đến gia-sản, rồi xuất-gia tu-học ở chùa Song-Lâm
đất Vũ-châu (Chiết-giang bây giờ). Tính ngài điêm-
đạm ít nói, nhưng sự-lý gì cũng thông-hiệu, nên
người ta mới đặt danh-hiệu cho ngài là Vô-
Ngôn-Thông.

Một hôm ngài đang lê Phật thì gặp một vị
Thuyền-sư đến điêm-hóa cho ngài, rồi đưa ngài đi
tìm Mā-Tổ (1) mà tham-học. Nhưng mới tới Giang-
tây đã nghe tin Mā-Tổ tịch rồi, hai ngài liền đưa
nhau đến bái-yết Bách-Trượng Thuyền-sư (đệ-tử
của Mā-Tổ) xin học.

Bấy giờ có một vị Tăng trong lớp học, hỏi
Bách-Trượng Thuyền-sư rằng:

— Thế nào là pháp-môn đốn-ngộ của phái
Đại-thừa?

Bách-Trượng Thuyền-sư dạy rằng:

— Tâm-địa nhược thông, huệ nhụt tự chiếu
心 地 若 通, 慧 日 自 照 (nếu tâm-địa được
thông thì mặt trời huệ tự-nhiên chiếu sáng).

Nghe được câu ấy, ngài Vô-Ngôn-Thông tự
nhiên ngộ đạo. Rồi ngài về Quảng-châu trú-trì ở
chùa An-Hòa. Năm Canh-tý niên-hiệu Nguyên-Hòa
thứ 15 đời nhà Đường (820), ngài qua Annam trú

(1) — Xem bản A.

ở chùa Kiến-Sor làng Phù-đồng (Bắc-ninh), trọn ngày
ngồi xây mặt vào vách mà thuyền - định. Như thế
đã mấy năm mà không ai biết; duy có một vị sư ở
chùa đó là Cảm-Thành Thuyền-sư, biết ngoài là bậc
cao - tăng đắc - đạo trong phái Thuyền - tôn thì đem
lòng kính-trọng và thờ làm thầy.

Một hôm không bệnh - tật gì, ngài đói tắm -
rửa rồi tịch. Bấy giờ là niên - hiệu Bảo - Lịch đời
nhà Đường (826).

Tuần khi tịch ngài gọi Cảm-Thành Thuyền-
sư đến bảo rằng:

— « Ngày xưa Tổ-sư là ngài Nam-Nhạc, khi
sắp tịch có dặn lại mấy lời rằng:

“ Nhất thể chư pháp, giai tùng tâm sanh.

Tâm vô sở sanh, pháp vô sở trú.

Nhược đạt tâm - địa, sở trú vô ngại.

Phi ngộ thượng-căn, thận vật khinh hứa ».

一切諸法，皆從心生。

心無所生，法無所住。

若達心地，所住無碍。

非遇上根，慎勿輕許。

(nghĩa là: hết thầy các pháp, đều tự tâm sanh;
tâm nếu không sanh, pháp không chỗ trú; nếu
hiểu được tâm - địa ấy, thì làm việc gì cũng không

trở-ngại . Cái tâm pháp ấy , nếu không gặp được bậc thương-căn , thì chớ nên truyền bậy). Nay ta cũng dấn lại người câu ấy »

Nói xong , ngài chấp tay lại mà tịch . Cảm- Thành Thuyền-sư rước ngài lên hỏa-dàn , rồi thâu hài-cốt ngài mà xây tháp thờ ở núi Tiên-Du .

Thế là từ đời sơ-tổ Tỳ-Ni Đa-Lưu-Chi sang truyền-thống Thuyền - tôn ở Giao - châu (580), đến thời này (820), cách hơn 200 năm , ta lại có một sơ-tổ truyền phái Thuyền-tôn thứ hai nữa

Giòng Vô-Ngôn-Thông truyền xuống được 15 đời ; biết được danh-hiệu và sự-tích cộng là 40 người . Đến đời cư-sĩ Ứng-Thuận là cuối cùng (1221).

CẨM - THÀNH THUYỀN - SƯ. — Đệ-tứ của ngài Vô-Ngôn-Thông ; được ngài truyền tâm-ấn và cho pháp-hiệu là Cảm-Thành . Thuyền-sư quê ở huyện Tiên-Du (Bắc-ninh) , không rõ họ là gì , chỉ biết lúc xuất-gia lấy đạo-hiệu là Lập-Đức . Nguyên trước ngài có trú-trì ở một ngôi chùa trên núi Tiên - Du , sau có người hào-phú họ Nguyên ở làng Phù-đồng mến-phục đạo-đức ngài , tình-nguyện đem gia-trạch cúng làm ngôi chùa , rước ngài về ở , tức là chùa Kiến-Sơ ở làng Phù-đồng bây giờ .

Ngài ở đó chưa được bao lâu , thì Vô-Ngôn- Thông Thuyền-sư vân-du qua đó , thấy ngài có tư-

cách đỗ truyền đạo - thống thì ở lại. Ngài biết Thuyền-sư là bức đắc-đạo, nên rất thành-kính thờ làm thầy, mai hâu tối chực, không hề biếng-trễ, nên Thuyền-sư Vô-Ngôn. Thông đắt đạo-hiệu lại cho ngài là Cảm-Thành.

Một hôm Thuyền-sư gọi ngài đến bảo rằng:
— « Xưa đức Thế-Tôn vì một nhơn-duyên lớn mà xuất-hiện ở đời, khi pháp- duyên đã viên-mãn, sắp vào cõi Niết-bàn, ngài đem chánh-pháp nhẫn-tạng và y bát truyền lại cho đức Ma-Ha-Ca-Diếp là đệ-tử của ngài, thành ra đức Ca-Diếp là tổ thứ nhất của chánh-thống Thuyền-tôn. Từ tổ Ca-Diếp truyền đến ngài Đạt-Ma là đời thứ 28 ở Tây-Thiên; ngài Đạt-Ma vượt bể qua Đông-độ, trải bao nguy-hiểm mới truyền tâm-pháp cho ngài Tăng-Xáng (1), lần lần truyền xuống đến lục-tổ Huệ-Năng. Từ sơ-tổ Đạt-Ma đến lục-tổ Huệ-Năng, trao truyền chánh-pháp đều lấy y bát làm minh-chứng. Vì lúc đầu phải có thể người ta mới biết mà tin. Về sau Phật-pháp truyền-bá đã rộng, mà y bát là một hiện-tượng dễ sanh ra tranh-doan, nên ngài lục-tổ không truyền y bát nữa mà chỉ truyền tâm-pháp mà thôi.

Lãnh được tâm-truyền của lục-tổ là Nam-Nhạc Thuyền-sư; Nam-Nhạc Thuyền-sư truyền cho Mā-

(1) Xem bản A

Tổ Thuyền-sư ; Mā-Tổ Thuyền-sư truyền cho Bách-Trưởng Thuyền-sư . Bấy giờ ở Bắc phương Phật-pháp thanh-hành đã lâu , nhiều người đã hiểu giáo-pháp Đại-thừa , nên ta mới qua Nam phương để tìm người mà truyền chánh-pháp . May gặp người ở đây cũng là bởi nhơn-duyên định săn »

Vậy người hãy nghe lây bài kệ này :

Chư phương hạo hạo ,	諸 方 浩 哥
Vọng tự huyên truyền ;	妄 自 喧 傳
Vị ngô thủy tổ ,	謂 吾 祖
Thân tự Tây - thiêng .	始 西 天
Truyền pháp nhän-tặng ,	藏 禪 法
Mục vị chi thuyền .	目 謂 緣
Nhất hoa ngũ diệp ,	花 子 綿
Chủng-tử miên miên .	符 密 織
Tiềm phù mật ngũ ,	一 種 千
Thiên vạn hưu duyên .	替 虛 有
Hàm vị tâm tôn ,	心 諱 有
Thanh-tịnh bản nhiên .	本 然 宗
Tây - thiêng thử độ ,	此 士 天
Thử độ Tây - thiêng	此 土 月
Cổ kim nhật nguyệt ,	今 日 川
Cổ kim sơn xuyên .	今 山 滯
Xúc đồ thành trê ,	觸 窪
Phật tổ thành oan .	佛 祖 窪

Sái chi hào ly ,	差失之毫厘
Thất chi bách thiên .	失之千里
Nhữ thiện quan - sát ,	汝善觀之
Mạc khiêm nhi tôn .	莫賺兒孫
Trực nhiêu vẫn ngả ,	直諭我間
Ngả bỗn vô ngôn .	我本無言

Dịch : Các nơi đồn thổi ,
 Quấy quá huyên truyền ;
 Rằng Phật - tổ ta ,
 Gốc ở Tây - thiên .
 Truyền pháp nhân-tạng ,
 Gọi là đạo thuyền .
 Một hoa năm lá ;
 Hạt giống liên - miên .
 Một lời mầu - nhiệm ,
 Duyên phước muôn nghìn .
 Ấy là tâm tôn ,
 Yên - lặng thản - nhiên .
 Tây - phương là đây ,
 Đây là Tây - phương .
 Mái trời mặt trăng ,
 Núi song xưa nay .
 Chạm đường la liệt ,
 Gặp tổ thành oan .
 Sai đi một mảy ,
 Lỗi đèn trăm ngàn .

Người khéo xem-xét,
Chớ để phàn - nàn.
Ta không nói nữa,
Đừng còn hỏi - han.

Cảm - Thành Thuyền - sư nghe lời thầy dạy
trong bài kệ, thì hiểu thấu cho lẽ mẫu - nhiệm mà
ngộ đạo ngay.

Sau có một vị Tăng hỏi ngài rằng :

- Thế nào là Phật ?
- Chỗ nào cũng là Phật cả .
- Thế nào là tâm của Phật ?
- Không hề che đậy chỗ nào .

Ấy, cái lối truyền - thọ tâm - pháp của phái
Thuyền - tôn chỉ giản - ước có thể mà bao - hàm ý -
nghĩa vô cùng

Đến năm Canh - thìn, niên - hiệu Hàm - Thông
nuguyên niên (860), Cảm - Thành Thuyền - sư không
lệnh mà tịch, truyền tâm - pháp cho Thiện - Hội
Thuyền - sư .

Trong thời - kỳ Cảm - Thành Thuyền - sư truyền -
giáo, thì Phật - giáo bên Tàu đang bị « đê tam vô -
ách » (1). Ta ở xa tuy không bị ách - vận ấy, nhưng
nước ta vốn thuộc nước Tàu, nên Phật - giáo thời ấy

(1) Xem tài - đoán Phật - giao ở Trung - quốc .

cũng bị ảnh - hưởng mà đình - trê lại , không dám
truyền - bá mạnh

Tuy nhiên , bè trong sự truyền - bá vẫn ngầm -
ngầm . Vả trong thời ấy hẳn phải có nhiều cao - tăng
Ấn - độ hoặc Tàu trốn sang cõi đất tuy nhỏ mà thái -
bình này để nối - tiếp việc truyền - đạo

THIỆN - HỘI THUYỀN - SƯ. — Ngài quê
ở huyện Siêu - loại (Bắc - ninh bây giờ) . Lúc nhỏ ngài
học ở chùa Định - Thuyền trong làng , lớn lên mới
xuất - gia , thọ - giới , tư - hiệu là Tồ - Phong , rồi đi vân - du
khắp mọi nơi để tìm thầy tham - học . Khi đến chùa
Kiến - Sơ được gặp Cảm - Thành Thuyền - sư bèn xin
ở lại học

Ngài thù Thuyền - sư hơn 10 năm mà không
chán . Một hôm vào phòng hỏi thầy rằng :

— Trong kinh Phật có nói : Đức Thích - Ca
Như - Lai từng tu - hành trải vô số kiếp mới thành
Phật , thế mà nay thầy cứ dạy rằng « tâm tức là Phật ,
Phật tức là tâm » là nghĩa làm sao ? Thật đệ - tử
không hiểu , xin thầy dạy rõ cho

Cảm - Thành Thuyền - sư nói :

— Người bảo trong kinh Phật nói thế là
ai nói đó ?

— Vậy lời ấy không phải là Phật thuyết ư ?

— Lời ấy phải đâu là Phật thuyết . Kinh Văn -

Thù Phật có dạy: « Ta trú ở thế-gian dạy chúng-sanh 19 năm, chưa từng đặt ra một câu bằng văn-tự để nói với ai bao giờ ». Vì theo chánh-đạo, nếu lấy văn-tu làm bằng-chứng để cầu đạo, ấy là nê; lấy sự khô-hanh để cầu Phật, ấy là mê; lìa tâm ra mà cầu Phật, ấy là ngoại-đạo; mà cõi-chấp cái tâm ấy là Phật, cũng lìa là ma vậy.

— Nếu bảo tâm ấy tức là Phật, thì trong tâm ấy cái gì là Phật, cái gì là không phải Phật?

— Ngày xưa có người hỏi Mā-Tổ rằng: « Nếu bảo tâm ấy là Phật, thì trong tâm ấy cái gì là Phật? » Mā-Tổ trả lời rằng: « Thế ông ngờ tâm ấy cái gì không phải là Phật, ông chỉ vào đây cho tôi xem ». Người ấy không nói gì. Mā-Tổ lại tiếp: « Đạt được thì kháp mọi nơi chỗ nào cũng là Phật, mà không đạt được thì cứ sai-lầm đi mãi mãi ». Thế là chỉ vì một lời nói nó che đi mà thành ra sai-lầm đó thôi. Người đã hiểu chưa?

— Nếu vậy, đệ-tử hiểu rồi

— Người hiểu thế nào?

— Đệ-tử hiểu rằng khắp hết mọi nơi chỗ nào cũng là tâm Phật cả.

Nói thế rồi ngài sụp xuống lạy. Cảm-Thành Thuyền-sư nói:

— Thế là người hiểu tới nơi rồi đó.

Cảm-Thành Thuyền-sư mới đặt tên cho ngài là Thiện-Hội, nghĩa là khéo hiếu. Ngài ngộ-đạo rồi lại về trú-trì ở chùa Định-Thuyền. Sau ngài tịch ở chùa ấy vào năm Canh-Thàn, niên-hiệu Quang-Hóa nhà Đường (900), và truyền tâm-pháp cho đệ-tử là Văn-Phong người huyện Từ-Liêm, tức là đời thứ ba giòng Vô-Ngôn-Thông vậy



Lúc này nội-tình nước Tàu thật là rối-loạn. Nhà Đường từ vua Ý-Tôn, Hy-Tôn đến Chiêu-Tôn, chính-trị suy-đổi, nên các triều quan hoành-hành quá đổi. Rồi Chu-Toàn-Trung giết vua mà tự-lập. Trong khoảng hơn 50 năm, triều-dai thay đổi luôn luôn. Các nhà nổi lên thay nhau làm vua là Hậu-Lương, Hậu-Đường, Hậu-Tán, Hậu-Hán, Hậu-Chu gọi là đời Ngũ-dại hay Ngũ-quý.

Nước ta vì vậy chính-trị cũng có chiều thay đổi. Năm 906 có Khúc-Thừa-Dụ sang làm Tiết-độ-sứ ở Giao-châu, mà ở Quảng-châu (Quảng-dòng, Quảng-tây bày giờ) thì Lưu-Ân được nhà Hậu-Lương phong cử cho làm Nam-Bình-Vương ra trấn ở đó kiêm chức Tiết-độ-sứ, có ý để lấy lại Giao-châu cho nhà Lương. Năm sau Thừa-Dụ chết, giao quyền cho con là Khúc-Hạo

Khúc-Hạo lên làm Tiết-đô-sứ Giao-châu, có cho con là Khúc-Thùra-Mỹ sang sứ Quảng châu, tiếng là kết hiếu, nhưng cốt để do-thám.

Lưu-Ẩn ở Quảng-châu, đóng phủ-trị ở Phiên-ngùng, được bốn năm thì mất, em là Lưu-Cung lên thay. Nhân có việc bắt-bình với Hậu-Lương, Lưu-Cung tư xưng để lấy quốc-hiệu Đại-Việt, sau đổi là Nam-Hán.

Năm 917, Khúc-Thùra-Mỹ lên thay cha, không chịu thần-phục nhà Nam-Hán. Lưu-Ẩn liền sai tướng sang đánh, bắt được Thùra-Mỹ, rồi sai Lý-Tiễn sang làm Thủ-sứ cùng Lý-Khắc-Chính cùng giữ Giao-châu. Năm Tân-mão (931) tướng cũ của Khúc-Hạo, là Dương-Diên-Nghệ nổi lên, mở quân đánh đuổi bọn Lý-Tiễn, rồi tự xưng làm Tiết-đô-sứ. Được sáu năm, Dương-Diên-Nghệ lại bị già-tướng là Kiều-Công-Tiện giết đi mà cướp quyền.

Khi ấy có tướng của Dương-Diên-Nghệ là Ngô-Quyền, người Phong-châu (Sơn-tây), nổi lên đánh Kiều-Công-Tiện. Kiều thua về cầu-cứu quân Nam-Hán. Quân Nam-Hán sang cũng bị thua, và từ đó, quân Tàu không dám sang Giao-châu quấy-nhiều nữa.

BẢN ĐỒ C

I.
II.
III.
IV.

							1
							VI. — 6 — Đinh - Hương (
							1 2 3
VII — 9 — Viên - Chiếu (1090)	10 — Cuu - Chỉ (1067)		11 — Bảo - Tịnh (1034)				
VIII.— 16 — Thông - Biện (1134)	1	2	3	4			
XI .— 19 — Lạc Huệ (1172)	20 — Biên - Tài		21 — Bảo				
X — 24 — Minh - Trí (1190)	25 — Tin Hoc (1190)	26 — Tinh - Không (1170)	27 — Đai - Xá (1180)	1	2	3	4
XI .— 34 — Quang - Nghiem 1 2 3 4 5 6 7							
XII .— 35 — Thuong - Chieu	1	2	3				
XIII — 36 — Thông - Thiên 1			2				
XIII — 38 — Tuc - Lu	2	3		3			
XV .— 40 — Uong - Vuong	1	2	4	5	6		

Võ - Ngôn - Thông

Minh (860)

Hồ (900)

Đinh (956)

Thái (1101)

2

Bao,

3

Hoa 8 — Thiên - Lão (1057)

5 6 7

Minh 13 — Quảng Trị 14 — (Minh - Huệ) 15 — L'empereur

(1090)

2

3

4

Lý - Thái - Tôn

5

6

Giác (1060)

5

6

18 — Ngò - Ân (1090)

7

8

Không - Lê 23 — Bao - Tinh

(1113)

(1177)

6 7 8 9 10 11 12

Tinh Nguyễn 30 — Tràng 31 — Tĩnh-Giới 32 — Giác-Hải 33 — Nguyệt-

(1193)

· (1207)

(1138)

(1121)

Học

8 9

Ngô-Quyền xưng vương, giải được cái ách-vận hơn nghìn năm ta bị nô-lệ và mở đường tự-lập cho những nhà Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu-Lê về sau này.

Về Phật-giáo ở nước ta lúc ấy cỗ-nhiên là phải đình-trệ, tuy sự truyền-thống của hai giòng Tỳ-Ni Đa-Lưu-Chi và Vô-Ngôn-Thông vẫn lưu-hành.

Trong thời Tiền-Ngô-Vương (939—944) ở ta, bên Tàu vào niên-hiệu Hiển-Đức nhà Hậu-Chu (955), Phật-giáo lại bị đại ách, đó là «Nhứt-Tôn chi ách» (1) vậy.

Phật-giáo ở Tàu tưởng đến tuyệt-tích, nhưng không có ảnh-hưởng gì đến Phật-giáo ở nước ta.

Khi Tàu bước sang nhà Tống thì nước ta cũng dần dần bước sang nhà Đinh.

(1) Xem lại đoạn Phật-giáo Trung-quốc ở trên

Chương ba

PHẬT-GIÁO ĐỜI NHÀ ĐINH (968–980) VÀ ĐỜI TIỀN LÊ (980–1009)

Ngô-Vương làm vua được 6 năm thì mất vào năm Giáp-thìn (944), có ủy-thác con là Ngô-Xương-Ngập cho Dương-Tam-Kha, em của Dương-Hậu. Tam-Kha cướp quyền cháu, tự xưng làm Bình-Vương. Sau em Xương-Ngập là Xương-Văn cướp ngôi lại và cùng làm vua, tức Hậu-Ngô-Vương. Được 4 năm Xương-Ngập mất, Xương-Văn làm vua được 15 năm cũng bị chết trận vì vua thường phải thân-chinh đi dẹp loạn. Bấy giờ là năm Ất-Sửu (965). Trong thời Hậu-Ngô-Vương, nước ta có cái loạn Thập-nhị Sứ-quản, dân-tình rất là khổ-sở.

Sau có Vạn-Thắng-Vương Đinh-Bộ-Lĩnh nổi lên phục được tất cả các sứ-quân và lên ngôi Hoàng-đế, tức là Tiên-Hoàng-đế nhà Đinh, lấy niên-hiệu là Thái-Bình nguyên-niên (970).

Vua sai sứ sang thông - hiểu với Tống - triều
bên Tàu và sửa-sang việc nước, trừ-diệt hết những
sự tham-nhũng, định lại việc triều-chính

Nước ta từ lâu đã có Nho-giáo, Lão-giáo ở
Tàu truyền sang, nhưng thật ra hai giáo ấy chưa
được phô-cập hết dân - chúng bằng Phật - giáo, nên
thời ấy có thể gọi là thời-đại Phật-giáo độc - tôn
Văn - hóa trong nước hình như hầu hết ở trong
đám Tăng-sī cả. Nên khi Tiên-Hoàng-đế định giai-
cấp văn võ, thì ngài triệu cả Tăng-sī lõi-lạc vào hàng
Thái - miếu và định phẩm - trật cho các Tăng - già .
Ngài tặng chức Khuôn-Việt Thái-sư cho Pháp - sư
Ngô-Chân-Lưu, Pháp-sư Trương-Ma-Ni làm Tăng-
lục đạo-sī và Pháp-sư Đặng-Huyền-Quang làm Sùng-
chân uy-nghi .

Phật - giáo ở nước ta được triều-đình công-
nhận từ đó và Tăng - sī có định giai - phẩm khi ấy
cũng là lần đầu tiên . Phật - giáo - sứ lại thêm được
giai-đoạn vេ-vang. Và cứ xem một vị Tăng-thống được
phong đến chức Thái-sư thì đủ đoán được tình-hình
Phật - giáo về đời nhà Đinh lại bắt đầu thanh hơn
trước vậy .

Nhà Đinh mất, nhà Tiền-Lê (Lê-Đại-Hành)
lên thay để chống với quân nhà Tống (980). Triều
này các Tăng-sī cũng được biệt-đãi. Đại-Hành thường

triệu các vị Tăng - thống vào triều để hỏi việc nước và Phật - giáo.

Niên-hiệu Úng-Thiên thứ 14 (1008), sau khi nước ta đã hòa với Tống rồi, vua Đại-Hành sắc ông Minh-Xưởng và ông Hoàng-Thành-Nhã sang sứ nước Tàu, cống-hiến đồ thổ-sản và xin vua Tống ban cho bộ «Cửu-Kinh» và «Đại-Tạng-Kinh». Vua Tống trao cho những bộ ấy và cho sứ-giả đưa về. Đó là lần đầu tiên nước ta cho người sang cầu kinh bên Tàu vậy.

KHUÔN - VIỆT - THÁI-SƯ Ngài họ Ngô, Pháp-hiệu là Chân-Lưu, quê ở làng Cát-ly (?), trú-trì ở chùa Phật-Đà. Thuở nhỏ ngài theo Nho-học, lớn lên thọ-giới với Văn-Phong Thuyền-sư ở chùa Khai-Quốc. Từ đó ngài đọc khắp kinh-diễn nhà Phật, hiểu được mọi lẽ cốt-yếu của Thuyền-tôn, tiếng-tăm lừng-lẫy trong nước. Năm ngài 40 tuổi, vua Đinh-Tiên-Hoàng vời vào hỏi đã... ngài ứng-đối tinh-tường, vua rất lấy làm mến-phục, bèn phong làm chức Tăng-thống. Năm sau, niên-hiệu Thái-Bình thứ 2 (971), vua lại phong là Khuôn-Việt Thái-sư (*Khuôn-Việt nghĩa là giúp đỡ sửa-sang nước Việt*).

Đến đời vua Lê-Đại-Hành, ngài lại càng được kính-trọng lắm. Bao nhiêu việc quân, việc nước vua thường triệu ngài đến hỏi.

Năm Thiên-Phúc thứ 7 nhà Tiền-Lê (986),
nhà Tống sai sứ Tàu là Lý-Giác sang nước ta, vua
Đại-Hành liền sắc Khuôn-Việt Thái-sư ra đón-tiếp
và ứng - đổi. Khi Lý - Giác về Tàu có để lại một
bài thơ rằng :

Hạnh ngộ minh thời tán thạnh du,
Nhứt thân lưỡng độ sứ Giao-châu.
Đông - đô tái biệt tâm vưu luyến,
Nam - Việt thiên trùng vọng vị hưu.
Mã đạp yên vân xuyên lăng thạch,
Xa từ thanh chươnг phiếm trường lưu.
Thiên ngoại hữu thiên ứng viễn chiểu,
Khê đàm ba tịnh kiển thiềm thu.

幸 遇 明 時 賦 盛 獻
一 身 兩 土 使 交 州
東 都 冉 別 心 慾 憲
南 越 千 重 望 穿 體
馬 踏 壑 未 浪 石
半 辭 青 泛 長 流
天 外 有 天 應 遠 照
溪 潭 波 净 見 蟬 秋

Dịch : May gặp minh-quân giúp việc làm,
Một mình hai lượt sứ miền Nam.
Mấy phen qua lại lòng thêm nhớ,
Muôn dặm non sông mắt chưa nhảm.

Ngựa đạp mây bay qua suối đá,
Xe vòng núi chạy tới giòng lam,
Ngoài trời lại có trời soi rạng,
Vùng nguyệt trong in ngọn sóng đầm.

Vua Đại-Hành đưa bài thơ ấy cho ngài,
hỏi xem có ý gì không ? Ngài trả :

Câu thứ bảy sứ Tàu có ý tôn Bệ-hạ cũng
như Vua của họ vậy

Vua Đại-Hành bèn nhờ ngài làm một bài
tiễn Lý-Giác. Ngài vâng mệnh làm một bài từ theo
diệu « Tống-vương-lang-quí » :

Tường-quang phong hảo cảm phàm trường,
Thần tiên phục để hương.

Thiên lý vạn lý thiệp thương lảng (*đọc:*
Cửu thiên qui lộ trường. *lường*),
Nhân-tình thảm-thiết đổi ly trường.

Phan luyến sứ tinh lang.

Nguyễn tương thâm ý vị nam cương,
Phân-minh tấu ngã hoàng.

祥	光	風	好	錦	帆	張
神	仙	復	帝	鄉		
千	里	萬	里	涉	倉	浪
九	天	悲	歸	路	長	腸
人	情	憇	切	對	離	
願	攀	憇	使	星	即	疆
分	將	深	意	爲	南	皇
		明	奏			

Dịch :

Gió hòa phẩy-phối chiếc buồm hoa,

Thần tiên trở lại nhà.

Đường muôn nghìn dặm trải phong-ba,

Cửa trời nhấp đường xa.

Một chén quan-hà dạ thiết-tha,

Thương nhớ biết bao là.

Nỗi-niềm xin nhớ cõi Nam-hà,

Bày tỏ với vua ta.

Ngài ở triều được ít lâu thì lấy cớ già-yếu
xin cáo về, dựng một ngôi chùa ở núi Du-hý. Ở
đó ngài mở trường giảng học, học-trò đến học rất
đông; có Đa-Bảo Thuyền-sư là đệ-tử thân-tín của
ngài, sau được truyền tâm-pháp.

Ngày 15 tháng 2, niên-hiệu Thuận-Thiên
thứ hai đời nhà Lý, ngài gọi Đa-Bảo Thuyền-sư
đến đọc bài kệ rằng :

Mộc trung nguyên hưu hỏa, 木中原有火

Nguyên hỏa phục hoàn sanh. 原火復還生

Nhược vị mộc vô hỏa, 若謂木無火

Toản toại hà do manh? 燭遂何由萌

Dịch : Trong cây vốn có lửa,

Tia lửa mới sáng lòi,

Nếu bảo cây không lửa,

Có xát sao lại ra?

Đa - Bảo Thuyền-sư hiểu thâm-ý của sư-phụ, liền sụp xuống lạy. Khuôn-Việt Thái-sư chấp tay lại mà tịch. Ngài thọ 81 tuổi (1). Ngài tức là đời pháp truyền-thống thứ tư của phái Vô-Ngôn-Thông Thuyền-sư vậy.

PHÁP-THUẬN THUYỀN-SƯ.— Ngài giòng họ Đỗ, không rõ quê-quán ở đâu, ngài xuất-gia thuở nhỏ, thọ-giáo với Long-Thọ Phù-trì Thuyền-sư. Khi nhà Tiền-Lê mới thành nghiệp, ngài thường được vời vào triều để luận-bàn việc chánh-trị và ngoại-giao. Vua Đại-Hành thường gọi là Đỗ Pháp-sư chứ không dám gọi chính tên. Năm Thiên-Phúc thứ 7 (986), nhà Tống sai sứ là Lý-Giác sang nước ta, vua sắc ngài cải-trang làm phu chèo đò cho sứ-giả. Tình-cờ lúc ấy có hai con ngỗng lội ở mặt nước, Lý-Giác liền ngâm rằng :

(1) — Có sách nói ngài thọ 79 hoặc 52 tuổi. Sách Le Bouddhisme en Annam của Trần văn-Giáp tiễn-sanh cũng chép ngài thọ 52 tuổi ; nhưng cứ tính năm ngài tịch là năm Thuân-Thiện thứ hai nhà Lý (1011) trở lai nam Thái-Binh thứ hai đời nhà Đinh (971) là 40 năm. Vậy sách nào cũng nói năm Thái-Binh nguyên niên, (970) Ngài được phong chức Tăng-thống và năm sau (971) ngài được phong chức Khuôn-Việt Thái-sư. (Sách lai noi năm trước ngài 40 tuổi, năm sau tắt 41 tuổi) Vậy phải là ngài thọ 81 tuổi mới đúng ($40 + 41 = 81$) ; nếu bảo ngài thọ 51 tuổi thì năm lên 10 tuổi ngài đã được phong Thái-sư ? Có lẽ nào ?

Nga nga lưỡng nga nga, 鵠 鵠 兩 鵠 鵠
Ngưỡng diện hướng thiên nha. 仰 面 向 天 涯

Dịch: Song song ngỗng một đôi,
Ngửa mặt ngó ven trời.

Pháp-sư đang cầm chèo liền đọc tiếp:

Bạch mao phô lục thủy, 白 毛 裝 緣 水
Hồng trạo bải thanh ba. 紅 掉 擺 青 波

Dịch: Lông trắng phơi giòng biếc,
Sóng xanh chân hồng bơi.

Lý - Giác - thán - phục lầm.

Vua Đại-Hành thường hỏi ngài về ngôi nước
dài ngắn thế nào? Ngài liền đọc bài kệ rằng:

Quốc-tộ như dằng lạc, 國 祚 如 藤 絡
Nam-thiên lý thái - bình, 南 天 裏 太 平
Vô - vi cư điện - các, 無 爲 居 殿 閣
Xứ xứ túc đao - binh. 處 處 息 刀 兵

Dịch: Ngôi nước như dây quấn,
Trời Nam mở thái-bình,
Trên điện không sanh sự,
Đâu đó dứt đao - binh.

Niên-hiệu Hưng-Thống nhà Tiền-Lê năm thứ 2
(990), ngài không bệnh mà tịch, thọ 76 tuổi. Ngài có
làm quyển « Bồ-tát hiệu sám-hối văn », còn truyền lại.
Ngài là đời pháp truyền-thống thứ mười của phái
Tì-Ni Đa-Lưu-Chi vậy.

Đọc hai ngài trên đây, ta đủ rõ về thời ấy, trong nước chỉ có những vị Tăng-thống mới là bức bá-hoc. Ngày xưa mỗi khi tiếp sứ Tàu, vua ta thường phải chọn những người lối-lạc uyên-bác ra tiếp, mà hai vị T'huynh-sư cũng được cử vào việc ấy, đủ biết văn-hóa trong nước hầu hết do ở đám Tăng-sĩ cả. Những Pháp-sư ấy lại mở trường giáo-hóa Tăng-chúng, nên ta có thể đoán thời ấy Phật-giáo ở ta dân-chúng hiểu biết lắm vậy. Vâ thời ấy có thể gọi là thời-đại Phật-giáo thịnh nhứt. Vua tin theo, triều-dinh ủng-hộ, lại có sứ đi cầu kinh, tất nhân-dân ai ai cũng phải biết đến.

Nhưng đến cuối đời Tiền-Lê, Phật-giáo có lẽ mất thế-lực vì ông vua bạo-ngược và khôi-hài : Lê-Long - Đinh (Ngọa-Triều : 1005 — 1009).

« Long - Đinh là người bạo - ngược, tính hay chém-giết, ác bằng Kiệt, Trụ ngày xưa. Khi đã giết anh (Lê-trung-Tôn con Lê - Đại - Hành) rồi lên làm vua và thường cứ lấy sự giết người làm trò chơi: có khi những tù-phạm phải hình thì bắt lấy rơm tẩm dầu quấn vào người rồi đưa đốt sống; có khi bắt tù trèo lên cây rồi ở dưới sai người chặt gốc cho cây đổ; có khi bỏ người vào sọt rồi đem thả xuống sông ; hoặc bắt các nhà sư rồi lấy mía đẽ lên đầu mà róc vỏ, thỉnh thoảng giả vờ lỡ tay bỏ dao xuống đầu, trông thấy máu chảy ra thì lấy làm vui - cười .

Còn khi ra buổi chiều, có ai tấu sớ điều gì thì
cho những người hè nói khôi - hài hay là nhái
tiếng làm trò » (1).

Với một ông vua đồi - bại như thế, dù có
những ngài Tăng-thống dự vào triều-chính cũng vị
tất đã dám đem những chuyện Phật-giáo ra để cho
vua được dịp làm trò .

Cũng may, Ngọa-Triều làm vua được có 4
năm thì mất, để Lý - công - Uẩn là người của Phật-
giáo lên làm vua, gây nghiệp nhà Lý và gây cho
Phật-giáo một thời - đại cực - thanh .

(1) — Trích « Việt - Nam Sử - lược » của Trần -
Trọng - Kim .

Chương tư

PHẬT-GIÁO ĐỜI NHÀ LÝ (1010 — 1225). —

1 — LÝ-THÁI-TỔ (1010 — 1028). —

Ngài tên húy là Công-Uẩn, con nuôi một vị sư chùa Cổ-Pháp là Lý-Khánh-Văn, sau thọ-giáo với ngài Vạn-Hạnh. Lớn lên ngài theo ngài Vạn-Hạnh vào Hoa-Lư làm quan với nhà Lê đến chức Tả-thân-vệ Điện-tiền chỉ-huy-sứ. Khi Lê ngoạ-Triều mất thì ngài đã 35 tuổi. Bấy giờ lòng người đã oán giận nhà Tiền-Lê lắm, nên ở trong triều có bọn ông Đào-cam-Mộc, cùng với Tăng-thống Vạn-Hạnh mưu tôn ngài lên làm vua. Ngài lên ngôi Hoàng-Đế tức là vua Thái-Tổ nhà Lý, đóng đô ở thành Thăng-Long (Hà-nội), lấy niên-hiệu Thuận-Thiên.

Thái-Tổ vốn ở trong phái Phật-học ma ra nên khi ở ngôi vua, ngài hết sức sùng-trọng Phật - giáo.

Ngay khi mới lên ngôi đã sắc-ban phảm-phục cho các hàng Tăng-sī.

Năm Thuận-Thiên nguyên-niên (1010), Thái-Tổ sắc làm nhiều chùa ở phủ Thiên-Đức, lấy tiền kho hai vạn quan để dựng 8 ngôi: trong thành Thăng-Long dựng chùa Hưng-Thiên-Ngự, gần điện Thái-Thanh dựng chùa Vạn-Tuế, ngoài thành lại dựng những chùa Thắng-Nghiêm, Thiên-Vương, Cẩm-Y, Long-Hưng, Thánh-Thọ, Thiên-Quang và Thiên-Đức. Triều-dình lại sắc đi khắp các làng hẽ chùa nào đổ nát thì phải tu-bồ-lại.

Sang năm thứ 9 (1019), Thái-Tổ sai sứ là Phạm-Hạc và Nguyễn-đạo-Thanh sang Tàu thỉnh kinh. Khi được vua Tống ban cho, ngài lại sắc một vị Thuyền-sư là Phi-Trí đi sang tận Quảng-tây đón về và để vào kho sách Đại-Hưng. Đó là lần thứ hai nước ta có sứ đi cầu kinh.

Năm sau (1020), ngài sắc lập đạo-đường và phái Tăng-sī đi diễn-giảng Phật-đạo khắp trong nước. Lại sắc đúc mấy quả chuông để treo ở các chùa Hưng-Thiên, Đại-Giáo, Thắng-Nghiêm.

Năm Thuận-Thiên thứ 15 (1024) tháng chín, ngài lập chùa Chân-Giáo ở trong thành và sắc các Tăng-sī, Pháp-sư đến đó tụng kinh và giảng đạo để ngài thường đến nghe.

Về đời Lý-Thái-Tổ, trong nước đã cường-thịnh, các nước ngoài như Chiêm-Thành, Chân-Lạp đều chịu triều-cống, bên Tàu nhà Tống cũng giao-hiệu không sanh-sự, dân-tình được an-lạc, vua và triều-dinh lại hết tâm ủng-hộ, nên Phật-giáo ở nước ta hồi ấy có thể gọi là hồi thạnh nhất từ trước đến sau. Bấy giờ Hán-học tuy đã phổ-thông khắp dân-chúng, nhưng Nho-giáo hình như chỉ là phần phụ ít ai để ý đến, vì chưa có khoa-cử, nên Phật-giáo vẫn đứng địa-vị độc-tôn. Bởi thế, văn-hóa và học-thuật trong nước vẫn là ở trong phái Phật-học cả.

Những vị Thuyền-sư có danh tiếng thời bấy giờ như Vạn-Hạnh Thuyền-sư, Đa-Bảo Thuyền-sư, Sùng-Phạm Thuyền-sư đều ở hai phái Tì-Ni và Vô-Ngôn mà ra cả.

VẠN - HẠNH THUYỀN - SƯ. — Người làng Cồ-pháp (nay là làng Định-bản, phủ Từ-sơn, Bắc-ninh) họ Nguyên, không rõ tên tục là gì. Nhà ngài đời đời thờ Phật, từ thuở nhỏ ngài đã thông-minh khác chúng, học khắp tam-giáo và khảo-cứu nhiều kinh luận nhà Phật. Năm 20 tuổi, ngài xuất-gia cùng với Định-Huệ Thuyền-sư, theo học với ngài Thuyền-Ông Đạo-giả, tức là đời pháp thứ hai của phái Tì-Ni Đa-Lưu-Chi. Sau Thuyền-Ông tịch rồi, ngài chuyên tập pháp « Tống-trì-tam-ma-địa »,

mỗi khi nói câu gì lạ thường, người đời đều cho là câu sấm. Thời vua Lê - Đại - Hành còn tại thế, thường vời ngài đến hỏi về việc quân.

Niên-hiệu Thiên - Phúc năm thứ nhất (980), nước Tàu sai Hậu-nhân-Bửu đem quân qua đánh nước ta, khi đã đóng ở núi Cương-giáp-lăng (?), vua Đại-Hành mời Thuyền-sư đến hỏi quân ta thắng bại thế nào? Ngài tâu : chỉ trong ba, bảy ngày thì giặc tắt lui. Sau quả-nhiên như vậy. Ngài rất giỏi về sấm-ngữ và độn-sổ, vua Đại-Hành rất đem lòng tôn-kính thán-phục.

Năm Thuận-Thiên thứ 9 (1018), ngài không đau ốm gì mà tịch. Vua Lý-Thái-Tổ và các đệ-tử rước ngài lên hỏa-dàn rồi thâu hài-cốt xây tháp để thờ. Ngài có bài kệ trước khi tịch rằng :

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô,
Nhậm vận thanh suy vô bổ úy,
Thanh suy như lô thảo đầu phô.

身如電影有還無，
萬木春榮秋又枯。
任運盛衰無怖畏，
盛衰如露草頭鋪。

Dịch : Thân như bóng chớp chiều tà,
Cỏ xuân tươi tốt, thu qua rụng rời.
Sá chi suy thanh việc đời,
Thanh suy như hạt sương rơi đầu cành.

Sau vua Lý-Nhân-Tôn (1072—1127) cũng
có bài truy-tán ngài rằng :

Vạn-hạnh dung tam tể, 萬行融三際
Chơn phù cổ sấm cờ (ky). 真符古讖機
Hương quan danh Cổ-pháp. 鄉聞名古法
Trụ tích trấn vương kỳ. 桂錫鎮王畿

Dịch : Thuyên - sư học rộng bao-la,
Giữ mình hợp phép sấm ra ngoài lời.
Quê - hương Cổ - pháp danh ngời,
Tháp bia đứng vững muôn đời Đế - Đô.

ĐA-BĀO THUYỀN-SƯ.— Không rõ ngài
quê-quán ở đâu, trú-trì chùa Kiến-Sơ ở làng Phù-
Đồng. Ngài là đệ-tử của Khuôn-Việt Thái-Sư (phái
Vô-Ngôn). Lý-Thái-Tổ nghe danh thường mòi ngài
vào triều hỏi đạo và bàn-luận việc nước và việc ngoại-
giao. Thái-Tổ có sắc trùng-tu chùa Kiến-Sơ cho ngài
ở. Sau không rõ ngài tịch ở đâu và bao giờ, vì ngài
thường thường vân-du đi khắp xứ để thuyết-pháp
truyền đạo.

Đệ-tử được truyền tâm-pháp của ngài là Định-
Hương trưởng-lão.

2.— LÝ-THÁI-TÔN (1028—1054).—
Thái-Tử Phật-Mã nối ngôi Thái-Tổ, tức là Lý-Thái-
Tôn, lấy niên-hiệu Thiên-Thành. Ngài cũng là người
sùng đạo Phật, thường thường họp các bô-lão, Tăng-
sĩ ở các chùa để bàn-luận về đạo Phật.

Năm Thiên-Thành thứ tư (1031) tháng tám, sau khi dẹp giặc Chiêm ở Hoan-Châu (Nghệ-an bây giờ) về, Thái-Tôn sắc lập 95 ngôi chùa. Khi chùa làm xong, triều-dinh mở quốc-hội để khánh-thành và miễn thuế cho nhân-dân một năm.

Năm 1034, Thái-Tôn đổi niên-hiệu là Thông-Thụy. Tháng 8 năm ấy nhà Tống ban Đại-Tạng kinh và sai sứ rước sang cho ta, Thái-Tôn sai Triều-quan đi đón rất long-trọng.

Trong năm ấy có 2 vị Thuyền-sư là Nghiêm-bảo-Tánh và Phạm-minh-Tâm ngộ-đạo tự thiêu mình, Thái-Tôn cho rước tro ấy vào thờ ở chùa Trường-Thánh.

Đến năm Thông-Thụy thứ ba (1036), Thái-Tôn sắc sơn thếp lại các tượng Phật ở các chùa. Khi hoàn-thành, triều-dinh mở quốc-hội khánh-thành và miễn thuế cho dân một năm.

Lại vào khoảng niên-hiệu Thông-Thụy (1034 - 1038), vua thường đến hỏi đạo nơi ngài Thuyền-Lão Thuyền-sư và xưng làm đệ-tử. Sau vua được ngài truyền tâm-pháp, tức là người thứ bảy trong đời truyền-thống thứ bảy của phái Vô-Ngôn-Thông vậy (1).

Triều đời Lý, ngài thật là một ông vua sùng đạo bậc nhất. Ngoài những lúc lo việc chính-trị, ngài

(1) — Xem bản-dō C.

lại lo học pháp thuyền-định của phái Thuyền-tôn. Ngài tu tại-gia, thọ - giáo với ngài Thuyền - Lão; ngài lại thường đam-đạo với các Thuyền-sư nổi tiếng bấy giờ như Cứu - Chỉ Thuyền - sư, Bảo - Tánh Thuyền - sư, Minh-Tâm Thuyền - sư, v.v... Các Thuyền - sư này cũng là những bậc Đại-đức của phái Vô-Ngôn, mỗi ngài đều có đệ-tử rất đông.

Qua niên-hiệu Sùng-Hưng Đại-Bảo năm đầu (1049), Thái-Tôn sắc dựng chùa Diên-Hựu. Nguyên năm trước ngài nằm mơ thấy đức Phật Quan-Âm dẫn ngài vào Liên-hoa điện. Tỉnh dậy, ngài ban hối đình-thần thì một vị Tăng - thống xin lập chùa. Vua nghe lời, sắc dựng một cục đá, ở trên xây điện Liên - hoa (hình hoa sen nổi trên mặt nước) thờ Phật Quan-Âm và hội các Tăng-sĩ lại tụng kinh cầu trường-thọ (chùa ấy hiện còn ở gần Hanoi, người ta thường gọi là « Chùa một cột »).

Những Thuyền-sư có danh hồi ấy như Huệ-Sinh Thuyền-sư, Định-Huơng Trường-lão Thuyền-sư (phái Tỳ-Ni), Cứu-Chỉ Thuyền-sư v.v...

HUỆ-SINH THUYỀN-SƯ. — Họ Lâm, tên tục là Khu, quê ở Đông-phù-Liệt, nguyên là con cháu Lâm-phú ở Trà-sơn (huyện Thanh-trì Hà-đông bấy giờ). Thuở nhỏ tướng-mạo khôi-ngoô, nói-năng rất lưu-loát, nổi tiếng văn hay chữ tốt. Những khi học Nho còn thừa thi-giờ ngài lại nghiên-cứu kinh Phật.

Mỗi khi nói đến chỗ cốt - yếu của Phật - Pháp, ngài thường than - thở và rơi nước mắt. Gần 70 tuổi, ngài theo Định - Huệ Thuyền - sư, từ đó đạo - học càng ngày càng tiến. Khi được sư - phụ truyền tâm - pháp cho, ngài mới đi hành - hóa khắp chốn tòng - lâm, rồi lên ở núi Bồ - Đề. Mỗi lần ngài ngồi nhập - định tu - pháp ít nhất cũng phải năm bảy ngày. Người đời bấy giờ thường gọi ngài là ông « Phật xác thịt »

Vua Lý - Thái - Tôn nghe tiếng ngài có sai sứ đến vời. Ngài bảo sứ - giả rằng: ông không thấy con sanh trong lỗ tể ư? Khi chưa tể thì người ta cho nó ăn cỏ thơm, mặc áo gấm, đến khi giắt vào Thái - miếu thì nó chỉ muốn cầu chút sống sót, còn nói đến việc gì? Nói rồi ngài từ - chối không chịu đi. Sau vì nhà vua cố ép, bắt đắc dĩ ngài phải tới cửa khuyaết. Sau khi đàm đạo về Phật - pháp, vua rất lấy làm kính - phục, mới phong cho ngài làm chức Nội - Cung phụng - tăng và sắc - truyền ở chùa Vạn - Tuế gần thành Thăng - Long. Một hôm trong Đại - nội có thiết tiệc chay đải các Tăng - sĩ, vua ban:

— « Đổi với tâm - nguyên của Phật, các học - giả thường cãi - lộn nhau, trăm muôn các bậc thượng - đức ở đây, bày tỏ chỗ sở - đắc, để trăm xem học - văn của các ngài đến bực nào ».

Ngài liền ứng khẩu đọc bài kệ rằng:

Pháp bđn như vô pháp,	法 空
Phi hủu duyệt phi khōng.	法 同
Nhược nhān tri thđr pháp,	法 月
Chúng-sanh dđr Phđt đđong.	法 舟
Tịch tịch Lăng-già nguyệt,	同 週
Khōng khōng đđô hải châu.	
Trí khōng khōng giác hūru,	
Tam-muội nhđm thđng châu.	

法 空	本 有	無 非	如 亦	知 與	法
法 同	人 生	此 佛	此 佛	楞 伽	法
法 舟	寂 空	伽 海	知 室	渡 空	同
	空 空	覺 通	昧 任		

Dịch : Pháp vốn như không pháp,

Chẳng có cũng chẳng không.

Nếu hiểu được pháp ấy,

Chúng - sanh, Phật vẫn đồng.

Trăng Lăng-già phảng-lặng ,

Thuyền Bát-Nhā chơn không.

Biết không rồi biết có,

Tam - muội mặc dung thông.

Vua rất lấy làm mến - phục.

Thời ấy các Vương-công trong triều và các sĩ-thú nhiều người đến hỏi đạo-lý và đều kính ngài là bực thầy. Sang đời Thánh-Tôn, ngài lại được phong làm Tả-nhai tăng-đô-thống. Đến năm Gia-khánh thứ 5 (1063) ngài mất. Ngài có soạn ra mấy cuốn Pháp-sư trai-nghi, Đạo-tràng khánh-tân văn, nhưng đều thất truyền.

ĐỊNH-HƯƠNG TRƯỞNG-LÃO – Họ Lữ
quê ở Chu-Minh, đệ-tử của ngài Đa-Bảo Thuyền-sư (phái Vô-Ngôn), thọ-giới với sư-phụ đã hơn 24 năm.

Môn-đệ của Đa-Bảo Thuyền-sư có hơn vài trăm người, ngài cùng Bảo - Hòa Thuyền - sư đứng vào bậc nhất.

Một hôm ngài hỏi Đa - Bảo Thuyền-sư rằng :

- Thế nào là tìm thấy chơn-tâm của mình ?
- Thì người cứ tìm đi.

Ngài nghe thầy nói thế, trong lòng bâng-khuâng, một hồi lâu nói :

— Hết thấy mọi người cũng đều thế cả, phải gì một đê-tử này.

- Thế người đã hiểu chưa ?
- Khi đê-tử hiểu rồi thì lại cũng như khi chưa hiểu.

— Người nên giữ-gìn lấy cái tâm ấy.

Nghe thầy dạy thế, ngài liền chấp tay và xây mình lại. Đa-Bảo liền quát to lên rằng :

— Đi đi !

Ngài vội sụp xuống lạy. Đa-Bảo Thuyền-sư dạy:

— Từ nay người tiếp người nên coi mình như người mắt mờ tai điếc vậy.

Thời ấy ở Kinh-đô có quan Thành-Hoàng-sư là Nguyên-Tuân, rất kính-mến đạo-đức của ngài, mời ngài về trú ở chùa Cảm-Üng, học trò đến học rất đông, ngài giáo - hóa được nhiều người đắc - đao Niên - hiêu Sùng - Hưng Đại - bảo thứ ba (1051) ngài tịch.

THUYỀN-LĀO THUYỀN-SƯ. — Trú-trì ở chùa Trùng-Minh huyện Tiên-Du, đệ-tử của Đa-Bảo Thuyền-sư. Khi học đã đắc-đạo rồi mới về ở ngôi chùa vùng Từ-Sơn, danh tiếng lừng-lẫy, học-trò kể hơn nghìn người. Chỗ ở của Thuyền-sư thành ra một nơi tùng-lâm đô-hội. Trong khoảng niên-hiệu Thông-Thụy (1034 — 1038), vua Lý-Thái-Tôn nhơn một hôm đến thăm và hỏi rằng :

— Hòa-Thượng trú ở chùa này bao lâu ?

Thuyền-sư liền đọc hai câu thơ rằng :

Đản tri kim nhựt nguyệt, 但知今日月
Thùy thức cựu xuân thu. 誰識舊春秋

Dịch: Sống ngày nay biết ngày nay,

Còn xuân thu trước ai hay làm gì.

— Ngày thường Hòa-Thượng làm việc gì ?

Ngài lại đọc : Túy trúc huỳnh hoa phi ngoại cảnh,
Bạch-vân minh-nguyệt lộ toàn chân.

翠竹黃花非外境

白雲明月露全真

Dịch: Túc hiếc hoa vàng đâu cảnh khác,

Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.

Sau khi về cung, vua định cho sứ đến rước ngài vào triều để cổ-văn. Đoạn sứ-giả đến nơi thì ngài đã tịch rồi.

3.— LÝ-THÁNH-TÔN (1054—1072). Thái-Tử Nhật-Tôn nổi ngôi Thái-Tôn hiệu là Thánh-Tôn,

đổi quốc-hiệu là Đại-Việt (1), niên - hiệu là Long-Thụy Thái-bình (1054). Ngài là một ông vua sùng đạo Phật và nhân-tù nhẫn. «Những mùa lạnh ở trong cung, ngài thường nghĩ thương đến tù-phạm và những kẻ nghèo. Một năm, trời rét lắm, Thánh-Tôn bảo những quan hầu-cận rằng :

«Trẫm ở trong cung ăn mặc như thế này mà còn rét, nghĩ những tù-phạm phải giam trong ngục, phải trói buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc, vẫn lại có người xét hỏi chưa xong, gian ngay chưa rõ, lở rét quá mà chết thì thật là thương lắm».

Nói rồi ngài truyền lấy chǎn-chiểu cho tù nằm và mỗi ngày cho ăn hai bữa đầy-đủ. Lại một hôm, Thánh-Tôn ra ngự ở điện Thiên-Khánh xét án, có Động-Thiên Công-chúa đứng hầu bên cạnh, ngài chỉ Công-chúa mà bảo các quan rằng :

«Lòng trẫm yêu dân như yêu con trẫm vậy ; hiếm vì trẫm họ ngu-dại làm cần phải tội, trẫm lấy làm thương lắm ; vậy từ rày về sau, tội gì cũng giảm nhẹ bớt đi.» (2)

Ngài có lòng từ-bi bác-ái như vậy ; cũng là do ngài sùng-mộ Phật-giáo và trong triều lại có nhiều vị Thuyền-sư hầu-cận làm ngự-sử cho ngài.

(1) — Nước ta từ đời nhà Đinh đến giờ vẫn gọi là Đại-Cồ-Việt, nay mới đổi quốc-hiệu

(2) — Trích «Việt-Nam sử-lược» của Trần-T.Kim,

Năm Long-Thụy Thái-bình thứ 5 (1056),
Thánh-Tôn sắc dựng chùa Sùng-Khánh ở phường
Báo-Thiên, có xây một ngọn tháp 12 tầng, cao 20
trượng và đúc một quả chuông hết 12 ngàn cân
đồng (phường ấy ở xã Tiên-thị, huyện Thọ-xương,
tức Hà-nôi bây giờ hiện còn di-tích).



Phái Thảo - Đường

Năm Kỷ-Dậu (1069), vua Lý-Thánh-Tôn đi
đánh Chiêm-Thành về, có bắt được vua-nước ấy là
Chế-Cũ và nhiều dân lính làm tù-binh. Các tù-binh
ấy vua Thánh-Tôn ban cho các quan triều làm quân
hầu. Trong số các quan triều ấy có một vị Tăng-lục.
Một hôm vị Tăng-lục ấy đi vắng về, bỗng thấy bản
« Ngũ-lục » của mình bị một tù-binh sửa-chữa lại
cả. Ngài thất kinh đem việc ấy tâu vua, vua liền cho
đòi tên tù-binh ấy hỏi, thì y ứng - đổi rất thông,
luận về những kinh điển nhà Phật rất là xác-đáng.
Hỏi ra thì đó là một vị Thuyền-sư người Tàu theo
thầy qua Chiêm-Thành, chẳng may bị bắt làm tù-binh.
Vị Thuyền-sư ấy chính tự-hiệu là Thảo-Đường,
đệ-tử của ngài Tuyết-Đậu Minh-Giác bên Tàu.

(Theo sách Tục-truyền đăng-lục thì Tuyết-Đậu
là đạo-hiệu của một vị Thuyền-sư tu ở núi Tuyết-
Đậu thuộc hạt Minh-Châu nước Tàu, chính hiệu là

*Trùng-Hiển, từ là Ân-Chi; vì tu ở núi Tuyết-Đáu
nên người ta kêu là Tuyết-Đáu Thuyền-sư).*

Khi biết rõ tung - tích của Thảo - Đường
Thuyền-sư, vua Thánh-Tôn liền sắc-phong ngài chức
Quốc-sư, cho khai-giảng ở chùa Khai - Quốc trong
thành Thăng-Long. Đệ-tử đến theo học rất đông.
Ngài biệt-lập ra một phái, sau người ta gọi là phái
Thảo-Đường, tức là phái Thuyền-tôn thứ 3 ở ta vậy.

Lý-Thánh-Tôn cũng thọ - giáo với ngài. Sáu
Thánh-Tôn đắc-đạo được ngài truyền tâm-pháp và
là đệ-tử đầu tiên của phái Thảo-Đường. Sau phái
Thảo-Đường truyền xuống được năm đời, đắc-đạo
cộng được 19 người (1).

Thế là trong đời vua Lý-Thánh-Tôn, Phật-
giáo ở nước ta lại thêm một phái.

Năm Thiên-Huấn Bảo-tượng thứ 2 (1069),
Thánh-Tôn có sắc dựng Văn-miếu, đúc tượng Chu-
Công, Khổng-Tử cùng tượng Tứ-Phối và vẽ tượng
72 vị Tiên-hiền để thờ, nhưng sự chuộng Nho-giáo
ấy cũng không có ảnh-hưởng gì đến sự truyền - bá
và thế-lực của Phật-giáo. Sự thật là tuy Thánh-Tôn
có bắt Hoàng - tử đến Văn - miếu mà học và có ý
khai-hóa việc văn - học mà ngài vẫn đắc - đạo thành
một đạo-sĩ của phái Thuyền-tôn

(1) — Xem Bản - đồ D.

4—LÝ-NHÂN-TÔN (1072—1127).—

Thái-tử Càng-Đức con bà Ỷ-Lan thái-phi, nối ngôi Thành-Tôn lấy đế-hiệu là Lý-Nhân-Tôn. Nhân-Tôn lên ngôi vua thì hấy còn nhỏ tuổi, nhưng được Thái-sư Lý-đạo-Thành và các quan triều hết lòng lo việc nước, nên sau ngài cũng thành một vị vua thông-minh và anh-dũng. Trong đời này vua Nhân-Tôn có mở khoa thi tam trường, lập trường Quốc-tử-giám và lập tòa Hàn-lâm, khuyến-khích việc Nho-học, nhưng ngài vẫn không nhăng về vấn-de Phật-giáo.

Năm Quảng-Hựu thứ ba (1087), Nhân-Tôn ngự-giá đi lê Phật nghe kinh ở chùa Lãm-Sơn (ở huyệ. Quế-dương, Bắc-ninh bây giờ) rồi thiết triều yến ở chùa, và ngài có ngự bút bùi thơ nhan-de là « Lãm-Sơn dạ yến ». Ngài có đặt một vị quan triều cao-cấp trông-nom hết thảy các chùa trong nước.

Năm Quảng-Hựu thứ tư (1088), Nhân-Tôn phong Khô-Đầu Thuyền-sư làm chức Đại-sư để cỗ-vấn việc quốc-chính như Khuôn-Việt Thái-sư đời Đinh-Tiên-Hoàng-de và Lê-Đại-Hành Hoàng-de vậy.

Năm Long-Phù thứ năm (1105), vua sắc sửa chùa Diên-Hựu, trước mặt chùa xây một ngọn tháp cao và đào một cái hồ thả sen. Thường những ngày rằm, mồng một vua ngự-giá đến chùa, Hoàng-hậu cũng xuất cửa riêng ra lập hơn một trăm ngôi chùa.

Năm Hội-Tường Đại-khánh thứ 9 (1118), nước Chân-Lạp và nước Chiêm-Thành sai sứ đến cỗng-hiển phuơng vật. Vua mở một kỳ hội lê Phật rất lớn, gọi là « Thiên-Phật-hội » (*Hội uaghìn đúc Phật*).

Đời Lý-Nhân-Tôn lại có nhiều bậc Thuyền-sư lôi-lạc, trước-thuật những sách vở làm vẻ-vang cho lịch-sử Phật-giáo nước nhà; hiện nay vẫn còn mà hồi ấy người Tàu cũng phải bái-phục, như :

VIÊN-CHIẾU THUYỀN-SƯ.— Ngài họ Mai, húy là Trực, quê ở huyện Long-dàm, con anh bà Linh-Cảm Thái-hậu (vợ vua Thái-Tôn).

Ngài thông-minh từ thuở nhỏ. Có vị trưởng-lão ở chùa Mật-Nghiêm có tài xem tướng, đoán cho ngài: nếu đi tu thì có thể trở nên một vị « Thiện Bồ-tát ».

Cảm lời nói ấy, ngài liền từ-giả, cha mẹ, vào chùa Tiêu-Sơn xin làm đệ-tử ngài Định-Hương Thuyền-sư, để nghiên-cứu Thuyền-học. Ngài rất am hiểu pháp « Tam-quán » trong kinh Viên-giác, tu đến đắc-đạo và được sư-phụ truyền tâm-ấn.

Sau ngài về Thăng-Long, dựng một ngôi chùa ở mé tả kinh-thành mà trú-trì ở đó. Người bốn phuơng nghe tiếng tìm đến theo học rất đông.

Ngài có soạn quyển « Dược-sư thập nhị nguyễn-văn », trong ấy bàn-giải về 12 điều đại-nguyên

BẢN-ĐỒ D (1)

Phái Thảo-Duờng
(1055—1205)

- I) I— $\frac{\text{Lý}-\text{Thanh-Tôn}}{1}$ (1054) II— $\frac{\text{Ban-Nhuoc}}{2}$ III— $\frac{\text{Ngò-Xá}}{3}$ $\frac{4}{4}$
- II) IV— $\frac{\text{Ngò-Ích}}{1}$ V— $\frac{\text{Thiệu-Minh}}{2}$ VI— $\frac{\text{Không-Lô}}{3}$ VII— $\frac{\text{Đinh-Giác}}{4}$
- III) VIII— $\frac{\text{Hồ}}{1}$ IX— $\frac{\text{Pham-Ám}}{2}$ X— $\frac{\text{Lý-Anh-Tôn}}{3}$ XI— $\frac{\text{Đỗ-Đỗ}}{4}$
- IV) XII— $\frac{\text{Truong-Tan-Tang}}{1}$ XIII— $\frac{\text{Chân-Huyèn}}{2}$ XIV— $\frac{\text{Đỗ-Thường}}{3}$ $\frac{4}{4}$
- V) XV— $\frac{\text{Hải-Tịnh}}{1}$ XVI— $\frac{\text{Lý-Cao-Tôn}}{2}$ XVII— $\frac{\text{Nguyễn}}{3}$ XVIII— $\frac{\text{Phan-}}{4}$
Thúc Phung-Ngư
- (1205)

(1) — Esquisse d'une histoire du Bouddhisme au Tonkin — Tranh-văn-Giáp

trong kinh Dược-sư. Vua Lý-Nhân-Tôn có đưa bản sách ấy cho sứ-thần sang Tàu dâng vua Triết-Tôn nhà Tống. Vua Tống giao sách ấy cho các vị sứ Thượng-tọa ở chùa Tướng-quốc xem và có chỗ nào đáng sửa thì sửa lại. Các Đại-sư Tàu xem rồi lều tâu vua Tống rằng: « Đây là dâng hóa-thân đại-sĩ ra đời ở phương Nam, giảng-giải kinh nghĩa rất tinh-vi, bọn phàm tăng chúng tôi đâu dám thêm bớt một chữ nào nữa »

Vua Tống liền sắc cho sao lại một bản, còn bản chính thì trả lại cho vua ta và có lời khen tặng.

Ngoài ra ngoài còn soạn những sách:

- 1.— Tân Viên-giác kinh.
- 2.— I hập nhị Bồ-tát hạnh tu-chứng đạo-tràng.
- 3.— Tham-đồ biểu-quyết.

Đó là những sách giá-trị đầu tiên trong những sách luận-giải về kinh-diễn nhà Phật của nước ta.

Ngài tịch vào năm Quang-hựu thứ 6 (1090),
thọ 92 tuổi.

NGÔ-ẤN THUYỀN-SƯ.— Ngài họ Đàm,
húy là Khí-Qui, ở làng Kim-bài (thuộc huyện
Thanh-oai, tỉnh Hà-đông), trú-trì ở chùa Long-Ân.

Lúc nhỏ ngài thọ-giáo với một vị sư già Chiêm-

Thành. Năm 19 tuổi thì ngài phát chí xuất-gia và thọ cù-túc-giới. Ngài thông-hiệu cả hai thứ chữ : Hán và Phạn; thường vân-du khắp mọi nơi để hành-hóa, học-trò theo học rất đông.

Trong những khi giảng-dạy, ngài thường chú-trương thuyết « Tam-ban ». Tức là lấy thân làm Phật, lấy miệng làm pháp, lấy tâm làm thuyền. Ngài lại giải rằng : « tuy chia làm ba mà kỳ thực chỉ có một. Ví-dụ như nước ở ba ngọn sông, mỗi xứ gọi mỗi tên, tên tuy khác mà chất nước không khác ».

Ngài tịch vào năm thứ tư niên-hiệu Quảng-Hựu (1088). Thọ 69 tuổi.



Xét ra thời nầy hình như Phật-giáo có pha lẩn Đạo-giáo vào nên các Thuyền-sư danh-tiếng nào cũng giỏi về nghề phù-chú độn-số. Như tiểu-truyện của Vạn-Hạnh Thuyền-sư nói trên, ngoài ra sách lại còn chép mấy chuyện về độn-số và lời sấm của ngài.

Cũng trong thời nầy có một vị Thuyền-sư tên là Đạo-Hạnh, họ Từ, tên húy là Lộ. Cha là Từ-Vinh, làm đến chức Tăng-quan đô-án, mẹ là Đặng-thị. Ông Vinh có dùng tà-thuật làm mích lòng Duyên - thành - Hầu. Hầu giận, liền nhờ Đại-Điền Pháp-sư dùng phép-thuật đánh chết ông Vinh vất thây xuống sông Tô-lịch, trôi đến Quyết-Kiều bên

nha Duyên - thành - Hầu. Đến đây thây ông Vinh bỗng đứng dựng dậy như người sống và chỉ tay vào nhà Hầu suốt một ngày. Hầu sợ-hãi liền đi tìm Đại - Diên Pháp-sư.. Pháp-sư liền đọc câu kê rằng :

«Tăng hận bắt cách túc» (thày tu có giận ai cũng không để qua đêm khác), tự nhiên cái thây ngã xuống mà trôi đi.

Ngài Từ-Lộ giận lắm, muốn báo thù cho cha mà không biết làm thế nào, vì pháp - thuật của ngài còn kém; ngài liền vào ẩn trong Từ-Sơn, lấy đạo-hiệu là Đạo-Hạnh; ngày thường chuyên-trì thần-chú Đại-bi và các pháp-thuật khác. Một ngày kia thấy pháp-thuật mình đã tinh-thông, ngài liền trở về báo thù cho cha: ngài ném cái gậy xuống sông Tô-Lịch, gậy bơi ngược giòng sông lên qua nhà Duyên-thành-Hầu thì đứng lại chỉ vào nhà. Hầu lại báo tin cho Đại - Diên Pháp-sư Pháp-sư ra xem thì bị gậy ấy đánh chết ngay. Duyên-thành-Hầu sợ-hãi liền mời tổ Giác-Hoàng Đại - pháp - sư, hai bên thường đấu phép nhiều lần. Sau Đạo-Hạnh Thuyền-sư phải thua về ẩn ở Sài-Sơn (Sơn-tây) Nhân khi đánh nhau với tổ Giác-Hoàng, ngài Đạo-Hạnh suýt bị chết, may có Sùng-hiền-Hầu xin cứu cho. Về sau nhớ ơn ấy, ngài Đạo-Hạnh nguyện sẽ vào đầu thai làm con của Hầu. Nhân bày giờ Sùng - hiền - Hầu phu-nhân có

hai, ngài liền hẹn bao giờ phu-nhân giở dạ thì phải báo cho ngài biết. Khi được tin ấy, ngài liền đập đầu vào núi đá chết (1). Khi ấy ngài còn bị Giác-
Hoàng Đại-sư yểm bùa ngăn-cản mãi sau mới đầu
thai vào được. Con của Sùng-hiền-Hầu sau này tức
là vua Lý - Thần - Tôn (2). (Đến nay ở làng Láng
mấy năm lại mở đại-hội một lần, vì trong mấy làng
đó có thờ ngài Đạo-Hạnh, tục gọi là Tứ-dai-thánh
và Pháp-sư Đại - Điện. Khi có hội (hội Láng vẫn
có tiếng, ở gần Hà-nội) dân làng lại diễn lại tích
ngài Đạo-Hạnh và Pháp-sư Đại - Điện đánh nhau.
Ở Sài-sơn cũng còn thờ ngài Đạo - Hạnh. Sài-
son ở phủ Quốc-oai. Sơn-tây bây giờ).

(Có sách cho chuyên này là huyền-hoặc và
bác đi, nhưng tướng ta cũng không nên tin hẳn Ta
chỉ nên nhớ rằng những chuyên ấy đối với những
tà-thuật của Dao-giao là một sự thường và nhân
dó ta có thể biết rõ rằng Phật-giáo phai-lẫn với
Dao-giáo bắt đầu từ lúc ấy.

Nguyên pháp của Thuyền-tôn là phép thuyền-
định, tập-trung tư-tưởng, luyện nhân-thần nhân-diện
như thời-miên-hoc của Thái-tây bây giờ. Khi tâm
đã chuyên-nhất, trí đã mở thi ở người có thể phát-
hiên nhiều thân-thông mới lạ. Nhưng nếu người

(1) — Ở Sài-sơn bây giờ trong hang còn vết chân
người đứng kiêng, tục truyền là ở tích này.

(2) — Xem chuyện Pháp-sư Nguyễn-Minh-Không
với kiếp sau của ngài Tù Đạo-Hạnh dưới này.

tu-hành nhặt làm thản-thông ấy là cùu-cánh trong sự tu hành của mình, như vậy là sai-lạc chon lý và không khéo thản-thông ấy lại trở-thành tà-thuật; những pháp-thuật ấy có thể gần với pháp-thuật của Đạo-giáo, nên hai phái ấy có thể hỗn-hợp được. Xét thế, sau này ta khỏi lấy làm lạ khi thấy các sư tu chùa cũng cúng-cấp, yểm-bùa, thản-chú. Ấy là vì càng về sau Phật-giáo càng bị những tà-đao hạ-cấp xen vào, nên Phật-giáo mới lạc mất tôn-chỉ và luật-pháp của Phật Thích-Ca vậy).

5.— LÝ-THẦN-TÔN (1128—1138)—
Lý-Nhân-Tôn không có con, lập con của hoàng-đệ là Sùng-hiền-Hầu lên làm Thái-tử. Thái-tử sau lên ngôi tức là Thần-Tôn.

Năm Thiên-Chương Bảo-tự thứ tư (1136), vua mắc bệnh nặng có nhờ Minh-Không Thuyền-sư chữa khỏi, liền phong cho Thuyền-sư làm Quốc-sư và sắc lập chùa Linh-Cảm.

MINH-KHÔNG THUYỀN-SƯ.— Họ Nguyễn, húy là Chí-Thành, quê ở làng Đàm-xá, thọ-giáo với ngài Từ-Đạo-Hạnh ở chùa Thiên-Phúc. Ngài tu-hành rất có chí, nên được Đạo-Hạnh truyền hết bí-pháp cho. Đến khi ngài Đạo-Hạnh sắp tịch có bảo ngài Minh-Không rằng: « Xưa đức Thế-Tôn đạo-quả đã viên-mãn rồi mà còn quả-báo, huống chi đời mạt-kiếp này. Ta đây kiếp sau làm nhân-chú, nhưng tất bị quái-bịnh, người dã có duyên với ta

thì nên đợi mà cứu ta ». Nói rồi Đạo - Hạnh liền hóa và đầu thai làm con của Sùng-hiền-Hầu tức là vua Lý-Thần-Tôn sau này.

Ngài Minh - Không ghi lời thầy dạy, sau khi sư-phụ hóa kiếp, liền trở về quê ẩn-dật đến 20 năm, không cầu danh-tiếng gì. Đến năm Thiên - Chương Bảo-tự thứ tư (1136), vua Thần - Tôn tự-nhiên bị mắc một quái-tật, tâm-thần rối-loạn, gầm-thét như hùm mà người thì mọc lông ra như lông hổ. Các lương-y trong nước đều phải bó tay. Một hôm chọt có tiếng của trẻ con vỗ tay hát:

*Tập tắm vồng ! Tập tắm vồng !
Có ông Nguyễn - Minh - Không
Chưa được Thần - Tông Hoàng - đế.*

Triều-đình liền đi dò hỏi rước ngài về kinh. Khi ngài đến nơi, thấy trong điện có nhiều Tăng-si, Pháp-sư, lương-y xúm nhau lại bàn-bạc để chữa bệnh cho Hoàng - đế. Thấy ngài quần nau, áo vải quê mùa, các người kia đều tỏ vẻ khinh-bỉ và nghi- ngờ. Ngài chào hỏi cẩn-vặn, liền lấy một cái đinh dài 5 tấc đóng vào cột mà bảo:

— Ai nhổ được cái đinh này mới chưa được bệnh cho Thiên-tử.

Nhưng không ai làm được, ngài mới nhón ngón tay khẽ rút lên, thì cái đinh ra rất nhẹ-nhang

Bấy giờ mọi người mới kinh-sợ và để ngài tư-ý
chữa bệnh cho vua.

Khi vào thăm bệnh vua thì ngài thét to lên
rằng :

— « Đại-trưởng-phu đứng đầu muôn dân, trị
vì bốn bể, sao lại làm cách cuồng-loạn thế? »

Vua Thần-Tôn trong lúc cơn mê, nghe nói thì
giật mình kinh-hãi và không lồng-lộn ghê-gớm nữa.
Ngài Minh-Không liền truyền đun sôi một vạc nước
và bỏ cái đinh ban nãy vào làm phép, sau đem ra
tắm cho vua, thì bao nhiêu lông rụng hết và bệnh
cũng khỏi dần.

Sau Thần-Tôn phong cho ngài làm Quốc-sư
ăn lương vạn hộ. Ngài mở trường dạy rất đông đệ-
tử. Đến năm Đại-Định thứ hai vua Anh-Tôn (1141),
ngài hóa. Hiện nay ở làng Võng-thị (vùng Bưởi trên
bờ hồ Tây Hà-nội) có thờ ngài làm Thành-hoàng.

Ngoài ra, thời ấy lại có nhiều Thuyền-sư khác,
giòng-giỏi của ba phái Thuyền-tôn Tì-Ni Đa-Lưu-
Chi, Vô-Ngôn-Thông, Thảo-Đường mở đạo-trường
dạy đệ-tử, hoặc đi hành-hóa, dùng pháp-thuật cứu-giúp
kẻ bệnh-tật trong thiên-hạ.

Đời này có một vị Sư-ni là Diệu-Nhân, húy là
Ngọc-Kiều, con gái của một vị hoàng-thân : Lý-phụng-
Quì. Vua Lý-Thánh-Tôn nhận làm con nuôi, sau gả
cho người họ Lê làm Tổng-đốc châu Đăng-châu.

Khi quan Tống-đốc mất, bà thọ-giới với Chân-Không Thuyền-sư và trú-trì ở chùa Hương-Hải làng Phù-dồng. Đó là một vị Ni đầu tiên nhập-đạo của phái Tỳ-Ni Đa-Lưu-Chi.

Trong đời vua Thần-Tôn cũng có nhiều vị Thuyền-sư danh-tiếng như Thông-Biện Thuyền-sư, Bảo-Giám Thuyền-sư, v.v..

THÔNG - BIỆN THUYỀN - SƯ — Họ Ngô, quê ở Đan-phượng (Hà-đông), trú-trì ở chùa Phổ-Minh (huyện Từ-liêm). Lúc nhỏ ngài đã thông-tuệ, kiến-thông cả ba món Nho, Thích, Đạo; sau thọ-giới với Viên-Chiếu Thuyền-sư Khi đắc-đạo rồi, ngài ra ở chùa Quốc-Tụ (Thăng-Long), tự-hiệu là Trí-Không. Một hôm bà Nhân-Hoàng-Thái-hậu hội-yến chư Tăng, giữa tiệc bà hỏi gốc-tích đạo Phật cùng các tôn-phái và lịch-sử Phật-giáo khi mới du-nhập nước ta, ngài tâu lại rất rõ-ràng. Thái-hậu bàng-lòng, phong ngài làm chức Tăng-lục, sau lại triệu vào phong chức Quốc-sư để Thái-hậu tham hỏi lý-nghĩa kinh-diễn đạo Phật. Đến khi già, ngài mới trở về mở-đạo-trường dạy nhiều đệ-tử. Ngài tịch năm Giáp-thìn (1134).

6.— LÝ-ANH-TÔN (1138—1175) —
Thần-Tôn mất, triều-đình tôn Thái-tử Thiên-Tộ lên làm vua, đế-hiệu là Anh-Tôn. Anh-Tôn là đệ tử của

Không - Lộ Thuyền - sư (phái Thảo - Đường) được truyền tâm-pháp, tức là đời thứ tư của phái Thảo-Đường. Ngài sắc nhân-dân phải gọi ngài là Phật.

Những Thuyền-sư có tiếng hồi ấy như Trí-Thuyền, Am-Trí, Bảo-Giám, Viên-Thông, v. v . . .

BẢO - GIÁM THUYỀN - SƯ. — Ngài họ Kiều, húy là Phù, xuất - thân là một nhà Nho đã từng làm quan ở triều, sau thọ - giáo với ngài Trường-lão Thuyền-sư.

VIÊN - THÔNG THUYỀN - SƯ. — Ngài họ Nguyễn, húy là Úc, quê ở Nam Định, trú-trì ở chùa Quốc - An. Ngài xuất-gia từ thuở nhỏ, theo học với Viên-Học Thuyền-sư, đã từng dự hai khoa thi Tăng - đạo đều đậu đầu cả. Năm thứ tư niên - hiệu Đại - Định (1143), ngài được phong làm Quốc-sư. Ngài tịch vào năm Đại - Định thứ 12 (1151), thọ 72 tuổi.

Ngài có trác-tác những bộ sách hiện nay còn lưu-hành :

- 1.— Chư Phật-tích duyên sự (30 chương).
- 2.— Hồng-chung văn bì ký.
- 3.— Tăng-gia tạp-lục (50 chương).
- 4.— Một ngàn bài thơ.

7. — LÝ - CAO - TÔN (1176 — 1210) —
Anh - Tôn mất, Thái - tử Long - Cán nối ngôi, hiệu là Cao - Tôn. Cao - Tôn mới có ba tuổi, ông Tô -

Hiển - Thành làm phụ - chính. Sau Cao - Tôn thọ -
giáo với ngài Trương - Tam - Tạng Thuyền - sư về
phái Thảo - Đường (1).

Cùng học với Cao - Tôn, có một người Quảng -
giáp Ca - Nhi (Quảng - Ca) tên là Nguyên - Thức, sau
cũng được Trương - Tam - Tạng truyền tâm - pháp (2).

Kế đời vua Anh - Tôn và Cao - Tôn, tuy vua
cùng các bà phi, các quan triều (như Thái - úy Tô -
hiển - Thành, Thái - bảo Ngô - hòa - Nghĩa) đều sùng -
mộ đạo Phật, nhưng về sự phát - triển không có gì đặc -
sắc đáng kể, tuy triều vua Anh - Tôn (1169) có sắc mở -
khoa thi tam - giáo để kén người vào làm việc quan.

8.— LÝ - HUỆ - TÔN (1211—1225)—
Thái - tử Sam nối ngôi Cao - Tôn, tức là Huệ - Tôn.

Lúc này nhà Lý đã suy lâm, trong triều thì nội -
loạn, ngoài nhân - dân cũng không được yên - ổn, vua cũng
long - dong. Bởi thế, Phật - giáo cũng chỉ là bảo - thủ.

Năm Kiến - Gia thứ 14 (1224), vua Huệ - Tôn
chán đời Hoàng - đế, liền truyền ngôi cho con gái là
công - chúa Phật - Kim tức Lý - Chiêu - Hoàng, rồi xuất - gia
ở chùa Chân - Giáo, tư xưng là Huệ - Quang Đại - sư.

Sau Lý - Chiêu - Hoàng truyền ngôi cho chồng
là Trần - Cảnh. Thế là hết đời nhà Lý

(1) (2) — Xem bản - đồ 1

Xét ra Phật-giáo nước ta thì đời nhà Lý là thạnh nhất. Trong 215 năm trời, trải 8 đời vua, vua nào cũng sùng-tín đạo Phật. Xưa nay, một đạo, một tôn-giáo hay một học-thuật nào, bao giờ cũng phải dựa theo khuynh-hướng của chính-trị, nên Phật-giáo thạnh về đời này là phải.

Trong hơn 200 năm, Phật-giáo giữ địa-vị độc-tôn, trong nước đã có bao nhiêu sự mới lạ. Trong sách «Danh-triết-lục» của Trần-ký-Đằng có chép : «Trước đời Lý-nhân-Tôn chưa có khoa-cử, nhưng kẻ thông-minh nhanh-nhẹn đều phải do phái Thíchđạo lựa-chọn và cất-nhắc cho....». Như vậy đủ biết văn-hóa, học-thuật và chính-trị thời ấy hầu hết đều ở trong tay các nhà tu-hành. Bởi vì những nhà mô-phạm bấy giờ toàn là các vị Tăng-si, Thuyền-sư. Ngay như các vị Hoàng-đế, phần nhiều cũng là họ-giới ở nơi các bậc cao-tăng cả.

Lại thấy đời ấy có bao nhiêu vị Thuyền-sư, khi đắc-đạo rồi là về mở đạo-tràng để dạy có hàng nghìn đệ-tử, đủ biết nhân-dân sī-thúr đời này đều qui-hướng về một Phật-đạo.

Nhưng cuối đời nhà Lý thì Phật-giáo như phải bị đình-đốn, các nhân-tài trong các phái hầu đã kém-sút nhiều.

Chương năm

PHẬT-GIÁO ĐỜI NHÀ TRẦN (1225—1400).

I.—TRẦN-THÁI-TÔN (1225—1258). Lý-Chiêu-Thánh Hoàng-đế truyền ngôi cho chồng là Trần-Cảnh, tức là Trần-Thái-Tôn. Trần-Thái-Tôn lên ngôi vua mới có 8 tuổi, việc hành-chính trong nước đều do tay Thái-sư Trần-Thủ-Độ thu-xếp.

Trong sách « Đại-Nam thực-lục chính-biên » có chép : « Năm Kiến-Trung thứ 7 (1231), vua Thái-Tôn sắc cho nhân-gian phải vẽ hình Phật ở khắp các nơi công-quán và các nơi công-chung hôi-hop ». Sách lại chép thêm : « Vua Thái-Tôn lúc nhỏ đi xem đám rước thần, có gặp một vị Tăng nói sau ngài sẽ làm vua, rồi vị Tăng ấy biến mất, nên ngài mới có lời sắc ấy »

(Lời trước, chủ ãy có vẽ huyền - hồ lầm. Vâ¹
Thai Tôn bấy giờ mới có 14 tuổi, việc triều - chính
đều ở tay Thủ-Đô định - doat cả, vậy có thể nói đó
là sự hành-dông của Trần-Thú-Đô. Nhưng làm thế
để làm gì? Hoặc già là một «cac'h» làm chính-trị
chỉ dó mà ta chưa rõ chăng? Vì Thủ-Đô là một tay
xảo-quyết trong nghề chính-trị, có lẽ nào triều-chánh
thật tâm truyền - ba đao Phật hoắc vua nhớ ơn
Phật (?) Hoặc già vì Thái-sư Trần-Thú-Đô thường
làm những việc trái dao-ly, như bức-lứ vua Lý-Huệ-
Tôn ở chùa Chân-Giao và kết - duyên với người chi
ho, nguyên là vợ vua Lý-Huệ-Tôn. Mà trong triều
bấy giờ vẫn còn các vĩ Tăng-thống, Pháp-sư, bên
ngoài thiêng-ha còn sùng-tín đạo Phật, nên Thủ-Đô
làm ra thế để che mắt thiêng-ha chăng?

Nếu đúng như lời ấy, thì do đó ta có thể tin
rằng cuối đời Lý, đạo Phật tuy không phát - triển
mạnh, nhưng đến đâu đời nhà Trần vẫn còn quyền-
thế, dân-gian còn theo đuổi mạnh-mẽ).

Năm Đinh-dậu (1237), nhân bị Trần-thủ-Đô ép
làm việc thương luân, vua Thái-Tôn chán-nãm cảnh
đòi, liền bỏ vào chùa Phù-Vân núi Yên-Tử (1) yết-
kiến Phù-Vân Quốc-sư, xin ở lại tu-hành. Biết tin
ấy, Trần-thủ-Đô liền đem quân-thần đến rước Thái-
Tôn về. Thái-Tôn không chịu về, nói rằng:

— « Trần còn nhỏ dại, không kham nổi việc

(1)— Ở huyện Yên-hưng tỉnh Quảng-yèn bây giờ.

to lớn, các quan nên chọn người khác để cho khỏi nhục xâ-tắc »

Thủ-Độ khuyên mãi không được, liền bảo các quan rằng :

— Hoàng-thượng ở đâu thì triều-chính ở đó.

Nói đoạn truyền sắp-sửa xây cung-diện ở chùa Phù-Vân. Thấy thế, Quốc-sư liền đến mời xin Thái-Tôn về và tâu :

— « Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm, nếu Thánh-thượng hiểu được tâm thì đứng đâu là Phật ở đấy ».

Thái-Tôn bất đắc dĩ phải truyền xa-giá về kinh. Nhưng cũng vì câu nói của Phù-Vân Quốc-sư mà Thái-Tôn hiểu rõ đạo Phật! Ngài khuyến khích trăm quan theo gương ngài; nên ngài có lập viện Tả-nhai cho các vị Vương-hầu ra đó học-tập đạo Thuyền.

Bởi thế, Thái-Tôn hiểu đạo Phật rất sâu xa. Ngài có làm hai bộ sách trong thời-kỳ này, cuốn « Thuyền-tôn chỉ nam » và cuốn « Khóa hú ». Đó là hai cuốn sách bàn-giải về đạo Phật rất có giá-trị, có thể gọi là hai bảo-vật trong rừng Thuyền về nền Phật-giáo nước ta. Sách « Thuyền-tôn chỉ nam » giải bày đạo-lý tu Thuyền; sách « Khóa hú » nói rõ cái khổ sanh, lão, bệnh, tử của đời và phá-tan các tánh

cố-chấp, thành-kiến của thế-gian, viết bằng lời khuyên lè. Hai sách đều còn lưu-truyền ngày nay.

Ngài là người hiểu rõ đạo Phật một cách thấu-dáo, nên ngài luận đúng được nguyên-lý của đạo Phật.

Dưới đây là bài thơ của ngài tặng cho vị sư ở chùa Thanh-Phong :

Phong đả tùng quan nguyệt chiếu đình,
Tâm đầu cảnh sắc cộng thê thanh.
Cá trung tư vị vô nhân thức,
Đương dự sơn tăng lạc cộng minh.

風打松開月照庭，
心頭境色共淒清。
箇中滋味無人識，
當與山僧樂共明。

Dịch: Gió đập hiên tùng nguyệt dọi sân,
Tình này cảnh ấy luồng bâng-khuâng.
Mùi thuyền trong đó nào ai biết,
Thức suốt đêm trường vui với Tăng.

Ngài thường vời các cao-tăng vào cung để bàn-luận về Phật-pháp.

Năm Thiên-Ứng Chánh-bình thứ 16 (1247), triều-đình mở khoa thi tam-giáo. Hai năm sau sắc trùng-tu chùa Chân-Giáo. Năm Nguyên-Phong thứ 6 (1256) sắc đúc 330 quả chuông treo ở các chùa.

Đến năm Đinh-ty (1257), Thái-Tôn tạm dẹp việc kinh-diễn để ngự-giá đi đánh quân Mông-cổ. Nguyên bấy giờ nhà Tống bên Tàu bị quân Mông-cổ lấy, lập ra nhà Nguyên. Vì sự xích-mích giữa nhà Trần và nhà Nguyên, quân Mông-cổ liền kéo sang nước ta. Thái-Tôn đi đánh bị thua, bỏ kinh-đô chạy về Thiên-mục (Hưng-yên). Được ít lâu, Thái-Tôn trở lại đuổi được quân địch, lấy lại kinh-đô.

Năm sau, Thái-Tôn nhường ngôi cho con là Thái-tử Trần-Quán, tức Thánh-Tôn, để dạy cách trị dân. Triều-dình tôn ngài lên làm Thái-thượng-hoàng để cùng coi việc nước. Thượng-hoàng ngự ở cung Thiên-trường.

Năm Thiệu-Long thứ 5 (1262), Thượng-hoàng sắc dựng chùa Phổ-Ninh ở phía tây điện Thiên-trường.

Năm thứ 12 niên-hiệu ấy (1269), hoàng-thân Quốc-Khương (anh ruột vua Thánh-Tôn) lập một sở tịnh-xá rất lớn ở Diên-Châu (Nghệ-an), để công-chúng đến lê Phật và nghe thuyết-pháp.

Năm Bảo-Phù thứ 5 (1277), Thái-thượng-hoàng băng, thọ 60 tuổi.

II.—TRẦN-THÁNH-TÔN (1258—1278)
Vua Thánh-Tôn cũng sùng-tín đạo Phật, nhưng có phần mờ-mang về Nho-học hơn. Ngài cho hoàng-

đệ là Trần-Ích-Tắc mở học - đường để những sĩ-tú học-tập. Thời này Nho-học thịnh-hành, nhưng bên Nho cũng không hại cho bên Thích. Ngoài nhân-gian các cao-tăng vẫn tiếp-tục mở đạo - đường để giảng-dạy đệ-tử.

III.— TRẦN-NHÂN-TÔN — Năm Mậu-dần (1278), Thánh-Tôn lên ngôi Thái-thượng-hoàng, nhường ngôi cho con là Thái-tử Khâm, tức Trần-Nhân-Tôn. Nhân-Tôn là một vị vua sùng-mộ đạo Phật từ thuở nhỏ. Năm 16 tuổi được lập làm Hoàng-thái-tử, ngài cố nhường lại cho em, nhưng vua cha không chịu. Một hôm ngài trèo thành trốn đi, định vào núi Yên-tử tìm một vị Thuyền-sư. Nhưng đến chùa Đông-Cứu (?) thì trời vừa sáng, trong mình mệt quá, mới vào nằm nghỉ trong tháp chùa. Nhà sư trú-trì ở đó thấy ngài tướng-mạo khác thường, liền làm cơm thết-đại. Vua cha được tin, sai các quan đi tìm thấy, ngài miễn-cưỡng phải về. Đến khi lên ngôi Thiên-tử, ngài vẫn giữ mình thanh-tịnh để tu-tập phép Thuyền. Thường đêm ngài nghỉ ở chùa Tư-Phúc. Ngài tham-học với Tuệ-Trung Thượng-sĩ (1), nên ngài hiểu thấu đạo Thuyền.

Nhưng trong khi ấy giặc Nguyên quấy-rối, ngài

(1) — Một vị chơn-tu có tiếu-sứ ở dưới, lúc đê-tử của Tiêu-Giao (học-trò Ưng-Vuong phai Vô-Ngón-Thong).

phải xếp việc kinh-kệ để lo gìn-giữ xă-tắc. Bấy giờ giặc Nguyên là Thoát-Hoan, Ô-mã-Nhi hai lần sang quấy-rối. Nhưng vua được những đại - tướng như Hưng-đạo-vương Quốc-Tuấn, Trần-quốc-Toản, Trần-nhật-Duật, Trần-bình-Trọng, Trần-khánh-Dư, v.v... giúp, nên chẳng bao lâu trong nước lại thái-bình.

Nước loạn thì ngài ra trị loạn, nước yên thì ngài lại về nghiên-cứu kinh-diển nhà Phật.

Năm Quý-ty (1293), Nhân-Tôn truyền ngôi cho con là Anh-Tôn và lên làm Thái-thượng-hoàng. Dạy con được ít năm, năm Kỷ - hợi (1299), ngài vào tu ở núi Yên-tử, lấy tự-hiệu là « Hương - Vân Đại-đầu-dà », lập trường giảng-pháp độ Tăng, môn đồ lần - lượt tìm đến trước sau kể có hàng vạn. Ngài lại đi khắp các nơi, súc dân-gian hủy-phá các đám-tử và thuyết - pháp khuyên dân làm mười điều thiện. Tiếng là trú-trì ở núi Yên-tử mà ngài thường đi khắp nhân-gian lập đàn giảng đạo. Đi theo ngài chí có 10 người đệ - tử thân - tín Trong số ấy có Pháp - Loa Thuyền-sư là thàn-cận hơn cả. Thuyền-sư thường bạch ngài rằng: « Tôn-đức bây giờ xuân thu đã cao, mà cứ xòng-phía mưa tuyết, vất-vả cực-khổ như vậy, lỡ khi nóng lạnh bất kỳ, thì mạng mạch Phật pháp trông cậy vào đâu ? »

Ngài liền dạy rằng :

— Thời-tiết sắp đến nơi rồi, ta chỉ còn đợi, ngày giải-thoát nữa thôi.

Được 10 ngày, ngài về thăm bệnh bà chị là Thiên - Thụy Công - chúa. Khi trở về núi, đi được nửa đường, ngài bảo mấy người đồ-đệ rằng:

— Ta muốn lên am Ngọa - Vân (1) mà sức chân yếu quá.

Đệ-tử bạch:

— Đệ-tử chúng tôi xin phò Tôn-đức đi.

Ngài liền để cho đệ-tử dìu lên. Khi đến am Ngọa-Vân, ngài gọi Pháp-Loa Thuyền-sư đến, cười mà bảo rằng:

— Ta sắp đi đây.

Pháp-Loa Thuyền-sư bạch:

Tôn-đức đi đâu bây giờ?

Ngài liền đọc bài kệ:

Nhứt thế pháp bất sanh,	一 切 法 不 生
Nhứt thế pháp bất diệt;	一 切 法 不 滅
Nhược năng như thị giải,	若 能 如 是 解
Chư Phật thường hiện tiền,	諸 佛 常 現 前
Hà khứ lai chi hưu.	何 去 來 之 有

Đại-khai nói: « Hết thấy các pháp trong thế-

(1) — Chỗ trú cuối cung của Nhàn-Tôn. Ở đây, ngài tự xưng Truc-Lám cư-sĩ và lập ra phái Trúc-Làm.

gian vốn không sanh, diệt. Nếu hiểu được như vậy, thì Phật thường hiện ở trước mắt, chẳng có đi đâu mà cũng chẳng có lại đâu cả ».

Nói vậy rồi, ngài dặn Pháp-Loa Thuyền - sư hết mọi việc về sự truyền-bá Phật-pháp; ngài ngồi chắp tay mà hóa. Pháp-Loa Thuyền-sư liền làm lễ rồi rước ngài lên hỏa-dàn. Vua Anh-Tôn cùng đình-thần đem long-giá rước ngọc-cốt về an-thổ ở Đức-lăng và xây tháp ở chùa Vân-Yên núi Yên-tử, lấy tên là « Huệ-Quang kim tháp » và dâng tôn-hiệu là: « ĐẠI-THÁNH TRẦN TRIỀU TRÚC-LÂM ĐÀU-ĐÀ TỈNH-TUỆ GIÁC-HOÀNG ĐIỀU-NGỤ TỔ PHẬT ».

Xét Thuyền-tôn ở ta — nói ở Bắc thì đúng hơn — còn lưu-truyền đến nay là nhờ ở phái Yên-tử. Phái Yên-tử được phát-đạt là do Trúc-Lâm tam tổ đứng đầu, mà Trần-Nhân-Tôn chính là đê-nhứt tổ vậy. Ngài tịch vào năm Long-Hưng thứ 16 (1308), thọ 51 tuổi.

Khi vua Nhân-Tôn vào núi Yên-tử thì Khâm-từ Hoàng-hậu cũng xuất-gia làm Ni.

TUỆ-TRUNG THƯỢNG-SĨ — Ngài húy là Quốc-Toản, con trai của Hưng-Đạo Đại-vương Trần-quốc-Tuấn, được phong làm Hưng-nhượng-vương. Giác Nguyên hai lần sang xâm-chiếm

nước ta, ngài đi theo Hưng-Đạo-vương lập được
nhiều chiến - công, làm đến chức Tiết - đô - sứ trại
Thái - bình.

Ngài chí-khí cao-siêu, dung-thần thanh-nhã, lúc
nhỏ đã có lòng mộ đạo, nhàn đến thăm Tiêu-Giáo
Thuyền-sư (1), nghe giảng-thuyết mà tinh-ngộ, ngài
liền tuyệt-ý công-danh, chuyên-tâm học đạo, từ-chức
lui về phong-ấp là Vạn - niên - hương. Khi ngộ-đạo,
ngài thường lập đàn giảng-pháp.

Ngài tuy chức cao quyền lớn, mà đối-đãi với
dân-chúng rất giản-dị, nên mỗi khi đăng-dàn thì môn-
đồ thiện-tín đến dự-thính rất đông.

Nhơn một hôm người môn-dệ hỏi ngài về lẽ
sống chết, ngài đáp bằng hai câu kệ rằng:

Trường không túng sử song phi cốc,
Cự hải hà phòng nhứt điểm âu.

長空縱使雙飛駛，
巨海何妨一點漚。

Dịch: Ngại gì bọt nước sôi ngoài bể,
Phóng có vành xe liệng giữa trời.

Vua Thánh - Tôn rất kính-trọng ngài, tứ hiệu
ngài là « Tuệ - Trung Thượng - sĩ » và ký-thác vua

(1) — Đề-lử của Úng-Vương, cuối phai Vô-Ngôn-
Thông (xem bản-dò phai Vô-Ngôn-Thông va bản-
dò phai Truc-Lam Yen tử)

Nhân-Tôn cho ngài. Ngài hết lòng dạy bảo Nhân-Tôn về phần đạo-lý. Khi trong nước có giặc ngài lui lấy vũ-công mà giúp Nhân-Tôn.

Một hôm Khàm-tử Hoàng-hậu (em gái ngài) thiết tiệc lớn đài ngài. Trong tiệc dọn đủ đồ chay đồ mặn, ngài dùng cả các món thịt cá. Hoàng-hậu lấy làm lạ hỏi rằng:

— Anh đã tu mà lại ăn cả thịt cá sao thành Phật được?

Ngài cười:

— Phật là Phật, anh là anh. Anh chẳng cần làm ra Phật, cũng như Phật chẳng cần làm ra anh. Hoàng-hậu chẳng nghe Cồ-đức nói: « Văn-Thù là Văn-Thù mà giải-thoát là giải-thoát » đó ư?

Xem vậy thấy đạo Phật trong tư-tưởng ngài thật phiêu-dật phóng-khoáng không câu-nệ, cỗ-chấp điều gì. (*Chỗ này rất nên chú ý: đừng nên lầm sự vò-ngại của các ngài đã giải-thoát (làm mà không trú tâm tham trước) với những hanh-vi phóng-tung hường-lung mà nguy-biên là giải-thoát. Đối với người tu-hành bao giờ cũng phải lày thanh-tịnh tri-qioi làm gốc*)

Khi giàn hóa ngài khiến người nhà kê ghế giữa căn nhà trống, ngồi tựa vào ghế mà tịch. Các nàng hầu khóc lên, ngài liền mở mắt ra quở rằng.

— Sanh tử là le thương, có gì đáng thương

xót mà làm nhiều tâm-hồn ta như thế?

Các nàng hầu phải im khóc; ngài lại nhắm mắt mà tịch. Ngài thọ 62 tuổi.

Vua Nhân-Tôn nhớ ơn ngài dạy-dỗ, liền sai thợ vẽ chơn-dung để thờ và lấy đạo của ngài truyền cho mà tuyên-dương, lập nên phái Trúc-Lâm.

PHÁP-LOA TÔN-SƯ.— Ngài họ Đồng, người làng Cửu-la, phủ Nam-sách (nay là làng Tiên-trung, tổng Vũ-la, Hải-dương) mẹ là Vũ-thị. Nguyên mẩy lần trước, bà mẹ mẩy lần sanh con gái đến chán-năn không muốn sanh con nữa, bèn uống thuốc phá thai hai lần mà không công-hiệu. Đến khi sanh ra ngài thì mừng lắm, đặt tên là Kiên-Cương (cứng-chắc). Ngài thiên-tư đĩnh-ngộ; năm 21 tuổi gặp ngài Điều-ngự (vua Nhân-Tôn) khen là có pháp-nhân, liền thâu làm đệ-tử, đưa về núi cho học đạo..

Ngài ngộ đạo rất sớm, kinh-diễn đều tinh-thông; ít lâu đã được ngài Điều-ngự truyền giới-pháp cho và đặt hiệu là Pháp-Loa. Khi ngài Điều-ngự trú ở Báo-an, huyện Siêu-loại thì lập ngài làm giảng-sư. Lúc ấy ngài Huyền-Quang (1) mới xuất-gia có tới chùa nghe giảng; ngài Điều-ngự trông thấy thâu làm đệ-tử rồi giao cho ngài trông-nom dạy-bảo.

(1) — Đệ-tam tổ Trúc-Lâm Bản-đô E.

Năm 25 tuổi, ngài phụng-mệnh làm lễ khai -
giảng ở chùa Siêu-loại, có vua và đình-thần đến dự
lễ; ngài Điều-nghệ lên đàn thuyết-pháp rồi nhường
chỗ cho ngài giảng-đạo. Lễ xong, ngài Điều-nghệ đặt
cho ngài kế-thế trú-trì ở chùa Siêu-Loại làm chủ
sơn-môn Yên-tử và đem kinh-diển hơn 200 bộ giao-
phó cho ngài.

Ngài có phung-sắc truyền-giới xuất-gia cho
Tuyên-Tử Hoàng-Thái-hậu và Thiên-trinh-Trưởng
Công-chúa.

Ngài phung-chiếu định-chức các Tăng-đồ trong
nhân-dân, từ đó Tăng-chúng mới có sổ-sách rõ-ràng,
đều do ngài quản-lanh cả. Trong một đời ngài, đúc
1.300 tượng Phật, dựng 2 đài giảng - đạo, tháp 5
ngôi, tăng - đường 200 sở. Ngài độ cho Tăng Ni
hơn 15.000 đệ-tử, đắc-pháp đến 3.000 người.
Ngài có soạn cuốn « Đoạn sách lục » và « Tham-
thuyền yếu-chỉ » nay còn lưu-truyền.

Lúc gần tịch, ngài đem pháp-bảo của ngài
Điều-nghệ truyền cho, truyền lại cho ngài Huyền-
Quang, rồi đọc bài kệ cho các đệ-tử rằng:

Trần-duyên rủ sạch từ xưa, (1)
Bốn mươi năm lẻ bảy giờ là tiên.
Hỏi chi thêm bận thêm phiền,

(1) — Lúc này đã có ông Hán-Thuyền xương
thuyết làm thơ nôm.

Trăng thanh gió mát là miền tiêu-giao
Dặn-dò đê-tử xong đâu đó thì ngài tịch
Thọ 47 tuổi.

Ngài là tổ thứ hai của phái Trúc-Lâm.

HUYỀN-QUANG TÔN-SƯ.— Ngài họ Lý, người làng Vạn-tải (thuộc tỉnh Bắc-giang bấy giờ), cha là Tuệ-Tổ có công đánh Chiêm-Thành nhưng không chịu ra làm quan Ngài hình-dung kỳ dị nhưng bẩm-tánh thông-minh, hai mươi tuổi đỗ Trạng-Nguyên (bấy giờ Nho-học đã thịnh, nên có nhiều khoa thi tam-khôi)

Trước khi thi đỗ, mẹ ngài có định hôn cho nhưng trắc-trở mãi. Đến khi thi đỗ, thì các nhà phú-quý tranh nhau gọi gả con gái cho, vua cũng gọi gả Công-chúa, nhưng ngài đều từ-chối. Cảm về nho-n-tình thế-thái, ngài có khẩu-chiếm hai câu thơ rằng :

Khó-khăn thì chẳng ai nhìn,
Đến khi đỗ trạng tám nghìn nho-n-duyên.

Từ đó ngài có ý chán đời mà phát-tâm tu-đạo, tuy được bỏ ra làm quan ở viện Hàn-lâm và đi sứ Tàu Một hôm ngài được đi theo vua Anh-Tôn nghe Pháp-Loa Tôn-sư thuyết-pháp, ngài liền giác-ngộ Ngài dâng biểu xin từ-chức rồi xuất-gia tho-giáo với ngài Pháp-Loa. Ngài thường cùng

ngài Điều-ngự và ngài Pháp-Loa đi du-lịch và thuyết-pháp khắp dân-gian. Ngài có phụng-mệnh soạn ra sách «Chư phẩm kinh» và «Công-văn tập».

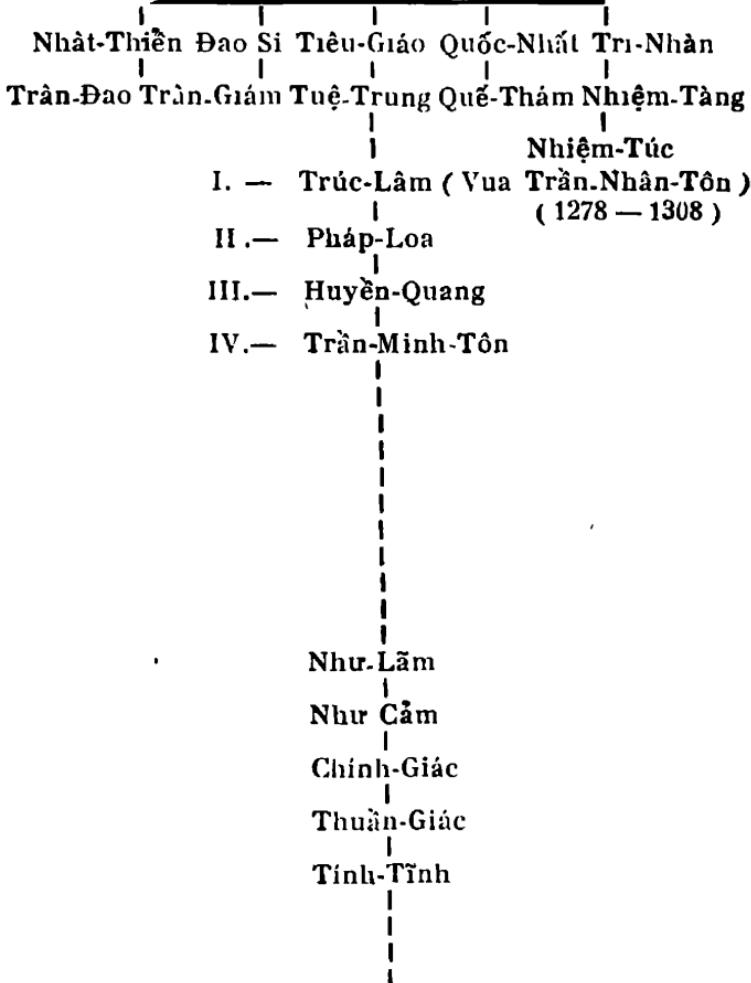
Sau khi được ngài Pháp-Loa truyền tâm-ấn, ngài trú-trì ở chùa Văn-Yên núi Yên-tử, Tăng Ni theo học kể đến hàng nghìn. Rồi ngài về cổ-hương thăm phần-mộ, lập chùa, in kinh, mở pháp-hội bồ-thí cho kẻ nghèo, làm rất nhiều việc công-đức. Năm 60 tuổi có xảy ra một việc : vua Anh-Tôn sai thị-Bích đến thử ngài. Nhưng sau khi thị-Bích đã dùng phương-pháp man-trá quỉ quyết mà lừa ngài và lấy được vật tin (1) đem về tâu man với vua là người đã cám dỗ được ngài, khi ấy vua Anh-Tôn có ý hối-hận than rằng : «Việc ấy nếu có thật, thì là tự

(1) — Nguyên gần lúc đó, vua có bàn cho ngài môt nén vàng. Đến khi vua và quan muốn thử ngài co phải là người đã hết ái-duc chua, bèn sai thi-Bích đến chùa xin ở tu, thấy ngài giới-hanh tinh-nghiêm, không thể dở thói phong-tinh ấy được, người bèn nghĩ ra một kế, khóc-lóc bão với các Tăng Ni. mình vốn là con nhà thế-phicket, cha làm tri-huyên, thâu thuế đem nộp Bô, không may giữa đường bị cướp. Bô Hô thương tình cho khất đến cuối năm, nếu không nộp đủ sẽ phải trọng tội. Vì thế thi phải thu góp tu-trang và xin khắp thập-phương các nhà từ-thiện giúp đỡ. Khi ngài nghe Tăng Ni bạch lai nỗi khổ-tâm của thi, ngài muốn về triều để xin tha tội, nhưng có vị Tăng can rằng phap-luat triều-dinh là việc công, Tôn-sư không nên làm như vậy . . . Khi ấy ngài liền đem nén vàng cho Bích.

BẢN-ĐỒ E (1)

Phái Trúc-Lâm ở Yên-tử (XIII^e S^e)

ỨNG - VƯƠNG



(1) — *Esquisse d'une histoire du Bouddhisme au Tonkin —*
Trần-văn-Giáp.

ta vô cỗ đặt lưoi để lừa chim. Mà nếu không, thì người không khỏi bị mang tiếng oan. Thật là tội lớn của ta» Vua liền truyền mở hội Vô-già mời Quốc-sư về làm lễ

Trong khi hành-lễ có hiện nhiều phép lạ điềm lành, ai nấy đều thắt kinh, tin rằng đạo-hạnh ngài đã cao không đến nỗi bị thị-Bích cảm-dỗ. Vua liền đứng dậy tạ lỗi với ngài và bắt thị-Bích hạ ngục.

Sau khi ngài tịch, vua ban tự-hiệu là:
« TRÚC-LÂM ĐỆ-TAM ĐẠI TỰ-PHÁP
HUYỀN-QUANG TÔN-GIÁ ».

Vì ngài chính là tổ thứ ba phái Trúc-Lâm vậy.

Ba vị Tổ Trúc-Lâm trên đây ta có thể gọi là những bậc Giáo-hoàng về thời ấy. Vì ngoài sự tu-hành đắc-đạo, thuyết-pháp độ-sanh, các ngài lại còn được đặt quyền cầm sổ tăng-tịch trong nước, thống-lanh hết thảy Tăng-đồ. Thật là một cách thống-nhứt Phật-giáo rất hay, tiếc rằng không biết sao, sau ngài Huyền-Quang thì như là không còn người nối nghiệp nữa

IV — TRẦN-ANH-TÔN (1293 - 1314) —
Ngài là Thái-tử nối ngôi vua Nhàn-Tôn, học-trò Pháp-Loa Tôn-sư, ngài thường đến diễn đàn nghe Tôn-sư thuyết-pháp, nên hiểu được Phật-pháp rất chánh-đáng.

Niên-hiệu Hưng-Long năm thứ bảy (1299),
nhơn Thái-thượng-hoàng (Nhơn-Tôn) xuất-gia, vua
sắc ban cấp kinh Phật cho khắp nhân-dân trong nước.
Nguyên năm trước, sau khi đã thông-hiểu với nhà
Nguyên xong, Thượng - hoàng sai sứ Trần - khắc-
Dụng đi sứ Tàu thỉnh được Đại-tạng-kinh về để
ở cung Thiên - trường để khắc, in làm nhiều bản
ban-bổ cho nhân-gian; lại ấn-hành cuốn sách «Phật-
giáo Pháp-sư đạo - tràng công - văn cách - thức» ban
cho dân.

Niên-hiệu Hưng-Long năm thứ 21 (1303),
Thái-thượng-hoàng Nhơn-Tôn ngự ở Chiêm-Thành
về, vua Anh-Tôn thiết một đàn-tràng lớn gọi là:
«Vô-lượng Phật-pháp» ở chùa Phổ-Minh hành-lễ
và phát-chẩn cho dân nghèo, v.v....

&

Kế Phật-giáo đời nhà Trần cũng nằm về thời-
ky rất thịnh. Nhưng đến đời vua Trần-Anh-Tôn
hình như đã pha-lãm đạo-giáo vô nhiều. Sự pha-lãm
ấy có lẽ bắt đầu từ đời Lý (*Xem chuyện Vạn-Hạnh*
Thuyền-sư đời Lý-Thái-Tổ, Tử-Đạo-Hạnh đời Lý-
Nhơn-Tôn), nhưng đến đây càng rõ-rệt hơn, và từ
đây — Anh-Tôn — đến cuối đời Trần, qua đời Hồ
rồi đến thuộc Minh — nhất là thuộc Minh — Lạc-

Ma-giáo lại truyền vào làm cho sư pha-lãm ấy trở nên một hại lớn sau này.

Trong sử có chép. Một khi vua Anh-Tôn đau nặng, Bảo-Tù Hoàng-hậu có mời các Tăng-si đến cúng-cấp và để xem lê sanh tử, nhưng Anh-Tôn gạt đi mà phán : « Tăng-si đã chết đâu mà biết được sư chết »

Vua Anh-Tôn là đệ-tử của Pháp-Loa Tôn-sư, vốn thường đến dien-dàn nghe Tôn-sư thuyết-pháp, nên ngài hiểu đạo Phật một cách sáng-suốt

Tiếc thay vua Anh-Tôn đã thông-minh, biết ngời-vực đạo Phật khi đã bị pha-lãm các tàđạo khác, mà ngài không biết cách ngăn-ngừa để lọc lấy phần đạo Phật thuần-túy.

Vẫn biết trong sư tu-hành, tinh-thần chuyên-nhất thì tâm-quang phát-hiên, tâm thanh-tịnh thì diệu-dung vô cùng. Nhưng dù thần-thông diệu-dung, người tu-hành nên coi đó là một « phuơng-tiên », chó không nên nhận làm sư thật. Nếu nhận làm sư thật mà đem dùng thường thì tiở thành huyền-thuật. Ông đời người biết thì ít, người không biết thì nhiều ; sư sai lầm và mất giá-tri tư đó.

Sự cúng-cấp phù-chú ở nước ta, ngoài đạo-giáo ra, đạo Phật còn bị pha-lãm vào nhiều thứ tàđạo khác, có lẽ từ Tàu truyền sang.

Sứ Tàu có chép : « Trước khi Hốt-Tất-Liệt (tức vua Thổ-Tổ nhà Nguyên (1279—1367) tức vua Mông-Cổ cướp thiên-hạ của nhà Tống, thống-nhất nước Tàu) phụng-mệnh vua Hiển-Tôn qua đánh Tây-Tạng. Khi về, Hốt-Tất-Liệt có đem theo một vị tăng Lạc-Ma-giáo là « Phát-tư-Ba » về. Từ đó Lạc-Ma-giáo bắt đầu lưu-hành ở Mông-Cổ, Mãn-Châu rồi truyền-bá rộng ra.

Yếu-nghĩa của Lạc-Ma-giáo là dùng sức « bí-mật thần-chú, cầu túc thân thành Phật », cũng là một bộ-phận trong Phật-giáo, nhưng chú-trọng về ẩn-chú nhiều. Cũng vì sự quá thiên-trọng ấy, dần dần về sau người ta làm sai nhiều, đến trớ-nên một phái đầy hình-thức mê-tín. Mà yếu-diểm sai-lầm ấy có lẽ ở chỗ lòng người hay theo bướng, hiếu-kỳ và chỉ làm mà không hiểu.

Khi Hốt-Tất-Liệt lên ngôi vua, liền lấy Lạc-Ma-giáo làm quốc-giáo, tôn Phát-tư-Ba làm quốc-sư, giám-đốc Phật-giáo trong thiên-hạ. Phát-tư-Ba tiếng-tăm lừng-lẫy đến nỗi Hốt-Tất-Liệt phải ban hiệu là : HOÀNG-THIÊN CHI HẠ, NHẤT NHƠN CHI THƯỢNG, TUYÊN VĂN PHỤ CHÁNH, ĐẠI-THÁNH CHÍ ĐỨC, PHỔ-GIÁC CHÂN TRI, HỮU QUỐC NHƯ Ý, ĐẠI-BẢO PHÁP-VƯƠNG, TÂY-PHUƠNG

PHẬT-TỬ, ĐẠI-NGUYÊN ĐẾ SƯ.

(Bấy giờ Phật-giáo ở Tàu rất đồi-bại, mà Lạc-Ma-giáo truyền vào ít lâu, dân-gian đua nhau mê-tín thành ra lại càng tệ-hại hơn) (1).

Thời ấy ngang với nước ta là đời vua Trần-Thánh-Tôn, Trần-Nhân-Tôn

Một đạo-giáo đã ảnh-hưởng rộng ở Tàu như vậy, rồi Tàu với ta khi hòa khi chiến khôi sao ngăn lấp được sự truyền-bá sang dân ta. Ngoài Lạc-Ma-giáo lại còn những thô-giáo của Tây-Tạng đồng-thời truyền vào Trung-quốc, lọc một lần nữa thành ra những đạo-giáo mạt lưu rồi lại sang ta, dân ta rước lấy. Ấy thế là đạo Phật đến ngày bắc-hạn. Trong lịch-sử Phật-giáo Việt-Nam có thể gọi thời này là «Thời - đại Phật-giáo lạc đạo gốc».

Trong sách Quốc-trieu chính-biên lại có chép : «Niên-hiệu Hưng-Long thứ 19 (1311), vua Anh-Tôn nạp người con gái của vị Tăng lạ tên là Dụ-Chi ba-lam vào cung. Vị Tăng lạ ấy trước thường qua lại ở Triều vua Nhân-Tôn, có phép tịch-cốc và đi trên mặt nước, qua ở nước ta vài năm rồi về xứ. Năm ấy lại qua với người con gái được nạp vào cung thì vị Tăng ấy ở lại và mất ở trong thành».

(1) — Trung-quốc Phâl-giáo tiểu sử.

Có lẽ đó là một người xứ Tây-Tạng, một nước thô-sản của các phù-chú-giáo (tantrisme). Vậy hai năm vị Tăng ấy ở triều vua Nhân-Tôn, rồi triều vua Anh-Tôn lại ở hẵn, trong thời-gian ấy tránh sao được sự truyền-bá đạo-giáo. Tóm lại : Phật-giáo ở Việt-Nam ta về cuối đời Trần, Tăng-chúng đã công-nhiên mời các giáo-chủ của các tà-giáo và các tạp-thần vào ngôi chung với Phật Thích-Ca trong các chùa. Đạo Phật cứ lui dần để nhường chỗ cho đạo-giáo, như vậy thì sao tránh khỏi sự hiểu-lầm để Trương-hán-Siêu, Nguyễn-tung-Ngạn ở đời sau này ra mặt bài-kích Phật-giáo ?

Nối vua Anh-Tôn là Minh-Tôn (1), từ đời Minh-Tôn tiở đi, nhà Trần đã bắt đầu suy, nhân-dân đã lại bị giặc ngoài đánh cướp mà trong nhà vua thì lục-đục, các quan triều đã chia bè-dảng, trong họ hâm-hại nhau.

Rồi đến Hiển-Tôn, Dụ-Tôn, Nghệ-Tôn, đời nào cũng không yên, quân-thần thì gian-nịnh, vua thì nhu-nhược lại cứ hay bắt-chước ông cha nhường ngôi cho con — nhường người con trên dưới 10 tuổi — để lên làm Thái-thượng-hoàng.

Vận nước đã suy như vậy, nên các nước ngoài dòm-dò Hết Ai-Lao đến Chiêm-Thành, rồi lại nhà

(1) — Xem bản đồ E.

Mình nhất - thống nước Tàu cũng sang hạch - xách.
Trong nhà vua và ngoài triều - đình đến dân gian thật
là lung-tung rồi - beng

Đến đây trong nước Nho-học đã độc-tôn rồi,
các Tăng-sĩ lại làm lạc mất đạo gốc, nên Phật - giáo
hầu như vô nghĩa và trở nên một tôn-giáo mê-tín.
Các nhà thuần-nho đứng lên bài-xích. Bởi thế năm
Đại-Khánh thứ 8 đời vua Trần-Hiển-Tôn (1321),
triều - đình sắc mở một kỳ khảo-hạch Tăng-sĩ trong
nước, hỏi về nghĩa-lý kinh Kim - Cương. Đầu biết
những lối tu-hành của Tăng-sĩ bấy giờ câu-thả và
đáng ngờ lắm, nên mới có cuộc thi lạ-lùng ấy.

Lạ nhất là đến năm Xương-Phù thứ 5 đời
vua Phế-Đế (1381), triều - đình sắc Đại-Nam Thuyền-
sư thống-suất Tăng-chúng trong nước đi ~~đi~~ ^{anh giặc}
Chiêm.

Thật ra thì ~~đi~~ ^{anh giặc} ay đây nước cũng quá hèn-
~~đi~~ ^{anh giặc} ma Tăng-đồ thi trớ nên một bọn vô ích, gai
mắt cho phái Nho - học rồi, nên họ cứ đi vậy

Đến đời Trần-Thuận-Tôn năm thứ 9 (1396),
lại mở một kỳ sát-hạch Tăng-chúng, người nào dự-
tuyển được bổ làm các chức Tri-cung (coi việc các
cung), Tri-quán (coi việc các đền), Tri-tự (coi việc
các chùa)

Ấy lại là một chứng để nhận thấy các Tăng-sĩ vô ích và thất-thế, đền nỗi phải đi thi để giữ chức coi việc các cung vua và các đền-miếu. Một hiện-tượng suy-đồi đã rõ-rệt !

Trong triều lại đền nạn Lê-quí-Lý mưu việc tiếm ngôi. Sử chép : « Quí-Lý lập mưu cho người đạo-sĩ vào cung, xui vua Thuận-Tôn nhường ngôi mà đi tu tiên. Thuận-Tôn liền nhường ngôi cho con mới có ba tuổi, tức Trần-Thiếu-Đế ».

Thế là Quí-Lý tiếm được ngôi vua và lập ra nhà Hồ.



Chương sáu

PHẬT-GIÁO ĐỜI NHÀ HỒ (1400 — 1407)

ĐẾN ĐỜI THUỘC MINH (1414 — 1427)

Nhà Hồ lên làm vua cũng được hai đời trong bảy năm, thì bị nhà Minh sang đánh. Nước ta lại thuộc nhà Minh. (1)

Năm 1419 quan nhà Minh tịch-thu hết các sách vở trong nước, các kinh-diễn nhà Phật đem về Kim-Lăng và đốt-phá chùa-chiền rất nhiều.

Sử chép: «Bọn Hoành-Phúc (tướng nhà Minh) ở lại sửa-sang việc nước, để khiến cho người An-Nam đồng-hóa với người Tàu, lập ra đèn miếu bắt người mình cúng-t tế theo tục bên Tàu, v. v... còn cái gì là di-tích của nước mình như là sách-vở thì thu -

(1) — Lúc này nhà Minh đã thống-nhất nước Tàu

nhặt đem về Tàu hết sạch».

Và : «Nhà Minh bấy giờ không những là mỏ-mang Nho-học mà thôi, lại lập ra Tăng-Cương-ty và Đạo-kỳ-ty để coi những thuộc về đạo Phật và đạo Lão. Rồi sai các Tăng-già ở Tăng-Cương-ty, các đạo-sĩ ở Đạo-kỳ-ty đi truyền-giảng đạo Phật và đạo Lão »

Lịch-sử Phật-giáo ở Tàu chép : «đời Minh cả hai giáo Lạc-Ma và Thuyền-Tôn đều thanh-hành».

Xem vậy thì đại-khai đoán được Phật - giáo ở nước ta lúc thuộc nhà Minh vậy.

Nhưng trong 13 năm thuộc Minh ấy, quan Tàu thi tham-tàn, quan ta thi gian-nịnh ,tàn - ác vô liêm-sỉ, dân-tình cực-khổ, nhiều nơi kéo cờ khởi-nghĩa, trong nước không lúc nào được yên. Phật-giáo dù được nhà Minh ủng - hộ, nhưng lại phải theo một chánh - sách riêng. Và từ cuối đời Trần đến đây, trong đám Tăng-đồ đã kém người sáng - suốt, lại bị ở dưới quyền-thể của bọn Nho-sĩ. Chừng ấy ta cũng đủ đoán biết sự điêu-tàn hoang-phế của nền đạo-lý.

May sao, một ^{đ^x} Lam - sơn ^{ra} ^{long} anh - hùng cứu nước, từ mỏ vạn mới cho dân - tộc, mà lập ra nhà Hậu-Lè : Thái-Tổ Lê-Lợi .

Chương bảy

PHẬT-GIÁO ĐỜI HẬU-LÊ (1428—1527)

Nhà Hậu-Lê kể từ vua Thái-Tổ cho đến vua Cung-Hoàng cộng được 10 đời, trị vì trong 100 năm chẵn. Trong 10 đời vua ấy, vua Thái-Tổ thì không, chỉ có vua Thánh-Tôn và Thái-Tôn lớn tuổi mới lên làm vua, còn thì vua nào cũng còn ít tuổi cá. Nên trải những triều vua ấy, vua thì bị quyền-thần lung-lạc, vua thì lớn lên sinh kiêu-xa, dâm-ác, khiến nước nhà không mấy lúc được yên.

Phật-giáo cũng vì thế mà không hưng-khởi lên được nữa. Nhất là hồi trước quan nhà Minh đã tịch-thu hết kinh-diển, nên dù có những bức mộ đạo đến đâu cũng không lấy gì mà nghiên-cứu. Bởi thế, các Tăng-đồ lúc ấy, nhau lúc dân nước được tự-lập, tự-trị, dù có cố duy-trì lấy đạo Phật

thì chẳng qua cũng là một sự tín - ngưỡng theo hình - thức thôi.

Thời nầy Nho - học đã thật làm bá - chủ cho văn - hoa, các sĩ - phu xô nhau vào khoa - cử, miệt - mài trong tư - tưởng Tống - nho, triết - lý nhà Phật không làm danh làm lợi cho ai, tất bị bỏ quên.

Việc tu - đạo, đối với hạng ít học chỉ thành một kẻ quyền - nghi theo hình - thức, với hạng sĩ - phu thì chỉ là một chỗ để người nào lận - đận công - danh, chán - nãm cuộc thế, bất - bình với thói đời, nghĩa là chỉ những người yểm - thế mới tìm đến để tiêu - giao ngày tháng, mượn cảnh chùa am, tiếng chuông câu kệ mà dứt bỏ cuộc đời bên ngoài thôi; chó không phải là mến - hiếu giáo - lý của Phật mà tu - hành, và ngộ - đạo, rồi lại đem đạo - lý ra mà giác - ngộ cho kẻ khác.

Bởi vậy, trong đời Hậu - Lê có thể gọi là « thời - đại Phật - giáo suy - đồi ».

Hay là a sử chép những việc đối với Phật - giáo của đời Hậu - Lê:

Năm Thuận - Thiên thứ 2 (1429—Lê - Thái - Tổ) mở một kỳ khảo - hạch Tăng - đạo Người nào trúng - tuyển thì được ở chùa tu - hành, người nào hỏng thì phải hoàn - tục.

(Việc ấy càng tỏ ra trong sổ Tăng - đồ đầu

dời Hậu - Lê phần nhiều là hạng ít học, tu - hành chỉ là theo hình-thức chó không hiểu đạo gốc nữa. Vả có kinh - điển đâu mà nghiên - cứu. Triều - đình dầu có hòa với nhà Minh nhưng không có ý ưng-hộ Phật-giáo, thì ai nghĩ đến sự cầu kinh).

Năm Thiện-Bình thứ nhất (1434 — Lê-Thái-Tôn), trời đại - hạn, vua sắc rước tượng Phật ở chùa Pháp-Vân về kinh làm lễ cầu mưa.

(Càng tỏ ra từ vua đến dân đã yên-trí Phật là « phép thần-thông » như một vị thần của Lạc-Ma-giáo hay Phù-chú-giáo).

Năm sau vua Thái-Tôn sắc đúc tượng bà Thái-Hoàng Thái-hậu (bà nội vua Thái-Tổ). Khi đúc xong, mời Huệ-Hồng Thuyền-sư vào làm lễ điểm nhãn.

(Thuyền-sư đã nghiêm-nhiên một thầy phù-thủy ở chùa, đọc kinh Phật làm sư).

Niên-hiệu Thái-Hòa thứ bảy (1449 — Nhân-Tôn), trời đại-hạn, vua sắc bộ Lê làm lễ đảo-vũ ở chùa Báo-Ân. Lại sắc rước tượng Phật ở chùa Pháp-Vân về chùa Báo-Thiền mời các Tăng-si đến tụng kinh. Bà Hoàng-Thái-hậu ra đứng chủ lễ.

(Phật hiển - nhiên đã thành một vị tượng thần cho dân Việt-Nam tín-ngưỡng).

Năm Quang-Thuận nguyên niên (1460 — Lê-

Thánh - Tôn), sắc cấm các Tăng-đạo không được qua lại với nhân-dân trong thành. Năm sau sắc cấm dân-gian không được làm thêm chùa; vì nhân-dân lúc ấy quá sùng-tín đạo Phật, trong một năm làm không biết bao nhiêu là chùa, nên mới có lệnh ấy.

(Sùng-tín mà đến nỗi Tăng-đồ bị cấm không được giao-thiệp với dân và trong đời không có thêm được một vị cao-tăng, thì quả là tinh-thần đạo Phật đã tuyệt-diệt. Sự ngăn-cấm này phải chăng là vua sợ món tín-ngưỡng hình-thức rộn-ràng ấy sẽ nguy-hại cho dân-chúng, hay chỉ là nghe lời đèm-siem thiêng-vị của các ngoại-đạo khác ?).

Xét những điều kể trên, ta đủ biết Phật-giáo trong khoảng đời Hậu-Lê này, chỉ còn là sự cung-cấp cầu-đảo, và Tăng-đồ đã thành những tay sai đáng thương-hại của vua quan hoặc các nhà có tiền khi muốn cầu-tự cầu-tài, mặc dầu bề ngoài như tuồng họ vẫn tôn-kính .

Chương tám

PHẬT-GIÁO Ở THỜI-ĐAI NAM BẮC PHÂN-TRANH (1528 — 1802)

Nhà Hậu-Lê làm vua đến đời vua Chiêu-Tôn, Cung-Hoành (1516 — 1527) thì bị Mạc-đăng-Dung thoán-đoạt. Nhà Lê tuy mất ngôi, nhưng lòng người còn tưởng nhớ đến công-đức của Thái-Tổ, Thánh-Tôn, cho nên nhiều người lại theo phò con cháu nhà Lê trung-hưng lên ở phía Nam, lập ra triều-dinh riêng ở vùng Thanh-hóa, Nghệ-an để chống nhau với nhà Mạc, thành ra Nam-triều và Bắc-triều hai bên đánh nhau năm, sáu mươi năm trời.

Nhà Hậu-Lê nhờ họ Trịnh giúp, dứt được nhà Mạc, tưởng giang-san lại nhất-thống như cũ, ai ngờ họ Trịnh với họ Nguyễn lại sanh lòng ghen-ghét, gây nên mối thù-oán, rồi mỗi họ hùng-

cứ một phuơng, chia nước ra làm hai mảnh: họ Nguyễn ở Nam, họ Trịnh ở Bắc.

Nhà Hậu-Lê từ khi trung-hưng lên, con cháu vẫn giữ ngôi vua, nhưng quyền chính-trị ở cả họ Trịnh.

Xét Phật-giáo đến cuối đời Lê đã suy-đồi như trên, nhưng đến thời-đại này lại có cơ phục-hưng. Trong Nam ngoài Bắc lại thêm mấy phái Thuyền-tôn mới nữa

Vào khoảng đời vua Lê-Thé-Tôn (1573—1599), ở Bắc có phái gọi là Tào-Động, cũng là chi-phái của phái Bồ-Đề Đạt-Ma bên Tàu (1). Phái ấy truyền vào bởi nhà sư Tàu Tri-Giáo Nhứt-Cú; sau ngài Nhứt-Cú truyền cho ngài Thủ-Nguyệt, ngài Thủ-Nguyệt truyền cho ngài Tôn-Điển, v.v... Những nhà sư trú-trì ở các chùa Hòa-Giai, Hàm-Long, Chấn-Quốc ở Hà-nội bây giờ là theo phái Tào-Động.

Vào khoảng đời vua Lê-Hy-Tôn (1676—1705), ở Bắc lại có phái gọi là phái Liên-Tôn, do một vị vương-công nhà họ Trịnh là Lân-Giác Thuyền-sư lập ra ở chùa Liên-Phái (Bạch-mai Hà-nội). Đồng thời sư Nguyệt-Quang cũng lập phái ấy ở Kiến-an. Ngài Lân-Giác với ngài Nguyệt-Quang

(1) — Xem bản-đồ A.

cùng là đệ-tử của ngài Chính-Giác, ngài Chính-Giác là đệ-tử của ngài Minh-Lương, ngài Minh-Lương là đệ-tử của ngài Chuyết-Còng (người Tàu) tức là chi-phái của phái Lâm-Tế. Hiện nay những chi-phái của chùa Hàm-Long ở Bắc-ninh, chùa Nguyệt-Quang ở Kiến-an đều là chi-phái của phái Liên-Tôn. Vậy ở Hà-nội bây giờ có hai phái Phật-giáo: một ở chùa Bà-Đá là chi-phái Lâm-Tế, một nữa ở chùa Hòa-Giai là chi-phái Tào-Động).

Từ năm Vĩnh-Thịnh thứ 15 (1719 : Dũ-Tôn) đến năm Vĩnh-Hưu thứ 3 (1737 : Ý-Tôn), chỉ thấy các chúa làm chùa.

Năm Vĩnh-Thịnh thứ 15 (1719), chúa Trịnh-Cương súc dân ba huyện Gia-định, Lương-tài, Quế-dương trùng-tu chùa Phúc-Long, làm xong miễn thuế một năm cho ba huyện ấy. Chùa Phúc-Long ở về làng Lãng-ngâm, huyện Gia-định (Gia-bình), chúa Trịnh-Tráng dựng ra từ năm Phúc-Thái thứ tám (1648)

Năm Bảo-Thái thứ 8 (1727), chúa Trịnh-Cương cho các nội-giám lập chùa Thiền-Tây (ở làng Sơn-định, huyện Tam-dương về địa-phận núi Tam-đảo) và chùa Độc-Tôn (ở làng Cát-nê, huyện Phổ-an, tỉnh Thái-Nguyên) và cho ra nghỉ ở đó.

Năm Vĩnh-Khánh thứ hai (1730), chúa Trịnh-

Giang súc dân ba huyện Đông-triều, Thủy-đường và Chí-linh trùng-tu chùa Quỳnh-Lâm và chùa Sùng-Nghiên. Dân-phu 6.000 người làm luôn đêm ngày đến một năm mới xong.

Năm Vĩnh-Hựu thứ hai (1736), chúa Trịnh-Giang súc dân các huyện Đông-triều, Kim-thành, Giáp-sơn, Thủy-đường dựng chùa Hồ-Thiên (ở trên chóp núi, thuộc huyện Bảo-lộc, trấn Kinh-bắc, tức Bắc-giang bây giờ) và chùa Hương-Hải (ở làng Phụ-vệ, huyện Chí-linh).

Năm Vĩnh-Hựu thứ ba (1737), chúa Trịnh-Giang dựng tượng Phật lớn để thờ ở chùa Quỳnh-Lâm sắc cho quan thay phiên đến làm lễ. Cũng trong khoảng niên-hiệu Vĩnh-Hựu (1735 — 1739), ngài Trạm-Công vâng sắc vua qua nước Đại-Minh, non Đỉnh-hồ, tham-yết ngài Kim-Quang Hòa-thượng và sau thỉnh được nhiều kinh-diễn đem về để tại chùa Càn-An.

Đến năm Cảnh-Hưng nguyên-niên (1740 : Lê-Hiển-Tôn), chúa Trịnh-Giang lại tịch-thu chuông các chùa để đúc bình-khí.

Năm Cảnh-Hưng thứ 32 (1771), dựng chùa Tiên-Tích ở ngoài cửa Đại-hưng (thuộc làng Nam-ngư, huyện Thọ-xương, Hà-nội, nay là phố hàng Bột).

Năm Chiêu-Thống nguyên-niên (1787), lại

tịch-thu các đồ đồng ở chùa để đúc tiền.



Trong đời Hậu-Lê cũng có một vài vị Cao-tăng như Huệ-Đồng Thuyền-sư, Lục-Hồ Viên-Cảnh Thuyền-sư, Đại-Thâm Viên-Khoan Thuyền-sư, Hương-Hải Thuyền-sư, v.v... Những vị Thuyền-sư trên, không thấy sử chép rõ-ràng, chỉ có Hương-Hải Thuyền-sư có tiểu-truyện trong sách Kiến-văn-lục của ông Lê-quí-Đôn.

HƯƠNG - HẢI THUYỀN - SƯ. — Vốn giòng thế-phिणet, ông cha từng làm đền Quận-công và phong làm Công-thần trong đền chùa Nguyên. Mười tám tuổi đậu Hương-cống (Cử-nhơn), được kén vào phủ chúa Nguyên rồi bỏ ra làm Tri-phủ Triệu-phong. Bấy giờ ngài mới có 25 tuổi, mà rất hâm-mộ đạo Phật; thường Đàm-luận với các danh-tăng, rất thâm-hiểu đạo-lý. Cách ba năm, ngài xin từ quan xuất-gia tu-đạo. Ngài ra chơi ở núi Tiêm-bút-la ngoài Nam-hải rồi lập am ở lại đó tu-trì. Đạo-hạnh ngài rất cao, quan dân xa gần thấy đều cảm-mộ. Chúa Nguyên (Nguyên-phúc-Chu: 1691—1725) sai người ra hải-đảo mời về; khi về đến nội địa, chúa Nguyên thân ra đón-tiếp, rồi lập Thuyền-Tịnh viện ở núi Qui-cảnh mời ngài ở đó. Sau có

người dèm với chúa, nói ngài với Gia - quận - công
âm-mưu trả về Bắc với chúa Trịnh Chúa Nguyễn
đem việc xét hỏi thì không có cớ gì, bèn truyền
cho ngài phải vào Quảng-nam. Bởi vậy, ngài mới
quyết-chí ra Bắc thật. Ngài sắm một chiếc thuyền
cùng 50 đồ-dệ vượt bể về đến trấn Nghệ-an, vào
yết-kiến quan Trấn-thủ là Trịnh-Na Trịnh-Na liền
tâu về triều, chúa Trịnh cho thuyền vào đón về kinh,
triệu vào phủ hỏi-han moi việc Được ít lúc, ngài
lập am tu-trì ở trấn Sơn-nam. Ngài có dịch và chú-
giải các kinh ra chữ nôm được 30 thiên.

Vua Dū-Tôn (1706 – 1729) vì hiếm-hoi về
phần con-cái, nên thường mời ngài vào kinh để lập
đàn cầu-tự. Bấy giờ ngài đã 80 tuổi, vua rất kính-
trọng.

Một khi vua hỏi ngài rằng: « Trâm nghe
Thuyền-sư học rộng nhớ nhiều, vậy xin Thuyền-sư
thuyết-pháp cho nghe, để Trâm hiểu được đạo ».

Ngài tâu rằng: Bần-tăng có bốn câu kê
này, xin Bệ-hạ để tâm, suy-nghĩ:

Phản văn tự kỷ mỗi thường quan,
Thảm sát tư duy tử tế khan.
Mặc giáo mộng trung tâm tri-thức.
Đương lai diện thường đồ sư nhan.

返聞自己每常觀，
審察思惟仔細看。
真教夢中尋知識，
當來面上都師顏。

Dịch: Nghe lại điều mình thầy những ngày,
Suy đi nghī lại kỹ cang hay.
Chớ tìm tri-thức trong cơn mộng,
Có thể mới hay nhận được thầy. (1)

Vua hỏi: « Thé nào là y của Phật? »

Ngài thưa:

Nhạn quá trường không,	鷹過長空
Ảnh trầm hàn thủy	影沉寒水
Nhạn vô di-tích chí ý,	鷹無遺跡
Thủy vô lưu ảnh chí tam.	水無留影

Dịch: Nhạn liệng giữa không,
Bóng chìm dưới nước.
Nhạn không để dấu ở lại,
Nước chẳng lưu bóng làm chi.

Ngài thường đọc những câu kệ để dạy
Tăng-chúng như câu:

Tâm ngưu tu phỏng tịch, 尋牛須訪跡
Học đạo, quý vō tâm 學道貴無心

(1) — Chữ thay day là chỉ cho Đạo.

Tích tại ngưu hoàn tại, 跡在牛還在
Vô tâm đạo dị tâm. 無心道易尋

Dịch: Tìm trâu tìm dấu chân trâu,
Dấu còn trâu chẳng mất đâu bao giờ.
Những người học đạo chó ngờ,
Vô tâm thì đạo có cơ dễ tìm.

Ngài thường làm thơ, dưới đây là một bài
thơ trong các bài thơ của ngài:

Thành-thị du lai ngụ tự triền,
城市遊來寓寺廬
Tùy cơ ứng biến mỗi thời nhiên.
隨機應變每時然
Song chiêu nguyệt đáo thuyền sàn mật,
窗招月到禪床密
Tùng tiêu phong xuy tĩnh khách miên.
松笑風吹靜客眠
Sắc ưởng lâu-dài minh sắc diệu,
色映樓臺明色妙
Thanh truyền chung cổ diên thanh huyền.
聲傳鐘鼓演聲玄
Nguyên lai tam giáo đồng nhứt thể,
原來三教同一體
Nhàm vận hà tầng ý hữu thiên.
任述河曾意有偏

Dịch : Chán cảnh phồn-hoa mến cảnh Thuyền,
Tùy thời mới hiệp lê dương - nhiên.
Trăng dòm song mờ giường kè sát,
Gió thổi tung reo giấc ngủ yên.
Lóng-lánh lâu-dài màu huyền - diệu,
Nhịp-nhàng chuông trống tiếng u-huyền.
Cho hay nhất thể đồng tam giáo,
Đạo cả chưa từng lệch một bên .

Đọc bài thơ này, ta thấy không những ngài không quên mình là nhà Nho tu Phật, mà lại muốn cho hai đạo-học ấy ảnh-hưởng với nhau, cho cả hai càng thêm sáng - suốt.

Nhưng không sao tránh khỏi nho - điểm của hai giáo ấy trong thời này : — Phật - giáo về thời này tuy có cơ hưng - thanh, nhưng sự thật đã yếu thế nhiều, nên phải xướng thuyết « nhất thể » để cầu - thân với Nho, Lão. Và đồng - thời đãng-cấp Nho-giáo lúc này cũng đã bước vào tình-thế suy-lạc, nên lại phải mượn Phật - giáo làm chỗ an-tùi. Bởi vậy, thời này rất có nhiều vị Nho - sĩ đầu Thuyền. Mà ngài là người đại-biểu — .

Lại cũng trong thời này, ông Trịnh - Huệ cũng xướng thuyết « Nhất thể » làm sách « Tam giáo nhất nguyên thuyết », để giải rõ ba giáo vốn đồng một gốc. Sách tuy có lợi cho những người

muốn tham - học cả ba giáo, sự thật điều đó càng giúp cho ta chứng rõ khuynh-hướng ấy.

Phật-giáo ở ngoài (Bắc) đến đó lại lâm vào thời - kỳ đình-dốn. Trong sứ không thấy chép việc gì quan - hệ đến Phật - giáo nữa. Cũng bởi từ đó tình - thế trong nước rối-rén, việc chinh - chiến xảy ra luôn luôn.



Trong lúc Phật-giáo ở ngoài Bắc được phục-hưng, đồng thời trong Nam cũng có cơ xương-thạnh. Nhứt là khi ngoài Bắc bị đình - đốn, trong Nam lại phát - đạt thêm nhiều.

Từ khi chúa Nguyễn - Hoàng vào trấn đất Thuận - hóa, thì miền Nam được mở - mang mọi phuơng - diện. Trong hơn 200 năm, họ Nguyễn đối với Phật - giáo hết lòng sùng - thương, nào dựng chùa, nào đúc tượng, đúc chuông rất nhiều.

Bấy giờ có những ngài Tề - Viên Hòa - thương, Giác - Phong Lão - tổ, v. v... đều là người Tàu đem Phật-giáo qua truyền-bá ở Annam.

Năm Ất - ty (1665), Dũng - Quận - công Nguyễn-phúc-Tần (1648 — 1687) (sau truy - tôn là Thái - Tôn Hoàng - đế) lại có một vị Thuyền - sứ người Tàu qua Annam, ban đầu trác-tích ở phủ Qui-ninh (Bình - định) lập chùa Thập - Tháp Di - Đà, sau ra

BẢN - ĐỒ G (1)

Phái Lâm-Giác ở Bạch-mai (1696)



CHUYẾT - CÔNG (LÂM - TẾ)

I

Minh - Hành

Minh - Lương

Chơn - Trú

Chánh - Giác

Như - Tùy

(Kiến-an)

(Hà-nội)

Như-Hiện (Nguyệt-Quang) Lân - Giác (Liên-phái)

(Bắc - ninh)

Tinh - Tinh II — Tinh-Tinh và Tinh-Ngan (Hàm-long)

Tinh - Nhuroc

III — Hải - Quýnh

Vũ - Hoa

IV — Tịch - Truyền

Tịch - Dụ

(Hà-nội — Kim-Liên) Chinh-Tâm.

V — Phồ - Tinh Phồ - Toản

VI — Chiếu - Khoa

Thông - Vinh

(1) — Esquisse d'une histoire du Bouddhisme au Tonkin
page 12

Thuận - hóa lập chùa Quốc - Ân truyền chánh - phái
Lâm - Tế ở nước ta: ấy là ngài Thọ - Tôn Hoa -
thượng, húy Nguyên - Thiều.

Phái Nguyên - Thiều

Ngài họ Tạ, quê ở Trình-hương Triều-châu,
Quảng-đông; xuất-gia năm 19 tuổi, tu ở chùa Báo-Tư, thọ-giáo với ngài Bổn-Khao Khoán-Viên Hòa-thượng. Niên-hiệu Cảnh-Trị năm thứ ba đời Lê-Huyền-Tôn (năm Ất-ty thứ 17 đời chúa Nguyễn-phúc-Tần: 1665), ngài đi theo tàu buôn qua An-nam, trú ở phủ Qui-ninh (Bình-dịnh) lập chùa Thập-Tháp Di-Đà, mở trường truyền dạy; sau ra Thuận-hóa lập chùa Hà-Trung (thuộc huyện Phú-lộc nay hay còn), rồi lên Xuân-kinh (Huế) lập chùa Quốc-Ân và dựng tháp Phổ-Đồng (?).

Sau ngài lại phụng-mệnh đức Anh-Tôn (Nguyên-phúc-Trăng: 1687—1691) trở về Trung-quốc, tìm mòi các danh-tăng và cung-thỉnh pháp-tượng pháp-kí.

Ngài về Quảng-đông mòi được Thạch-Liêm Hòa-thượng và các danh-tăng khác, cùng thỉnh được nhiều kinh-diển tượng-kí đem về. Chúa Nguyên liền sắc mở đàn truyền-giới rất long-trọng tại chùa Thiên-Mụ. Sau đó chúa Nguyên sắc ban

ngài chức Trú-trì chùa Hà-Trung.

Một hôm ngài lâm bệnh, họp môn - đồ lại
đặn-dò mọi việc và ngài truyền cho bài kệ rằng :

Tịch tịch kinh vô ảnh,	寂寂鏡無影
Minh minh châu bất dung.	明珠不容
Đường đường vật phi vật,	堂物非物
Liêu liêu không vật không.	寥寥空物空

(Đại-ý bài này ngài muốn khai-thi cho
trong chúng biết : thể pháp-thân thanh-tinh sang-
suốt như bức gương sáng sạch không bụi, như
ngọc minh-chân trong sáng, bóng ngời, tuy hiên
tiên sự sự vật vật sai khác, nhưng đều là thể
pháp-thân biếu-hiên ; thể pháp-thân thường
vắng-lặng mà không phải là không, tức là lý
« chơn không diệu hữu »).

Ngài viết xong bài kệ vừa ngồi yên-lặng
mà tịch.

Ngài mất ngày 19 tháng 10 niên-hiệu Bảo-
Thái thứ 10 nhà Lê, đồ-chúng cùng các tể-quan
thọ-giới đệ-tử làm tháp Hóa-Môn để chôn cất
hai-cốt(tháp này ở bên đồi nhỏ xóm Thuận-hóa
làng Dương-xuân-thượng).

Hiển-Tôn Hoàng-để ban thụy-hiệu là:
« HẠNH-ĐOAN THUYỀN-SƯ », và có làm bài
minh-khắc vào bia để tán-thán đạo-đức của ngài :

Ưu ưu bát - nhã,
 Đường đường phạm thất,
 Thủy nguyệt ưu du,
 Giới - trì chiến lật.
 Trạm tịch cổ kiên
 Trác lập khả tắt
 Quán thân bốn không
 Hoằng - pháp lợi vật.
 Biển phú từ vân
 Phổ chiếu huệ nhật
 Chiêm chi nghiêm chí
 Thái - sơn ngặt ngặt.

若室遊粟堅必空物雲日之屹
 優堂水戒湛卓觀宏徧普瞻泰
 般梵優戰孤可本利慈慧嚴屹

Ngài là vị tổ truyền phái Lâm - Tế đầu tiên
 ở Trung - kỳ. Các đệ - tử được ngài truyền - pháp
 cho, hoặc các ngài dưới ngài cùng ngài truyền giòng
 Lâm - Tế, như ngài Minh - Hoằng Tử - Dung, Minh -
 Hải Pháp - Bảo, Minh - Vật Nhứt - Trí, v.v...

Xét trong « Lịch truyền tổ đồ » thì ngài
 Nguyễn - Thiều đứng về đời 69, xét về chánh -
 thống phái Lâm - Tế thì ngài đứng về đời 33, mà
 truyền phái Lâm - Tế ở Trung - kỳ thì ngài là Sơ - tổ
 (xem bản đồ H).

Xét lịch - sử Phật - giáo ở Việt - Nam ta về
 khoảng này, có đôi chỗ mơ - hồ, cần phải biện - minh.

không thể bỏ qua được, ấy là nói về lối truyền-thống của phái Lâm-Tế do sau khi ngài Nguyên-Thiều truyền sang.

Đành rằng ngài là vị tổ đầu tiên truyền phái Lâm-Tế ở ta, nhưng trước tiên ngài đã kế-thừa nơi một ngài nào ? Và sau, những ai là người được truyền-thọ pháp ấy ? Muốn trả lời những dấu hỏi ấy không phải chuyện dễ.

Nguyên-do bởi ngài đã mang lấy hai danh-hiệu : Nguyên - Thiều, Siêu - Bạch.

Kế Phật - giáo sau khi truyền qua Tàu, vì phân chia tôn-phái có nhiều, nhứt là về phái Thuyền-tôn lại có chia ra nhiều nhánh khác nhau. Nên các ngài về sau lại sinh ra tư-tưởng đặt những giòng kệ để chấm dứt về thống-hệ của mình. Như phái Thuyền-tôn truyền đến đời ngài Nghĩa-Huyền, ngài lại lập ra nhánh gọi là Lâm-Tế. Lâm-Tế truyền đến đời 21 là ngài Vạn-Phong. Thời-Úy ở chùa Thiên-Đồng (Tàu) xuất ra bài kệ: Tổ, Đạo, Giới... (1) truyền đến đời 31 là ngài Đạo-Mân lại xuất một giòng kệ khác: Đạo, Bồn, Nguyên, Thành... (2)

Như trên đã nói : ngài đã mang lấy hai danh-hiệu : Nguyên-Thiều và Siêu - Bạch. Xét danh-hiệu

(1) và (2) — Xem phụ-lục ở sau.

Nguyên-Thiều là thuộc về giòng kệ của ngài Đạo-Mân, tức là sư-tổ của ngài mới lập ra ; Siêu-Bạch là thuộc về giòng kệ của ngài Vạn-Phong, tức là tổ II đời của ngài truyền xuống. Do đó, người ta bảo ngài đã thọ-giáo cả hai bên. Bên giòng kệ của ngài Vạn-Phong thì ngài được hiệu là Siêu-Bạch ; bên giòng kệ của ngài Đạo-Mân thì ngài được hiệu là Nguyên-Thiều. Lê đó xét có phần đúng.

Nhưng lại thấy có chỗ chép ngài Đạo-Minh Huệ-Nhựt ở chùa Thiên-Khai (Tàu) xuất ra giòng kệ : Đạo, Bồn, Nguyên... ấy, sau khi vừa mới thừa truyền theo giòng kệ Tổ, Đạo, Giới... của ngài Vạn-Phong chỉ có một đời. Nói vậy rất sai vì nếu nói ngài Đạo-Minh xuất giòng kệ ấy, thì chữ «Nguyên» của ngài Nguyên-Thiều không phải là chữ «Nguyên» trong giòng kệ đó. Vì đem những chữ trong hai giòng kệ kia ra mà đổi chiều thì từ chữ «Nguyên»—Nguyên-Thiều đến chữ «Siêu» — Siêu-Bạch — cách nhau đến 8 - 9 chữ (tức là 8 - 9 đời) làm sao mà gặp nhau ở nơi một người được ?

Có giải-quyết được điều này, tức đổi vấn-dề : Vì sao ngài lại truyền xuống cả hai giòng kệ ấy (hiện nay chùa Quốc-Ân (Huế) thì theo giòng kệ chữ «Nguyên» tức là giòng của ngài Đạo-Mân ; chùa Thập-Tháp (Bình-Định) thì theo giòng kệ chữ «Siêu»

tức là giòng của ngài Vạn-Phong)? Và trong hàng chữ « Minh » và chữ « Thành » (Sau chữ Nguyên, chữ Siêu một chữ) ai là đệ-tử của ngài ?

Như trên nói ngài đã thọ - giáo cả hai bên. Nên ở đây có thể nói : một bên ngài muốn truyền xuống giòng kệ chữ « Siêu » của tổ Vạn-Phong, một bên ngài muốn truyền xuống giòng kệ chữ « Nguyên » của sư-tổ mình. Bản-ý đều muốn lèm cho phái diền của tổ-tiên khôi phái đứt đoạn.

Chứng thật cho ý-kiến này, ta nhận thấy bắt kỳ ở chùa Thập-Tháp hay Quốc-Ân, dưới ngài đều có những ngài hoặc chữ « Minh » hoặc chữ « Thành » xen-lân nằm trong thế-hệ.

Vậy còn ai là đệ-tử của ngài Nguyên-Thiều ? Theo thế-hệ truyền - thống ở chùa Thập - Tháp và Quốc-Ân thì dưới ngài Nguyên-Thiều, Siêu-Bạch, phần nhiều là những ngài nằm về chữ « Minh » cả Như ngài Minh-Vật Nhứt-Trí, Minh-Hoàng Định-Nhiên, Minh-Giác Kỳ-Phương, Minh-Dung Pháp-Thông, Minh - Dương Nguyệt-Ân, v.v... và có xen-lân một đôi ngài nằm về chữ « Thành » như ngài Thành-Đảng Minh-Yêu, Thành - Thiên Pháp-Thông, v.v... Ngoài các ngài ấy lai có những ngài cũng là chữ « Minh », như ngài Minh-Hoàng Tử-Dung (khai-sơn chùa Từ-Đàm — Huế), Minh-Hành

Tại-Toại (ở Nhạn-tháp-Sơn — Bắc-Kỳ), Minh-Hải
Pháp-Bảo (khai-sơn chùa Chúc-Thánh Quảng-nam)
v.v..

Theo tương-truyền xưa nay thì các ngài vừa
mới kể trên đều là đệ-tử của ngài Nguyên-Thiều cả.
(Vả xét theo thể-hê của hai giòng kệ thì dù ngài
chữ « Minh » hay chữ « Thành » cũng đều nằm
dưới ngài Nguyên-Thiều một chữ cả). nhưng nếu
đứng ra ngoài tín-ngưỡng tập-truyền, dùng quan-
điểm của nhà sử-học mà dò-xét, thì không thể bảo
các ngài đó đều là đệ-tử của ngài Nguyên - Thiều
cả được.

Xét trong bài bia - ký dựng ở chùa Quốc-
Ân thì thấy chép : Ngài 19 tuổi xuất-gia tu ở
chùa Báo-tư, thọ-giới với ngài Khoáng-Viên Hòa-
thượng... Vậy sau khi ngài xuất-gia, còn phải
tu-học 5, 7 năm đã chư ! Lại trong bài bia ấy chép :
« Niên-hiệu Cảnh-Trị năm thứ ba đời Lê-Hiển-Tôn
(năm Ất-ty thứ 7 đời chúa Nguyên-phúc - Tân :
1665), ngài qua Annam lập chùa Thập-Tháp (xem lại
truyện ngài Nguyên-Thiều). Thể thi khi ngài qua
Annam đại-khai cũng trên 30 tuổi. Ngài qua, trước
hết ở phủ Quy-ninh lập chùa Thập-Tháp ; thì từ
khi qua đến khi lập thành chùa Thập-Tháp, ít nữa
cũng phải trải qua thời-gian mươi năm. Rồi sau ra

Thuận-hóa ở chùa Hà-Trung, lên Xuân-kinh lập chùa Quốc - Ân cũng phải mất hết thời-gian chừng trên 10 năm nữa. Cho đến khi phụng-mệnh đức Anh-Tôn (1687 — 1691) trở về Trung-quốc, tìm thỉnh các danh-tăng về khai giới-dàn tại chùa Thiên-Mụ. Chỉ thấy trong sử chép ngài Thạch - Liêm cùng ngài qua lúc này. Nhưng theo tương - truyền xưa nay thì cùng qua với ngài, ngoài ngài Thạch-Liêm còn có các ngài khác nữa, như ngài tổ khai - sơn chùa Thuyền-Lâm (Huế) v.v... với các ngài Minh-Hoằng Tử-Duang, Minh-Hải Pháp-Bảo... (xét về thời-đại của các ngài qua cũng nhằm lúc ấy). Đến đây, hãy trở lại với vấn-đề: vậy các ngài chữ «Minh» đồng qua với ngài lúc này, có thể bảo đều là đệ-tử của ngài Nguyên - Thiều cả không? — E không thể bảo được. Bởi thời - gian ở Tàu của ngài rất ít, mà thời-gian ở Annam thì nhiều, làm gì đã có đệ - tử xứng đức, xứng vị đế cùng qua với ngài ngoài trong địa-vị Thập-sư trên giới-dàn? Và trong sử chép ngài vâng - mệnh vua về thỉnh các danh-tăng; nếu ngài chỉ bảo đệ-tử của ngài qua (giả-sử ngài đã có đệ-tử ở Tàu), thế thì ngài đã hép-hồi và tỏ khinh-thường hai chữ «danh-tăng» lắm ru! Vên .. cho trong khi ngài qua cũng có những vị đệ-tử hoặc mới theo lúc ngài trở về, hoặc đã theo lúc ngài chưa qua Annam, nhưng thiết-tưởng những

vị ấy cũng chỉ theo để hầu thầy chứ chưa có thể ngồi ngang một ghế Thập-sư trong giới-dàn được. Mà dầu có cũng chỉ được đôn ba vị thôi.

Vậy ta có thể bảo những ngài như ngài Minh-Hoàng Tử-Dung, Minh-Hải Pháp-Bảo, Minh-Hành Tại-Toại, . . . chỉ là những ngài nằm dưới ngài Nguyên-Thiều một chū, gọi ngài là sư-thúc hoặc sư-bá gì chớ chưa hẳn là đệ-tử của ngài cả.

Trong tấm bia đá dựng ở chùa Chúc-Thánh và trong quyển « Liệt-tổ truyện », có nói đến lược-sử của ngài Minh-Hoàng cùng ngài Minh-Hải, nhưng chỉ nói qua ngài người Đại-Thanh, qua Annam, trác-tích Thuận-Hóa, lập chùa Án-Tôn (Tử-Đàm); vô ở Quảng-nam lập chùa Chúc-Thánh, chớ không nói đến hai ngài đó là đệ-tử của ngài nào. Vậy căn-cứ vào đây, ta có thể cho lời bàn trên là đúng chăng (?) .

Có thể, sau khi giới-dàn xong, ngài Minh-Hoàng mới tự-do lập chùa Án-Tôn ở Huế, ngài Minh-Hải lập chùa Chúc-Thánh ở Quảng-nam và ngài Minh-Hành ra ở Nhạn-tháp-Sơn Bắc-kỳ. Trái lại quả là đệ-tử, thì tình thầy trò đâu có rã rời gấp-gáp đến thế.

Tiếc rằng về những sử-liệu này, sau một thời-kỳ biến-loạn Tây-sơn, những cái có quan-hệ

đến lịch-sử như giấy-má, bia-ký đều bị thất-lạc, không đủ giúp cho ta khảo-xét thêm được rõ-ràng, chắc-chắn hơn nữa.

THẠCH-LIÊM HÒA-THƯỢNG. — Ngài quê ở Giang-tây nước Tàu, học-văn uyên-bác, bao nhiêu món thiên-văn, địa-dư, toán-số, cho đến nghề viết, nghề vẽ, không thứ gì ngoài không tinh-xảo, lại có sở-trường về thơ-phú. Cuối đời nhà Minh, nhà Mân-Thanh làm chủ Trung-quốc, ngài không chịu ra làm quan, bái từ mẹ già, cắt tóc đi tu, rồi vân-du khắp nơi. Khi Thọ-Tôn Hòa-thượng (Nguyễn-Thiệu) vâng mệnh chúa Nguyễn về Quảng-đông tìm các bậc cao-tăng, có nghe tiếng ngài liền đến mời. Ngài cùng Thọ-Tôn Hòa-thượng xuôi bể qua Nam vào yết-kiến chúa Nguyễn. Chúa liền mời ngài trú-trì ở chùa Thiên-Mụ để dạy đệ-tử và thường vời vào cung đàm-đạo; sau ngài có lập chùa Khánh-Vân gần chùa Thiên-Mụ. Ở được ít năm, ngài xin trở về Tàu, không qua nữa.

Sau nhơn có tàu buôn qua, ngài có gởi dâng chúa Nguyễn một bức thơ xích-độc và một bài thi :

XÍCH - ĐỘC :

Nhất giang yên lâng, đạo cách trùng vân,
Bát độ xuân quang, tuyết thiêm hoa mǎn.

Số nhơn - gian chi hạ lạp,

Úc thiên ngoại chí nhơn-duyên;
 Diêu tri cam điện bồ-đoàn,
 Dī chừng huỳnh-mai tiêu túc.
 Viên khiển độ giang chí vĩ,
 Thiếu thân súc địa chí hoài.
 Dạ nguyệt thông triều, trì lai viễn tín,
 Tân hi ký tặng, quí phap trường ngôn.

一 人	江 度 故 憶 遙 已 爰 少 夜 新	煙 春 人 天 知 證 遣 身 通 詩	浪 光 間 外 維 黃 渡 縮 潮 贈	道 雪 之 之 殿 梅 江 地 馳 愧	隔 添 夏 因 蒲 消 之 之 來 乏	重 花 臘 緣 團 息 葦 懷 遠 長	雲 鬢
--------	--	--	--	--	--	--	--------

Dịch : Trời bể muôn trùng,
 Nước mây cách trở.
 Xuân về mấy độ,
 Làn tóc nửa sương.

Bấm tay nghe chuyện nhân-gian,
 Chạm nhở mối tình thiên ngoại.
 Trường chừng dưới chiếc bồ-đoàn,
 Đã tỏ huỳnh-mai lối cũ.

Thuyền - lan tiện gió,
Thâu chõ nhó - nhung.
Sóng vỗ trắng ghèn,
Mây đưa tin nhạn;
Mây lời quê cạn,
Tỏ chút u - hoài.

THI VIẾT :

Đông phong tân lăng mān giang tần,
Tưởng kiẽn hồ sơn vũ lộ tân.
Tự thị dương hòa qui thảo mộc,
Thái - bình nhân túy hải thiên xuân:

東風新浪滿江蘋
想見湖山雨露新
自是陽禾歸草木
太平人醉海天春

THƠ RẰNG :

Sóng rốn hoa tần phất gió đông,
Đỉnh hồ tưởng thấy hạt mưa nhuần.
Cỏ - cây vui dưới trời êm - dịu,
Người ngắm thăng - bình tắm bể xuân.

Ngài có làm tập : «Ly-Lục Đường-thi», tập
«Hải-ngoại ký-sự» và bộ «Kim-Cang trực sớ» còn
lưu-hành.

Thời ấy chúa Nguyễn đang trấn ở Thuận-

hóa ; phần nhiều là người Chàm. Hai ngài này — Nguyên - Thiều và Thạch - Liêm — là người rất có công đem văn-hóa và học-thuật Trung-quốc khai-hóa cho dân ta xứ này.

TỬ-DUNG MINH-HOÀNG. — Không rõ ngài tên họ là gì, chỉ biết ngài là đời thứ 34 giòng Lâm-Tế ; quê ở Quảng-đông theo ngài Nguyên-Thiều qua Annam ở Thuận-hóa có lập chùa Ân-Tôn (tức chùa Tù-Đầm, Hội-quán hội Phật-học bây giờ).

Phái Liễu - Quán

LIỄU-QUÁN HÒA-THƯỢNG. — Ngài họ Lê, húy Thiệt-Diệu, người làng Bạc-mã, huyện Đồng-xuân, tỉnh Phú-yên (Sông-cầu bây giờ). Lúc 6 tuổi, mồ côi mẹ, cha đem đến chùa Hội-Tôn thọ-giới với ngài Tế-Viên Hòa-thượng (1). Được bảy năm thì Hòa-thượng tịch, ngài ra Thuận-hóa xin học với Giác-Phong Lão-tô (2) chùa Báo-Quốc. Sau đó một năm, năm Tân-mùi (1691), ngài phải về phụng-dưỡng cha già, lấy nghề kiếm củi độ nhật. Bốn năm sau phụ-thân mất, năm Ất-hợi (1695) ngài lại trở ra Thuận-hóa thọ sa-di giới với ngài Thạch-Liêm Hòa-thượng. Năm Đinh-sửu (1697) ngài lại thọ cụ-túc

(1) — Người Tàu .

(2) — Cũng người Tàu, ở chùa Báo-Quốc .

giới với ngài Từ-Lâm Lão Hòa-thượng (cũng là người Tàu, mộ ngài nay còn ở chùa Từ-Lâm gần nhà máy nước ở Huế).

Bắt đầu năm Kỷ-mão (1699), ngài đi tham-lẽ khắp thuyền-lâm, chịu biết bao điều khó-khăn, đạm-bạc. Đến năm Nhâm- ngọ (1702) ngài đến Long-Sơn vào bái-yết Tử-Dung Hòa-thượng cầu dạy pháp tham-thuyền. Hòa-thượng dạy ngài tham câu:

«Vạn pháp qui nhứt, nhứt qui hà xứ?»

萬法歸一，一歸河處

(muôn pháp về một, một về chỗ nào?)

Ngài ngày đêm tham-cứu 8, 9 năm mà chưa lãnh-hội, trong lòng tự lấy làm hổ-thẹn.

Một hôm, nhơn đọc truyện Truyền-đăng-lục đến câu: « Chỉ vật truyền tâm, nhân bất hội xứ »

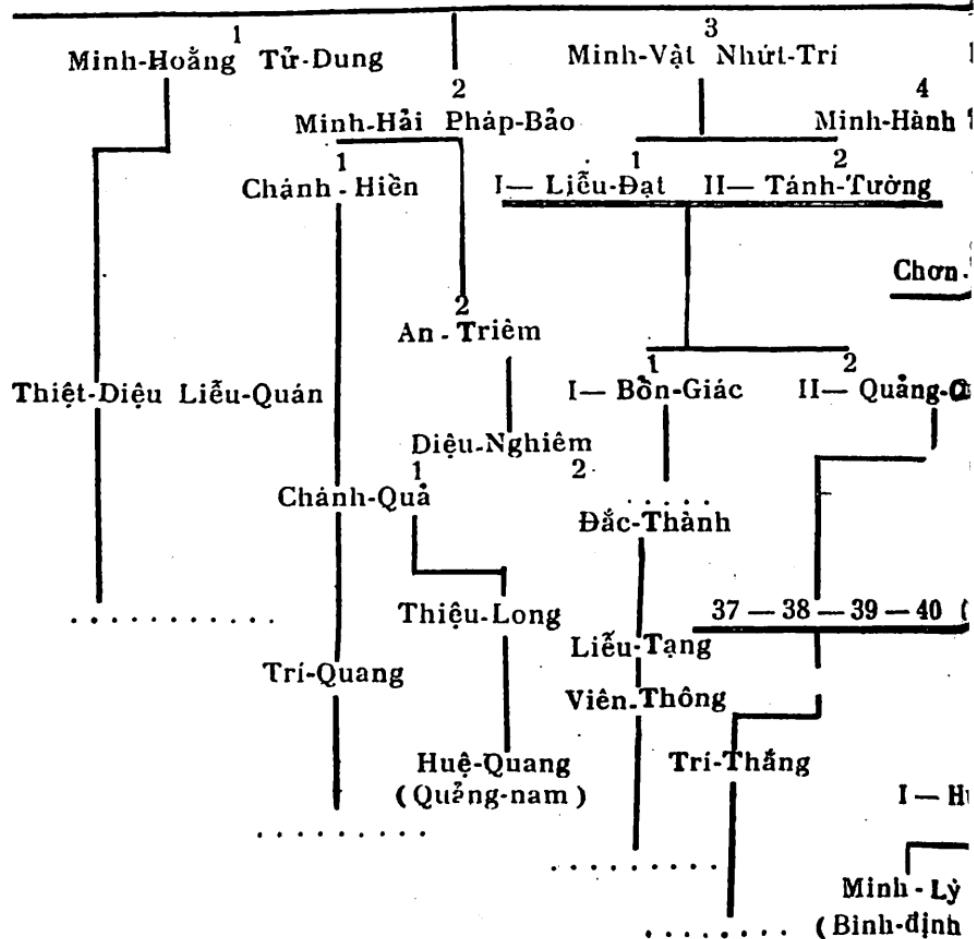
指物傳心，人不會處

thoạt nhiên ngài được tỏ-ngộ. Nhưng vì núi sông cách trở, ngài không thể đến ngài Tử-Dung để trình-ngoại được.

Đến năm Mậu-tý (1708), mùa xuân mới trôi ra Long-Sơn, cầu Hòa-thượng ấn-chứng. Khi ấy ngài đem chỗ công-phu của mình, mỗi mỗi trình-bày, đoạn ngài nói đến câu « chỉ vật truyền tâm, nhân bất hội xứ ». Hòa-thượng liền nói:

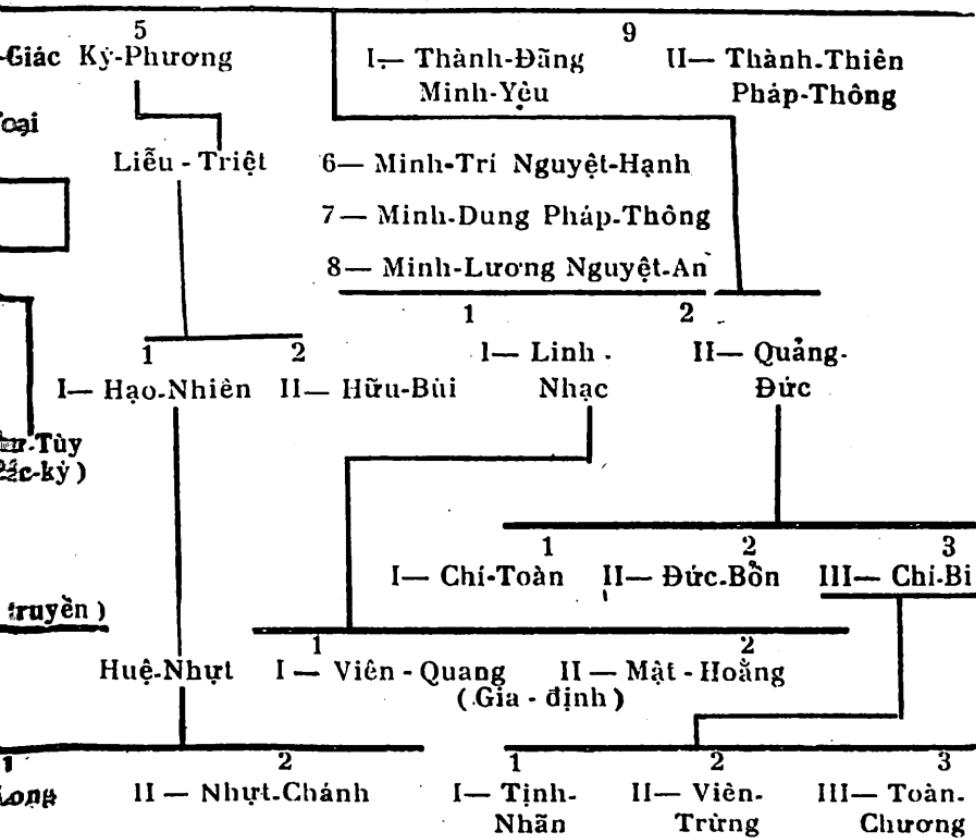
BẢN

☆ Phái Nguyên - Thị



(I) — BẢN - ĐỒ H — Bản này làm theo thế-hệ những long-đi-thờ

H (1)
Lâm-Tề) — Huế (1712)



Quốc-An (Huế), Tháp-Tháp (Bình-dịnh), và chùa Chúc-Thánh (Quảng-nam)

« Huyền nhai tán thủ, tự khẳng thừa đương,
Tuyệt hậu tái tô, kbi quân bắt đắc ».

懸崖撒手，自肯承當，
絕後再甦，欺君不得。

(phải bứt ra bờ vỡ mà buông tay, chết sống tự mình chịu lấy, ngắt đi mà sống lại mới khỏi bị người đối-gạt). Liền đó ngài vỗ tay cười ha ha ...

Hòa-thượng nói :

— Chưa nhầm.

Ngài Liêu-Quán nói :

— Bình thùy nguyên thị thiết.

秤鍾原是鐵 (trái cân vốn là sắt)

Hòa-thượng nói :

— Chưa nhầm.

Mai lại, Hòa-thượng gọi ngài đến bảo :
chuyện ngày qua chưa xong, nói lại xem !

Ngài Liêu-Quán nói :

— Tảo tri đăng thị hỏa, phạn thực dī da thì.

早知燈是火，食熟已多時。

(sớm biết đèn là lửa, cơm chín đã lâu rồi!)

Bấy giờ Hòa-thượng rất khen-ngợi.

Năm Nhâm-thìn (1712), mùa hạ, Hòa-thượng vào Quảng-nam dự lễ Toàn-viện (?), ngài đem trình bài kệ dục Phật.

Hòa-thượng liền hỏi :

— Tổ tổ tương truyền Phật Phật thọ thọ,
vị th้าm truyền thọ cá thàm ma? — 祖祖相
傳佛仗授受，未審傳受個甚麼(?)
(các vị Tổ nối truyền cho nhau, đức Phật này trao cho
đức Phật khác, chẳng hay truyền-thọ những cái gì?)

Ngài Liêu-Quán nói :

— Thạch duân trừu điêu trường nhứt trường,
qui mao phất tử trọng tam cân. — 石筍
抽條長一丈，龜毛佛子重三斤。
(búp măng trên đá dài một trường, phủ phất lóng
rùa nặng mấy cân).

Hòa-thượng nói theo :

— Cao cao sơn thượng hành thuyền,
Thâm thâm hải đê tàu mā.

高高山上行船，深深海底走馬。

(Lung-linh nước chảy trên đèo,
Ngựa đua dưới biển, thuyền chèo trên non) (1).

Ngài tiếp theo nói :

— Chiết giác nê ngưu triệt dạ hồng,
Một huyền cầm tử tận nhứt đòn.

折角泥牛徹夜吼，
沒絃琴子盡日彈。

(1) — Của người trước dịch sẵn.

(*Dây đứt đòn cầm rung suốt buổi,
Gảy sừng trâu đất rồng thâu đêm*).

Ngài biện tài lanh-lẹ, làm cơ ứng-biển, như nước và sưa rất là phù-hợp. Hòa-thượng rất lấy làm vui-mừng, ăn khă.

Lại chở hóa-duyên của ngài rất rộng, ngài thường ra vào Huế — Phú-yên để hóa-đạo luôn luôn, không nề khó-nhọc.

Năm Quý-sửu (1733), Giáp-dần (1734) và Ất-mão (1735), ngài chịu lời thỉnh-cầu của các ngài trong tôn-môn, cùng các bực tết-quan, cư-sĩ ở Huế, dự bốn lê lớn về đại-giới-dàn. Qua năm Canh-thân (1740), ngài tấn dàn Long-Hoa phóng-giới, rồi đó ngài trở về chùa — Thuyền-Tôn — (1).

(1) — Chùa này do ngài khai-sơn, nhưng hiện nay không biết rõ là bắt đầu từ năm nào, chỉ thấy nơi bức biển chùa và nơi dai-hồng-chung đều đề là Cảnh-Hưng bát niên (niên-hiệu Cảnh-Hưng thứ 8). Nhưng xét ra năm ấy không phải là năm bắt đầu gác-dụng chùa Thuyền-Tôn. Mà có lẽ đầu khoảng Vĩnh-Thanh tứ niên (niên-hiệu Vĩnh-Thanh thứ 4 đời vua Lê-Du-Tôn — 1708) sau khi ngài ra Long-Sơn cầu Hòa-thượng ẩn-chứng. Bấy giờ chỉ là một cái am nhỏ vua để ẩn-tu rồi sau dần dần mới trở nên một ngôi chùa to lớn có dai-hồng-chung, co biển Sắc-Tư. Sự chứng-cơ rõ-ràng là ngài tích vào năm Cảnh-Hưng tam niên (1742) Như vậy ta đủ thấy khởi-nguyên chùa Thuyền-Tôn không phải bắt đầu từ năm ấy (Cảnh-Hưng bát niên).

Thời ấy Nguyễn chúa Ninh-Vương rất yêu-mến đạo-đức của ngài, thường mời ngài vào cung để đàm-đạo, nhưng ngài vẫn từ-chối không vào.

Mùa xuân năm Nhâm-tuất (1742), ngài lại dự lễ giới-dàn ở chùa Viên-Thông. Cuối mùa thu năm ấy ngài thị-binh, gọi môn-đồ đến mà dạy rằng : «nhơn-duyên đã hết, ta sắp chết vậy». Khi ấy môn-đồ đều khóc, ngài dạy rằng : « Các người khóc mà làm gì ? Các đức Phật ra đời còn nhập Niết-bàn ; ta nay đi lại rõ - ràng, về tất có chỗ, các người không nên khóc và đừng nên buồn-thảm lắm ».

Cuối tháng 2, trước khi tịch mấy ngày, ngài ngồi dậy vững-vàng, tự cầm bút viết bài kệ từ-biệt rằng :

Thất thập dư niên thế-giới trung,
Không không sắc sắc duyệt dung thông.
Kim triêu nguyên mân hoàn gia lý,
Hà tất bôn man vẫn tổ-tông.

七十餘年世界中，
空空色色亦融通。
今朝願滿還家裏，
何必奔紜問祖宗。

Dịch : Ngoài bảy mươi năm trong thế-giới,
Không không sắc sắc thấy dung thông.

Ngày nay nguyện mān v᷑c nơi cũ,
Nào phải ân - cần hỏi tổ - tông .

Sau khi ngài viết bài kệ xong, ngài bảo môn-đồ rằng : « Sau khi ta đi, các người phải nghĩ cơn vô-thường nhanh chóng, cần phải siêng-năng tu-học trí-tuệ, các người hãy nên gắng tới, chớ bỏ quên lời ta ».

Đến ngày 22 tháng 2 ta, buổi mai, sau khi dùng nước trà và các đồ-đè hầu chuyện cùng làm lê xong, ngài hỏi đến giờ, các đồ-đè thưa : giờ mùi Thể rồi... ngài vui-vẻ thị-tịch.

Vua nghe tin, sắc ban bia ký, và tứ hiệu là
**ĐẠO-HẠNH THỦY CHÁNH-GIÁC VIÊN-
NGỘ HÒA-THƯỢNG** ».

Ngài là đời thứ 35 giòng Lâm-Tế chánh-tôn, khai-sơn chùa Thiên-Thai Thuyền-Tôn ở Huế.

Ngài có tục bài kệ về pháp phái rằng :

Thiệt tế đại đạo, tánh hải thanh trừng.
Tâm nguyên quảng nhuận, đức bốn từ phong.
Giới định phuort huệ, thể dụng viên thông.
Vĩnh siêu trí quả, mật khế thành công.
Truyền trì diêu lý, diễn sướng chánh tôn
Hạnh giải tương ưng, đạt ngộ chơn không.

定 際 大 道，性 海 清 證。
心 源 廣 潤，德 本 范 風

戒定福慧，體用圓通。
永超智累，密契成功。
傳持妙理，演暢正宗。
行解相應，達悟真空。

Ngày nay Tăng - đồ tín - đồ ở Trung - kỳ và Nam - kỳ hầu hết là thuộc về giòng Lâm - Tế, mà ngài là người có công khai - hóa hơn hết, hiện đã thành ra một nhánh lớn gọi là Liễu - Quán.

Kể ra Phật - giáo về thời chúa Nguyễn này, ngoài mấy ngài chép trên, còn có nhiều bậc cao - tăng khác nữa, chẳng qua phải một thời - gian biến - loạn Tây - sơn, chùa - chiền hư - nát; những cái có thể lưu lại làm sử - liệu cho ngày nay, đều bị tiêu - tan mất hết. Nên bây giờ người nghiên - cứu lịch - sử tìm được dấu - tích để ghi lại phuơng - danh và thê - hê của các ngài cũng đã khó, huống tìm cho rõ tiểu - truyện của mỗi ngài lại càng khó hơn nữa. Mà cái điều sau này ta có thể nói: chỉ là sự may - mắn của lịch - sử

Hai ngài dưới này cũng là danh - tăng trong thời Nguyễn chúa:

TRUNG - ĐÌNH HÒA - THƯỢNG.—
Ngài không biết người ở đâu, tên gì, vì thường trú ở trong đình, nên người ta gọi tên ấy. Ngài

thường đi khắt-thực các làng, trong mình thường
đeo ba cái bị. Một cái nếu ai cho cá thịt gì cũng
lấy bỏ vào đó rồi cho kẻ ăn xin khác; một cái
đựng món ăn chay ngài dùng; còn một cái lớn để
không, hé tới đâu thì ngài treo lên mái đình mà
ngồi vào. Đêm thì trì-tụng, ngày thì lang-thang khắp
nơi, trông hình-dung nhợp-nhúa, tóc xù, áo quần
không có phải đóng khố, trẻ con trông thấy đều
sợ-hãi (cái danh-từ « ông ba bị » để dọa trẻ con
có từ thời ấy — khoảng đời chúa Nguyễn-phúc-
Thuần — 1765 — 1777).

Khi tu-hành đã đắc-đạo, ngài tâu xin lập
hỏa-dàn ở chùa Thiên-Mụ, bối-cáo cho thiên-hà
biết. Khi mọi người xin ngài lưu lại cho một chút
di-thể, thì ngài đưa lên một ngón tay. Khi đốt,
lửa bốc theo gió lệch cái mõ Quan-Âm của ngài
đội do vua ban, ngài lấy tay sủa lại, miệng luôn
luôn tụng kinh. Người đi xem đông như kiến,
giành nhau lấy trầm-hương liệng vào hỏa-dàn.
Thiêu xong, quả-nhiên còn một ngón tay không
cháy. Người ta nhặt tro ấy xây tháp thờ ở bên
chùa Thiên-Mụ.

Bấy giờ ngài Pháp-Vân Hòa-thượng có
tặng ngài bài thơ rằng:

Kỷ niên y bát ký phong - tràn,
 Đỗng-độ thuyễn-cơ nguyên hóa-thân.
 Mộng-huyễn hình-hài túng liêt diêm,
 Sắc không tâm sư phú yên vàn
 Thần thê Tây - đô niên niên tại,
 Danh bá thuyễn-môn nhứt nhứt tân.
 Kim cổ nhàn khan đàm tiếu lý,
 Bất tri như thủ hữu hà nhân ?

幾	年	衣	鉢	寄	風	塵
頓	悟	禪	機	願	化	身
夢	幼	形	骸	從	烈	歟
色	空	心	事	付	煙	雲
神	樓	西	土	年	年	在
名	播	禪	門	日	日	新
今	古	閉	看	談	笑	裏
不	知	如	此	有	何	人

Dịch : Phong - tràn lân bầy nhiêu năm,
 Ngộ được cơ-thuyễn chết cũng cam.
 Ngọn lửa đốt tàn thân ảo - mộng,
 Làn mây bay với niệm từ - đam.
 Tình - thần phảng-phất miền Tây - đô,
 Danh-tiếng vang-lừng đất Việt-Nam.
 Dở chuyên xưa nay xem lại thử,
 Những người như thế có bao lăm ?

BÙI - ĐĂNG - TƯỜNG. — Ngài người
tỉnh Quảng-nghĩa, huyện Bình-sơn; năm 12 tuổi
đầu-thuyền tại chùa Phổ-Phuort. Ngài tu-hành rất
chơn-chánh, trì-giới rất tinh-nghiêm. Vua tặng
chức Hòa-thượng và ban pháp-hiệu là LONG-KÝ
ĐẠI-SƯ.

Khoảng năm Quý-tỵ (1773) đời chúa
Nguyễn-phúc-Thuần (1765 – 1777) (sau truy-
tôn Duệ-tôn-Hoàng-đế), bị giặc Tây-sơn xướn-
loạn, ngài bèn lén vào kinh-sư chịu mật chỉ về
nhóm-hop các Tăng-đồ, chiêu-mộ nghĩa-dōng, đồng
lòng dẹp giặc. Vua phong cho ngài làm chức
« KHÂM-SAI VỆ-QUỐC-ŞOÁI ». Sau ngài
cùng với giặc đánh nhau tại Quảng-nam vừa mất.



Dưới đây là những việc làm của Nguyễn
chúa trong thời này:

Năm Tân-sửu thứ 14 (1601) đời chúa
Nguyễn-Hoàng (sau truy-tôn Thái-Tổ Gia-Dū
Hoàng-đế) dựng nên chùa Thiên-Mụ (1). Tục

(1) — Trong bô Quốc-Triều tiền biên toát-yếu, quyển 1 trang 10 chep năm Tân-sửu thứ 44 đức Triệu-
Tổ Tịnh Hoàng-đế dựng chùa Thiên-Mụ. Nhưng xét đời
Triệu-Tổ chùa hè vào trấn đất này, lấy đâu mà lập
chùa Thiên-Mụ? Và năm Tân-sửu thứ 44, thuộc về
đời chúa Nguyễn-Hoàng, phải đâu là Triệu-Tổ.

truyền: « Trước đó dân quanh vùng có thấy một bà già mặc áo đỏ, ngồi trên cái đồi đất ấy, nói rằng: rồi đây sẽ có một vị chán - chủ đến cai - trị, lập chùa ở đây để cho tụ linh-khí, vũng-bèn long-mạch ». Nói xong, bà già biến mất. Sau chúa Nguyễn - Hoàng vào trấn đất Thuận-hóa, nhơn-dân thường gọi là chúa Tiên, nghe chuyện ấy liền lập chùa và đặt tên là Thiên - Mụ (nghĩa là bà già linh - thiêng ở trên trời).

Năm Ất-ty (1665), năm thứ 17 đời chúa Nguyễn-phúc-Tần (1648 – 1687) (sau truy-tôn Thái-Tôn Hiếu-Triết Hoàng-đế), sắc sùng-tu chùa Thiên-Mụ. Nhưng nhất là đến đời Minh-Vương Nguyễn-phúc-Chu (1691 – 1725) (sau truy-tôn Hiển-Tôn Hiếu-Minh Hoàng-đế), chùa Thiên-Mụ mới hoàn-thành.

Vua là người rất sوت-sáng cùng đạo Phật, trong một thời-gian ngài ở ngôi, biết bao nhiêu chùa tháp bởi vua dựng nên hay sửa lại. Sứ chép về khoảng vua sùng-tu chùa Thiên-Mụ rằng:

« Năm Canh-dần thứ 19 (1710), đời chúa Nguyễn-minh-Vương, mùa hạ tháng tư, sau khi trùng-tu chùa Thiên-Mụ xong rồi, vua sắc đúc một quả chuông lớn nặng 3.285 cân. Chuông ấy hiện nay hay còn, khắc đề năm Canh-dần (1710) vào

khoảng Vīnh - Thạnh (1705 — 1719) đời vua Lê-Dū-Tôn năm thứ 6 (1710).

Năm thứ 2 niên-hiệu Vīnh-Thạnh Lê-Dū-tôn, vua Nguyễn-Minh-Vương lại gởi mua bên Tàu bát tạng kinh, luật, luận, đem về để ở chùa.

Vào khoảng năm 1738 — 1744, Võ-Vương Nguyễn-phúc-Hoạt sắc trùng-tu chùa Thiên-Mụ rất là tráng-lệ và sai người qua Tàu thỉnh đại-tạng kinh hơn 1.000 bộ về để tại chùa. Võ-Vương là người mộ đạo, ngài tự-hiệu là « Thiên-Túng đạo-nhân ».

Xem vậy đủ thấy Phật-giáo ở thời này lại có cơ phục-hưng. Lại nhận thấy một điều : trước ngài Liêu-Quán thì phần nhiều các Thuyền-sư ở đây trong là người Tàu cả Xét ngay sứ Tàu thì bấy giờ (đời chúa Nguyễn-phúc-Hoạt) (1738 — 1765) vua Tàu là Thanh-cao-Tôn (tức Càn-Long) (1736 — 1785).

Lại xét Phật-giáo-sứ của Trung-quốc thấy chép : «một đời nhà Thanh, vua Thái-Tổ, vua Cao-Tôn hết sức phục-hưng Nho-giáo, đối với Phật-giáo tuy có ý bảo-hộ, nhưng không được chu đáo lắm. Còn về Lạc-Ma-giáo thì giữ theo chánh-sách nhà Nguyên». Lại chép : «đương thời tuy vẫn có các tôn : Hoa-Nghiêm, Thiên-Thai, Mật, Thuyền, Pháp-tướng, Tịnh-độ, v.v.. nhưng thật Tăng-đồ

ít ai thấu hiểu đến giáo-lý, vì Phật-giáo đã tới thời-đại suy-đồi rồi (1).

Phật-giáo ở Trung-quốc bấy giờ suy-đồi cũng là bởi trong nước không yên, suốt một đời vua Càn-Long, chẳng mấy lúc được thái-bình. Những hức cao-tăng thầy Tăng-đồ trong nước ngày một suy-đồi, nên mới đi sang nước ta để giáo-hóa.

Cứ xem khắp giải Trung-kỳ ngày nay, có bao nhiêu chùa còn di-tích, rất nhiều là của các Thuyền-sư người Tàu lập ra, thời đủ biết tình hình Phật-giáo thời ấy.

Trong triều Nguyễn chúa, lại có mấy lần đi cầu kinh, đâu không đủ ba tạng, nhưng cũng còn bù được chút ít vào sổ kinh - sách đã bị nhà Minh tịch - thu .

(1) Xem doan Phật-giáo ở Trung-quốc.

Chương chín

PHẬT-GIÁO TRONG THỜI-KỲ CẬN-ĐẠI (TRIỀU NGUYỄN)

Sau đó, Nam-triều có vua Tây-Sơn nổi lên, chúa Nguyễn bị mất quyền. Trong mấy năm trời việc chính-trị trong nước bị rối-xen, ngoài Bắc chúa Trịnh cũng không giữ ngôi cho nhà Lê được nữa, vua Chiêu-Thống phải chạy sang Tàu, vua Tây-Sơn thống-nhất thiên-hạ.

Không bao lâu, chúa Nguyễn-phúc-Ánh mượn quân Pháp về diệt được Tây-Sơn và lập nên nhà Nguyễn nhứt-thống, lấy niên-hiệu là Gia-Long.

Từ lúc vận nước thay đổi, Phật-giáo cũng bắt đầu đình-dốn và lần-lần suy-đồi. Vì bị trãi qua một trận chiến-tranh với Tây-Sơn, chùa-chiền bị

phá-hủy, Tăng - chúng loạn-lạc, nên dù sau khi đã bình - định, cũng chỉ còn lại những cảnh-tượng sơ-sài mà thôi. Từ đây trở đi trong lịch - sử không thấy chép gì để căn-cứ một giai-đoạn vĩ-vang cho lịch - sử Phật - giáo nữa. Dưới đây là những việc của nhà vua đối với Phật - giáo :

Niên - hiệu Gia - Long năm Ất - hợi (1815), vua sắc sửa lại chùa Thiên - Mụ và triều ngài Mật - Hoằng vào kinh cấp bằng Tăng - cang . (Ngài người Bình - định, sau khi xuất - gia, lưu - ngũ các miền trong tỉnh Gia - Định. Sau ngài có trú - trì ở chùa Quốc - Ân — một người rất có công lớn ở chùa Quốc - Ân).

Năm Minh - Mệnh thứ bảy (1826), sắc lập lại chùa Thánh - Duyên (nguyên chùa Thánh - Duyên dựng vào đời Nguyễn chúa Nguyễn - phúc - Chu, sau truy - tôn Hiển - Tôn Hiếu - Minh Hoàng - đế (1691 — 1725), sau bị Tây - Sơn phá-hủy (chùa ở gần cửa bắc Tư - hiền, Thừa - thiên). Năm thứ II (1822) vua sắc các nhà sư ở ngoại tỉnh đến kinh, do bộ Lê xét rồi ban - cấp độ - điệp.

Năm Giáp - thìn niên - hiệu Thiệu - Trị thứ tư (1844) vua vâng di - chúc của đức Minh - Mạng, sắc xây ở chùa Thiên - Mụ một ngôi tháp lớn 7 tầng gọi là Tù - nhơn - tháp, năm sau đổi lại là Phước -

duyên bão-tháp. Cũng trong niên-hiệu ấy, vua sắc lập chùa Diệu-Đế (chỗ này nguyên xưa là một khuôn vườn của một người về dòng Thích-Lý, tương truyền sau là phủ ngài ở, sau khi lên ngôi ngài đổi phủ làm chùa).

Niên-hiệu Tự-Đức thứ ba (1849), nghị-chuẩn các quan-tự (chùa công) như Thiên-Mụ, Giác-Hoàng, v.v... mỗi nơi đều phải có Tăng-Cang một ngài để chỉ-huy Tăng-chúng, trông-nom chùa, đều có lương-bổng chi-cấp. Năm thứ bảy (1853) tháng 12, vua sắc cấp công-diễn cho các chùa tại kinh như: Thiên-Mụ, Diệu-Đế, Thánh-Duyên, Linh-Hựu, Long-Quang, và các chùa ngoài kinh như Tam-Thai, Ứng-Chân (Quảng-nam), Khai-Tường (Gia-dịnh). Ngoài ra các khoản sacer về cúng lể như rằm Trung-thu, Thánh-thọ, Vạn-thọ, v.v... rất nhiều.

Mấy vị danh-tăng Triều Nguyễn:

PHỐ-TỊNH HÒA-THƯỢNG. — Ngài húy là Đạo-Minh thụy Viên-Nhứt, người Quảng-nam. Niên-hiệu Gia-Long thứ bảy (1808) vâng sacer-lệnh bà Hiền-Khương Hoàng-Thái-hậu trú-trì ở chùa Thiên-Thọ (tức Báo-Quốc bây giờ). Ngài tịch vào năm Gia-Long thứ 15 (1816).

AN - THUYỀN ĐẠI - SƯ. — Không rõ
ngài tên họ là gì, chỉ biết ngài ở chùa Đại-Giác
Bồ-Sơn (thuộc tỉnh Bắc-ninh), ngài tu-hành tinh-
tẫn, học-hạnh kiêm toàn. Vào khoảng niên-hiện
Minh-Mệnh thứ 6 đến thứ 9 (1825 — 1828),
ngài có làm bộ sách « Đạo-Giáo nguyên-lưu » ba
quyển, được lưu-hành.

NHÚT-ĐIỆN HÒA-THƯỢNG. — Ngài
húy Tánh-Thiên người Quảng-trị. Ngài đồng-
niên xuất-gia, thể-độ với Phổ-Tịnh Hòa-thượng,
tho-giới với Mật-Hoằng Hòa-thượng. Năm Minh-
Mệnh thứ 14 (1833), ngài sung chức Trú-trì
chùa Linh-Hựu, ngài cố từ không được; năm thứ
20 ngài lại được sắc thăng chức Tăng-cang chùa
Giác-Hoàng Niên-hiệu Thiệu-Trị thứ ba (1843),
ngài xin phép từ-chức dưỡng-lão, ngài có đắc-ý
hai câu :

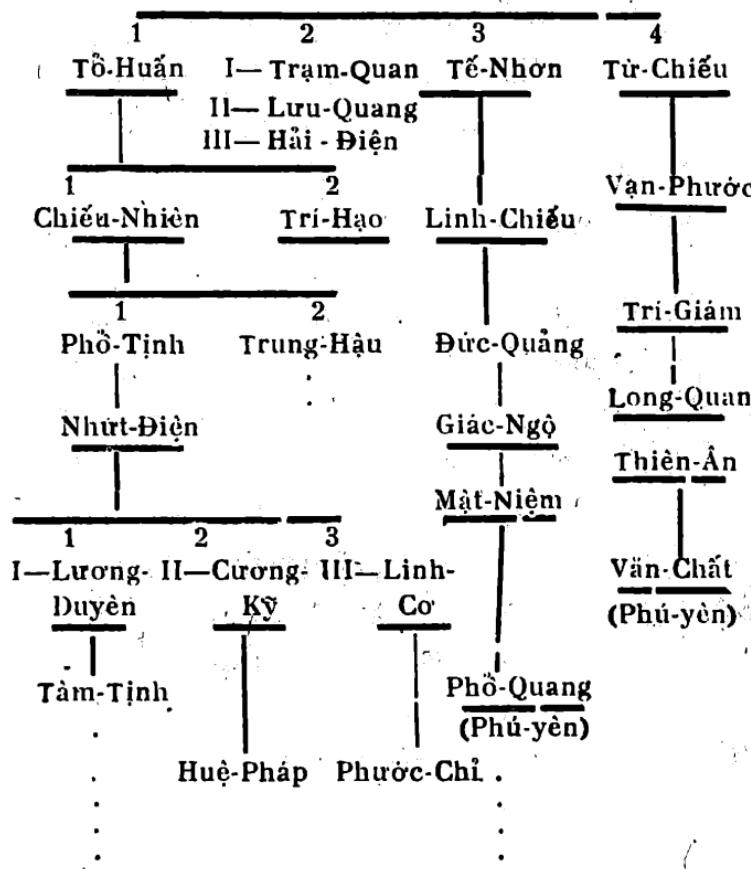
Hạnh phùng tấu đắc nhường hồi lão,
Nhứt bát cô thân vạn lý du.

幸逢奏得仍回老
一鉢孤身萬里遊

Sau ngài có làm am An-Dưỡng để ó (sau
khi ngài tịch, Thái-giám viên dựng chùa gọi là
Tử-Hiếu, tức Tử-Hiếu bây giờ). Ngài tịch vào
năm Thiệu-Trị thứ bảy (1847), thọ 64 tuổi.

BẢN - ĐỒ I (1)

Phái Thiết - Diệu Liễu - Quán — (Huế)



(1) — BẢN - ĐỒ I — Bản vầy làm theo thê - hệ truyền -
thống ở chùa Thuyền - Tôn (Huế), chùa Cò - Lâm (Phú - yên) và chùa
Bảo - Tịnh (Phú - yên) cùng các chùa cò khác

DIỆU-GIÁC HÒA-THƯỢNG. — Ngài
họ Đỗ, húy Hải - Thuận, người làng Bích - khê
(Quảng - trị), 13 tuổi vào chùa Báo - Quốc, 20
tuổi thề - độ thọ - giới với ngài Bản - Giác Hòa-
thượng. Năm Minh-Mệnh thứ 16 (1835), được
ban - cấp giới - đạo độ - điệp, và được ngài Nhứt-
Điện truyền - pháp cho. Ngài đã có làm Trú - Trì,
Tăng - cang chùa Diệu - Đế, đứng trùng - tu chùa
Huệ - Lâm, chùa Báo - Quốc và chùa Kim - Tiên.
Năm Thành - Thái thứ 6 (1895), ngài mở đại-
giới - đàn ở chùa Báo - Quốc. Đến năm sau thì ngai
tịch, thọ 91 tuổi. Đệ - tử đắc - pháp của ngài là
ngài Tâm - Quảng, Tâm - Thể, Tâm - Truyền, Tâm-
Tịnh, v.v...

GIÁC-NGỘ HÒA-THƯỢNG. — Ngài
tự - hiệu là Sơn - Nhân, người tỉnh Gia - định. Nguyên
trước đi làm việc quan đập đá xây thành; một hôm
phá trong viên đá thấy một tượng Phật, ngài liền
xin thôi việc, mang tượng vào rừng, không giao-
thiệp với người đời nữa và không ai biết đi đâu.
Được ít lâu, người tỉnh Phú - yên thoát thấy Sơn-
Nhân ở trong chùa hang xóm núi. Xóm ấy vốn
nhiều cọp, người trong xóm lập chùa mà không
dám đến lê. Lúc thấy Sơn - Nhân ở đó ai cũng
thất - kinh, hỏi ngài sao không sợ cọp? Ngài đáp:
Cọp mặc cọp, mình mặc mình, cần gì mà sợ?

Người thường ăn rau cỏ không dùng gạo cơm. Một khi có dịch-khí nổi lên, ở các nơi người chết rất nhiều, người trong xóm xin ngài cầu-đảo cho nên được yên. Họ đem việc ấy trình quan. Vừa lúc ấy quan Tuần trong tỉnh có người con đau bụng, thày thuốc chữa không khỏi. Quan liền khen hai viên đội đi mời Sơn-Nhân. Ngài hỏi :

— Tỉnh ở ngả nào ?

Họ chỉ ở về hướng đông. Ngài bảo họ đi trước. Hai viên đội cởi ngựa về tỉnh thì đã thấy ngài đến rồi. Quan mời ngài vào thăm bệnh cho con, ngài liền đọc một câu chú, thỉnh-linh nghe một tiếng sạt, và thấy như một cái bóng tăm lụa từ trong buồng vụt ra, tức thì con quan lành bệnh. Quan tỉnh đem việc ấy tâu về triều; Vua Minh-Mệnh sắc-triệu ngài về nội, hỏi việc đầu đuôi, vua thường rất hậu, ngài đều từ-tạ không lấy. Vua khen rằng :

— Người xưa có nói :

Thuần nhất bắt tạp là « Hòa »,
Vạn loại xưng tôn là « Thương ».

Sơn - Nhân thật đúng hai chữ ấy.

Liền ban hiệu là Sơn - Nhân Hòa - thương.
Lại sắc các vị Hòa-thương các chùa phải đổi hiệu
Tăng - Cang, để tỏ rằng còn thua Hòa - thương
một bực (từ đó danh - hiệu Hòa - thương mới là

danh-hiệu đặc-biệt, ít người được nhận chức đó).

Sơn - Nhân mặc quần áo toàn bằng vải cây, lấy hai miếng gỗ làm guốc mà đi mau lăm. Vua sắc ngài ở chùa Giác - Hoang, nhưng được một tháng ngài tâu xin về núi: sau không biết ngài đi đâu.

Ngoài ra còn thấy sử chép mấy vị Thuyền-sư nữa, như : Liễu-Tánh Thuyền-sư, Phước - Chỉ Hòa-thượng, Giác-Linh Hòa-thượng, Tống-Thị Ni-cô đều là những bậc tu-hành đặc - đạo.



Xét về những điều-kiện tín-ngưỡng của các nhà vua và những bậc tu-hành — tuy các ngài vẫn tu-hành đạo-đức — như trên đã kể, ta có thể biết ngay Phật - giáo về đời triều Nguyễn này đã sao-sài lầm.

Trong các triều vua, nhất là triều vua Thiệu-Trị, ngài là một ông vua hết lòng sùng-phụng và rất sốt-sắng với đạo Phật. Những sự - nghiệp xây-dựng cho Phật - giáo về thời này, ngài là người đáng cho ta chép vào lịch-sử hơn hết. Nhưng thật ra Phật-giáo về thời này đã kém l้า rồi, nên dù các triều vua vẫn tín-ngưỡng sùng-phụng, làm chùa đúc tượng mà tinh - thần Phật - giáo vẫn suy.

Đến đây, từ trên vua quan cho đến thứ-dân, ai ai cũng an-trí đạo Phật là ở sự cúng-cấp cầu-đảo chứ không biết gì khác nữa. Và phần đông họ chỉ trọng ông thầy ở chỗ danh-vọng chức-tước, mặc dầu ông thầy ấy thiếu học thiêu tu. Bởi tệ-hại ấy, làm cho Tăng-đồ trong nước lần-lần sa vào con đường truy-lạc, cờ-bạc rượu-chè, đàm trước thanh-sắc. Tuy vậy, ở miền Trung-ương Bắc-kỳ về kỷ-luật Tăng-già bề ngoài còn giữ được nghiêm-chỉnh đôi chút, chứ như Trung-kỳ phần nhiều thì họ đã có vợ có con một cách công-nhiên, không còn ấy-nay, nhứt là Nam-kỳ ông thầy, bà vãi lại càng hồn-độn hơn nữa. Cũng vì tình-trạng ấy mà tạo nên hại lớn ngày nay, Đến nỗi gần 15 năm lại đây, hiện-tượng suy-đồi ấy càng biếu-diễn đến chỗ đồi bại; phần đông Tăng-đồ chỉ nghỉ đến danh-vọng, chức-tước: xin bằng Tăng-cang, Trú-trì, Sắc-tú, v.v... một phương-diện khác thì chỉ biết cúng-cấp, cầu-đảo, phù-chú (phù-chú đã thành phù-thủy-hóa) làm tay-sai cho các nhà vua chúa, quan quyền, phú-hộ, thay vì họ cầu-đảo cúng-cấp để làm kế sinh-nhai, hoặc phải chăm việc đồng-án có thể nuôi sống hằng ngày; còn một hạng nữa chỉ giữ mình cho được thanh-nhàn, ăn chơi tiêu-khiển bảo là giải-thoát, v.v... Ôi! Tinh-thần Phật-giáo đến đây hầu đã tuyệt-diệt!

Bởi vậy các cảnh chùa trong nước đã thành những cảnh gia-đình riêng, không còn gì là tính-cách đoàn-thể của một tôn-giáo nữa Họ sống trong Phật-giáo hầu hết chỉ còn « dốt », và « quên » ! « Quên » để khỏi phải biết đến bồn-phận — bồn-phận chơn-chánh của một Tăng - đồ — !

Ở trong Tăng - đồ thì như vậy, ở ngoài tín - đồ cư-sĩ thì cũng ngơ - ngác ù - oà, tin bướng theo càn, ít ai là người hiểu đạo - lý.

Trong lịch-sử Phật-giáo Việt-nam, ta có thể đánh vào đây một dấu than (!) rất to tướng (1)

(1) — Có người bảo · Phật-giáo về thời này bị suy-đồi là bởi thế - lực truyền - bá của đạo Thiên - Chua. Nhưng theo ý chúng tôi thì không phải chỉ là tai nhơn-tâm của thời - đại mat - pháp mà thôi, khiến cho trong Phật-giáo thiếu những bậc tu-hành chơn - chánh, đến nỗi dao - pháp phải suy - đồi.

Chương mươi.

PHẬT - GIÁO - HIỀN - ĐẠI

Tuy nhiên, ít năm trước ở Bắc cũng có Cư tổ Vĩnh-Nghiêm (Thanh-Hanh), sư-cụ Tề-Các (Phan-trung-Thú), sư-cụ Bằng-Sở (Dương-văn-Hiển); ở Trung có ngài Tâm-Tịnh, ngài Huệ-Pháp, ngài Phước-Huê; ở Nam có ngài Khánh-Hòa thỉnh-thoảng mở trường giảng-dạy. Nhờ vậy, đạo-pháp cũng còn lưu lại ảnh-hưởng chút ít.

Lại cách đây trên mươi năm, nhờ ảnh-hưởng chấn-hưng Phật-giáo ở Tàu mà nước ta lại có phong-trào vận-động chấn-hưng Phật-giáo. Những người khởi-xuống đầu tiên là ngài Khánh-Hòa và sư Thiện-Chiểu (sau vì trong còng cuộc vận-động phải bị nhiều trở-lực, người — Th. Ch. — đã túc giận bỏ về tục) cùng các ngài Tăng-già, cư-sĩ khác lập

thành Nam-kỳ nghiên-cứu Phật-học-hội (1931) ở Nam Rồi lần đến Trung-kỳ có ngài Giác-Tiên, ông Lê-dinh-Thám (cư-sĩ) ban đầu mở đạo-trường ở chùa Trúc-Lâm, mời ngài Phuortc-Huệ chùa Thập-Tháp Bình-dịnh làm chủ-giảng; sau lần đến nhóm cư-sĩ lập thành Phật-học-hội (1932); ở Bắc có sư Trí-Hải cùng cụ Nguyễn-năng-Quốc và các ngài Đại-đức, cư-sĩ khác lập Bắc-kỳ Phật-giáo Tổng-hội (1934).

Ba kỳ đều có mở đạo-trường cả, ở Bắc có trường Tăng ở chùa Quán-Sứ, trường Ni ở chùa Bồ-Đề do Bắc-kỳ Phật-giáo-hội tổ-chức; ở Trung có Phật-học-viện ở chùa Tây-Thiên, đầu tiên do các thầy Đại-đức và một nhóm thanh-niên trong sơn-môn tổ-chức, hiện nay đã giao lại cho toàn thể sơn-môn quản-cố, lại có Phật-học-viện ở chùa Báo-Quốc do Phật-học-hội tổ-chức, duyên-khởi thành-lập đầu tiên là thầy Giảng-sư Mật-Khế, và trường Ni ở chùa Diệu-Đức do một nhóm nữ cư-sĩ tổ-chức, trong Nam thì có Phật-học-viện do hội Lưỡng-xuyên Phật-học Trà-vinh tổ-chức

Ngoài ra, hội nào cũng xuất-bản tạp-chí để hoằng-dương Phật-pháp: ở Nam có báo Từ-Bi âm, Duy-Tâm; ở Trung có tạp-chí Viên-Âm; ở Bắc có báo Đuốc-Tuệ, v.v.. Thỉnh-thoảng lại có một vài

vì sự tri-thức và những nhà cư-sĩ, học-giả ở ngoài
cũng viết sách truyền-bá Phật-lý...

Nói tóm lại thì Phật-giáo hiện thời đã có phần
chấn-hưng. Nhưng có một trở-lực mà chưa có hội
nào hay một sơn-môn nào giải-quyết, là: cỗ-động
thì hội nào cũng cỗ-động bằng quốc-văn là nền văn
phổ-thông, nhưng kho kinh-diển triết-lý nhà Phật
vẫn còn nguyên khôi bằng Hán-văn. Vả dẫu-tích đỗi-
bại điêu-tàn của ngày qua, hiện nay vẫn còn lưu-
hành lại rõ-rệt và có thể-lực. Nên thật ra cả mấy hội
Phật-học ấy, ngoài mấy việc xây Hội-quán, làm chùa
và cỗ-động một số đồng người quy-y, còn chưa hội
nào làm được việc gì vĩ-đại có vẽ đính-cách cho
nền Phật-giáo cả.

Trong lúc này, đại đa số Tăng-đồ trong các
sơn-môn vẫn đương mơ-màng thiêm-thiếp chưa làm
một việc gì tỏ-rõ là người đã thức-tỉnh. Cho nên
tuy hiện giờ có phong-trào chấn-hưng mà kỳ thực
mới là chấn-hưng hình-thức và danh-hiệu.

— Một nền Phật-giáo chỉnh-đốn, in tuồng
đương đợi một cuộc tổ-chức tương-lai do một
phương-pháp cải-tạo hoàn-toàn chơn-chánh.

, Chúng tôi rất mong ..

JH JÉT

PHỤ - LỤC

(NHỮNG GIÒNG KỆ CỦA CÁC PHÁI)

Những giọng kệ của các phái Thuyết - tôn hiện-hành trong Phật-giáo xứ ta (những giọng kệ ấy cũng như những giọng chữ Hường, Ưng, Bửu, Vĩnh.... của bên Hoàng-phái vậy) đổi với, lịch-sử Phật-giáo không có gì quan-hệ lắm, tuy những chữ ấy là để đánh dấu sự truyền-thống về mỗi đời. Nhưng xét hiện nay nó vẫn có thể-lực nhiều; các Tăng-đồ, tín-đồ khi quy-y, thọ-ký vẫn lấy đó làm thứ-lớp mà đặt pháp-danh. Nên nay nhân tiện cũng xin phụ-lục ra đây để người đồng-đạo xem qua cho biết.

& &

Xét ngài Nghĩa-Huyền lập tôn Lâm-Tế truyền đến đời 21 là ngài Vạn-Phong Thời-Úy ở chùa Thiền-Đồng (Tàu) xuất ra bài kệ :

Tổ đạo giới định tôn, 祖道戒定宗
 Phương quảng chứng viên thông. 方廣證明通
 Hạnh siêu minh thực tế, 行超圓寂定
 Liêu đạt ngộ chơn không. 了達空寂
 Như nhứt quang thường chiểu. 如圓照
 Phổ châu lợi ích đồng. 普利益同
 Tín hương sanh phước huệ, 信香常福
 Tương kế chấn từ phong. 相繼振慈風

Bài kệ này có chō chép 4 câu, có chō chép cả 8 câu. Có nhiều ngài nói nguyên bài kệ chỉ có 4 câu đầu, còn 4 câu sau là người sau nối thêm, mà có lẽ là ngài Minh-Lý chùa Thập-Tháp Bình-dịnh (xem lại bản đồ H).

Truyền đến đời 22 là ngài Bảo-Tạng cho đến đời 31 là ngài Đạo-Mân (ở chùa Thiên-Khai, Tàu), ngài này lại chia ra giòng kệ khác :

Đạo bốn nguyên thành Phật tổ tiên,
 Minh như hồng nhật lệ trung thiên.
 Linh nguyên quảng nhuận từ phong phổ,
 Chiểu thể chơn đăng vạn cổ huyền.

道本原成佛祖先，
 明如紅日麗中天。
 穹源廣潤慈風溥，
 照世真燈萬古懲。

Ngài này truyền cho ngài Bổn-Khao Khoán-Viên, ngài Khoán-Viên truyền cho ngài Hoán-Bích Nguyên-Thiều húy Siêu-Bạch, ngài Siêu-Bạch truyền cho ngài Minh-Hoàng Tử-Dung, Minh-Hải Pháp-Bảo, Minh-Vật Nhứt-Trí, Minh-Hành Tại-Toại, vân vân . . .

Ngài Tử-Dung Minh-Hoàng truyền cho ngài Thiệt-Diệu Liễu-Quán (ngài này khai-sơn chùa Thuyền-Tôn có tục bài kê — xem truyện ngài ở trước).

Ngài Minh-Hải Pháp-Bảo người Phúc-kiến, qua Annam ở tỉnh Quảng-nam khai-sơn chùa Chúc-Thánh biệt-xuất một giòng kê :

Minh thiêt pháp toàn chưong,	明宴法金	章
Ấn chơn như thị đồng.	印真如是	同久
Chúc-Thánh thọ thiên cửu,	祝聖壽天	地長
Kỳ quốc-tộ địa truwong.	祈國祚	宣通
Đắc chánh luật vi tuyên,	得正律	樹
Tổ đạo hạnh giải thông.	祖道行解	提
Giác hoa bồ-dề thọ,	覺花菩	提
Sung mān nhơn thiên trung.	充滿人天	中

Ngài Minh-Vật Nhứt-Trí truyền cho đời 35 là ngài Thiệt-Thoại Tánh-Tường, đời 36 ngài Tế-Giác Quảng-châu cho đến đời 41 ngài Trí-Thắng

Bích-Dung lại biệt-xuất giòng kê :

Trí - huệ - thanh - tịnh ,	淨	明	海	通	續	隆	果	宏	印	容
Đạo - đức - viên - minh .	慧	圓	性	普	廣	昌	聖	寬	法	會
Chơn - như - tánh - hải ,	道	真	寂	心	本	能	常	惟	傳	悟
Tích - chiếu - phổ - thông .	智	德	如	照	源	覺	仁	演	悟	持
Tâm - nguyên - quảng - tục ,	圓	性	普	廣	昌	聖	寬	法	會	繼
Bản - giác - xương - long .	性	普	廣	昌	聖	寬	法	會	繼	繼
Năng - nhơn - thính - quả ,	圓	性	普	廣	昌	聖	寬	法	會	繼
Thường - diên - khoan - hoảng .	性	普	廣	昌	聖	寬	法	會	繼	繼
Duy - truyền - pháp - ấn ,	圓	性	普	廣	昌	聖	寬	法	會	繼
Chánh - ngộ - hội - dung .	性	普	廣	昌	聖	寬	法	會	繼	繼
Kiên - trì - giới - hạnh ,	圓	性	普	廣	昌	聖	寬	法	會	繼
Vĩnh - kẽ - tố - tông .	性	普	廣	昌	聖	寬	法	會	繼	繼

Ngài Minh - Hành - Tại - Toại ở Nhạn - Tháp
Bắc - kỳ cũng biệt-xuất một giòng kê :

Minh chơn như bảo hải ,	明	真	寶	海	通	果	空
Kim tường phổ chiếu thông .	金	祥	照	通	果	空	空
Chí đạo thành chánh - quả ,	至	成	正	果	空	空	空
Giác - ngộ - chứng chơn không .	覺	證	真	空	空	空	空

Lại xét ngài Thanh - Nguyên - Hành - Tư
Thuyền - sư học - trò ngài Lục - tổ, ngài Thanh - Nguyên
bắt đầu truyền cho ngài Thạch - Đầu Hy - Thiên, ngài
Hy - Thiên truyền cho ngài Tịnh - Trì Lương - Giới
Hòa - thượng ở Đông - sơn lập ra tôn Tào - Động, rồi
truyền cho ngài Tri - Giao Nhứt - Cú. Ngài Nhứt - Cú

có xuất bài kệ :

Tịnh tri viên thông tôn từ tánh,
Khoan giác đạo sanh thị chánh tâm.
Mật hành nhơn - đức xưng lương huệ,
Đặng phổ chiểu, hoằng-pháp vĩnh-trường.

淨智圓通宗慈性，
寬覺道生是正心。
密行仁德稱良慧，
燈普照宏法永長。

Ngài này sau qua Annam truyền tâm-pháp
cho ngài Thủy-Nguyệt, Thủy-Nguyệt truyền cho
Tôn-Điển, v. v ...

Và các giòng phái như trên, giòng Lâm-Tế
truyền ở Trung-kỳ rất nhiều; hiện nay khắp ở
Trung Nam. Còn giòng Tào-Động truyền ở Bắc
rất thạnh.

HẾT

SÁCH THAM-KHẢO

HÁN-VĂN

Hoàng - Việt Địa-đư

BỒN-TRIỀU NGÔ-
CHÍ

Lịch-Triều Hiến-Chương-Chí

PHAN-HUY-CHÚ

Đại-Nam Nhứt-Thống-Chí :

CAO-XUÂN-DỤC

Kiến-Văn-Lục :

LÊ-QUÝ-ĐÔN

Văn đại loa' ngũ :

LÊ-QUÝ-ĐÔN

Khâm-Đinh Việt-sử thông-

DUY-TÂN TU-THƠ

giám cương - mục .

CUỘC - NGÔ - CÁT

Quốc-Triều Chính-Biên

BỒN - TRIỀU THÀNH-

Quốc-Triều Tiền-Biên

THÁI ĐÌNH - THẦN

Lịch-sử nhân-vật-chí Đại-

BỒN - TRIỀU THÀNH-

Việt Sứ-ký .

THÁI ĐÌNH - THẦN

Án-Độ Phật-giáo-sử

LÊ-VĂN-HƯU

Trung-Quốc Phật-giáo-sử .

HUỆ-VIỆN CƯ-SĨ

(VO-XƯƠNG PHẬT-

HỌC - VIỆN TÙNG -

THƯ)

TƯƠNG - DUY - KIỀU

(THƯỢNG - HẢI

THƯƠNG - VŨ ÁN -

THƯ - QUÁN)

LÝ-GIỰC-CHƯỚC

(THƯƠNG - HẢI P.H

THƯ - CUỘC)

Tây-Tạng Phật-giáo - sủ .

Việt - Nam thuyền - uyên
tập - anh

Lịch - Tô truyện

Thống - yếu kể đăng - lục .

Đạo - giáo nguyên - lưu : AN-THUYỀN ĐẠI-SƯ

Hoàng-Việt Giáp-tý niên.

biều .

NGUYỄN-BÁ-TRÁC

Hàm Long sơn - chí (cảo-
bản) :

ĐIỂM TỊNH CƯ.SĨ

Khóa - hư và các bia-ký
các chùa :

TRẦN - THÁI - TỘN

QUỐC - VĂN

Việt-Nam Văn-hóa Sử-cương.

ĐÀO DUY-ANH

Việt - Nam Sử - lược :

TRẦN-TRỌNG-KIM

Thế - giới - sử :

ĐÀO-DUY-ANH

Trung-Quốc Ph.giáo tiêu-sử.

MẬT-THẾ DỊCH

Việt - Nam Truyền - thống
thế - hệ .

ĐỒ-NAM TỬ

(ĐUỐC - TUỆ)

Việt - Nam Văn-học-sử :

NGÔ-TẤT-TÓ

- và các báo - chí VIEN-ĀM — NAM-PHONG —
ĐUỐC-TUỆ

PHÁP - VĂN

Le Bouddhisme en Annam
des origines au XIII^e siècle:
Communautés et moines
Bouddhistes Chinois aux II^e
et III^e siècles

TRẦN-VĂN-GIÁP

H. MASPERO

Esquisse d'une histoire du
Bouddhisme au Tonkin .

TRẦN-VĂN-GIÁP

Le premier Annamite con-
sacré, supérieur de Bonzerie
par les Nguyen - Sofi Tom -
beau :

Le Songe et l'embassade
de l'Empereur Minh .

L. SOGNY

Pagode de Quốc-An par R. P L Cadière — Re-
vue des Amis du Vieux Hué, 1914 — Pages 141, 161 —
& 1915 Pages 305, 318 —

Pagode de Thiên-Mụ par A. Bonhomme — Revue
des Amis du Vieux Hué, 1915 — Pages 173, 192, 251,
286, 429, 448 .



NHỮNG TÁC-PHẨM VỀ PHẬT-GIÁO DO CÁC ĐẠI-SƯ VIẾT

TÀI-LIỆU VIỆT-SỨ

— Kim.cang kinh giải	trang	61
— Hoằng-giáo lục	—	61
— Lac-đạo tập	—	92
— Đoạn-sách lục	—	95
— Ngọc-tiên tập	—	95
— Ngộ-đạo tập	—	96
— Viên-thông tập	—	96
— Khóa-hư lục	—	120
— Thuyền-lâm thuyết chuế	—	122
— Tăng-già toái sự	—	122
— Tăng-già tạp lục	—	124
— Thuyền-uyễn tập anh	—	124
— Nam-minh thiền lục	—	128
— Pháp-sự tân văn	—	130
— Dược-sư thập nhì nguyện văn	—	130
— Thập nhì Bồ-tát tu-hành nguyện văn	—	131
— Tham đồ hiền quyết	—	131
— Thích Đạo khoa giáo	—	131
— Nam-tông tự pháp đồ	—	131
— Pháp-sự trai nghi	—	131
— Nam dược thần hiêu	—	133



MỤC - LỤC

TRANG

LỜI TÁN — của Hòa-thượng Phuröc-Hué	III
TƯA — của Trần-văn-Giáp	V
LỜI NÓI ĐẦU	IX
PHẨM LỆ	XVII

PHẦN TỰ - LUÂN

TIÊU - DẪN	19
Chương một	
1.— NGUỒN - GỐC PHẬT - GIÁO :	25
— Lịch-sử đức Thủ-tổ Phật-giáo .	
— Phật Thích-Ca Mâu-Ni .	
— Hoàng-tử Tất-Đạt-Đa .	
— Tự-tưởng và lòng Từ-bi đặc - biệt	
của một tâm-hồn siêu-dắng .	
— Một lý-tưởng cao-siêu .	
— Sự kết-quả của bao nhiêu năm sống	
thắc-mắc trước vấn-dề chơn-lý .	
PHẬT-GIÁO Ở ÁN-BỘ QUA CÁC TRIỀU-ĐẠI:	34
— Bốn kỳ kiết-tập kinh-diễn .	
— Nam phương Phật-giáo và Bắc	
phương Phật-giáo .	
— Thời-đại Phật-giáo phát-triển .	
— Thời-đại Phật-giáo diệt-vong .	
— Phong-trào phục-hưng Phật-giáo .	

TRANG

Chương hai

II.— PHẬT-GIÁO Ở TRUNG-QUỐC : 39

— Phật-giáo đời Tây-Hán .

— *Đời Đông-Hán* .

— *Đời Tam-Quốc* .

— *Đời Tây - Tấn* .

— *Đời Nam Bắc triều* .

— *Đời Hậu-Ngụy* .

— *Đời Đường* .

— *Đời Ngũ - đại* .

— *Đời Tống — Kim* —

— *Nguyễn - Minh - Thanh* .

— *Đời Dân-Quốc* .

Chương ba

III.— ĐỊA-THẾ NƯỚC VIỆT-NAM —
NGUỒN-GỐC VÀ TINH-THẦN NGƯỜI V. N. 53

Chương tư

IV.— TÔN-PHÁI TRUYỀN VÀO VIỆT-
NAM — *Thuyền-tôn* .

57

PHẦN LỊCH-SỬ

Chương một

★ THỜI-ĐẠI PHẬT-GIÁO DU-NHẬP.

— PHẬT-GIÁO ĐỜI BẮC-THUỘC : 63

— Mấy vị đến truyền - đạo đầu tiên
ở Việt-nam .

TRANG

Chương hai

- ★ PHẬT-GIÁO ĐỜI HÀU-LÝ NAM -
ĐẾ VÀ ĐỜI BẮC-THUỘC THỨ BA:** 75
- Phái Tỳ-Ni Đa-Lưu-Chi .
 - Khởi điểm phái Thuyền-tôn ở
Việt-Nam .
 - Ba đoàn truyền giáo ở Việt-Nam.
 - Phái Vô-Ngôn-Thông .

Chương ba

- ★ PHẬT-GIÁO ĐỜI NHÀ ĐINH VÀ
ĐỜI TIỀN-LÊ** 107
- Một giai - đoạn vẻ - vang trong
lịch - sử Phật - giáo .
 - Lần cầu kinh thứ nhất .

Chương tư

- ★ PHẬT-GIÁO ĐỜI NHÀ LÝ :** 117
- Thời - đại Phật - giáo độc - tôn .
 - Lần cầu kinh thứ hai .
 - Sự ảnh hưởng Phật - giáo trong
các triều vua Lý .
 - Phái Thảo - Đường .
 - Sự bắt đầu Phật - giáo bị pha - lẩn
các tà - đạo .
 - Phật - giáo bước sang thời - kỳ
bảo - thủ .

Chương năm

★ PHẬT-GIÁO ĐỜI NHÀ TRẦN : 145

- Vua Trần - Nhân - Tôn xuất - gia,
mở đầu phái Trúc-Lâm Yên-tử
- Nguyên - nhân sự sai - lạc của
Phật - giáo .
- Phật-giáo bị áp-dảo dưới thế -
lực của Nhọ-sĩ .

Chương sáu

★ PHẬT-GIÁO ĐỜI NHÀ HỒ ĐẾN
ĐỜI THUỘC MINH 169

- Sự thiệt-hại của Phật-giáo .

Chương bảy

❖ PHẬT-GIÁO ĐỜI HÀU-LÈ . 171

- THỜI ĐAI PHẬT-GIÁO SUY-ĐỒI.

Chương tám

❖ PHẬT-GIÁO Ở THỜI-ĐẠI NAM
BẮC PHÂN-TRANH 175

- Cơ - vận phục - hưng .
- Phái Lân - Giác .
- Phái Nguyên - Thiều .
- Mấy vị danh-tăng ở Tàu sang
trong đời chúa Nguyên .

Chương chín

❖ PHẬT-GIÁO TRONG THỜI-KỲ
CẬN-ĐAI (TRIỀU NGUYỄN) : 215

- Mấy vị danh-tăng triều Nguyên .
- Hiện-trạng suy-đồi .

TRANG

Chương mươi

- ★ PHẬT - GIÁO HIỀN - ĐẠI . 225
— Phong-trào chấn-hưng Phật-giao.
— Một vài tia hy-vọng .

PHỤ - LỤC

- NHỮNG GIÒNG KỆ CỦA CÁC
PHÁI : 231
— SÁCH THAM - KHÁO 237
— NHỮNG TÁC-PHẨM VỀ PHẬT-
GIÁO ĐỘ CÁC ĐẠI-SƯ VIẾT : 240
— MỤC - LỤC 241
— ĐÍNH - CHÍNH : 246



Giấy phép số 7.713 HĐKD (HUẾ) Ngày 18-4-60.

MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM

1/ *Nghĩ đến thân thể thì đừng cầu không lát bệnh, vì không lát bệnh thi tham dục dễ sanh.*

2/ *Ở đời đừng cầu không khó khăn, vì không khó khăn thi kiêu xa nỗi dày.*

3/ *Cứu xét làm tánh đừng cầu không khúc mắc, vì không khúc mắc thi sở học dễ vượt bức.*

4/ *Sự nghiệp đừng mong không bị chông gai, vì không bị chông gai thi chí nguyễn không kiên cường*

5/ *Làm việc đừng mong dễ thành, vì việc dễ thành thi lòng thi thường kiêu ngạo.*

6/ *Giao tiếp đừng mong lợi mình, vì lợi mình thi m恁 đạo nghĩa.*

7/ *Với người đừng mong thuận chiu ý mình vì được thuận chiu ý mình thi lát sanh tư kiêu*

8/ *Thi ăn đêng cầu đáp trả. vì cầu đáp trả thi ăn mà có mưu tính.*

9/ *Thay lợi đừng nhúng tay, nhúng tay thi hắc ám tâm tri.*

10/ *Oan ác không cần bày lở, vì bày lở thi hèn nhát mà trả thù thi oán đổi kéo dài.*

Bởi vậy, Phật Đà thiết lập Chánh Pháp, tẩy bệnh khỏi làm thuốc hại, lấy hoan nan làm thanh công, lấy gai gốc làm quải thoát, lấy ma quắn làm dao ban, lấy khó khăn làm sư tác thành, lấy ban tệ bắc làm người giúp đỡ, lấy kẻ chốnq nghịch làm người giao du, lấy sư thi ân như đói dép bồ, lấy xả lợi làm vinh hoa, lấy oan ác làm da thiến thủ. Thế nên, ở trong chướng ngại mà vượt qua tất cả.

Đức Thế Tôn được giác ngộ chính trong moi sự chướng ngại Ưong quật hành hung, Đề Bạt khuấy phá, mà Phật Đà giáo hóa cho thành dao lát cả. Như vậy hà không phải sự tác nghịch là sư tác thành mà sư khuấy phá là sự giúp đỡ cho ta

Ngày nay những người học đạo, trước hết không dấn mình vào moi sự trả ngại, nên khi trả ngại xáp lời thi không thể nào đối phó. Chánh Pháp chỉ thương vì vây mà m恁 cả, đáng tiếc đáng hân biết bao.

LUẬN BẢO VƯƠNG TAM MUỘI

...Ngày nay trong
thiền gia học giới
có người dụng công
sưu tập, cả tài liệu
Hán văn, Quốc văn
cùng Pháp văn, đem
dịch thuật, sửa soạn
phô diễn làm thành
một quyển sách khiến
độc giả có thể biết
qua cả lịch sử quốc
giáo Việt Nam trong
mấy nghìn năm, há
chẳng có ích lâm ru!
Không những thế,
những tài liệu đã
sưu-tập lại là tài liệu
quý giá cho sử học
giới sau này.

Thúc Ngọc
TRẦN VĂN GIÁP

Nhà xuất bản MINH-ĐỨC

ĐÀ NẴNG : 27, Phan-chu-Trinh

SAIGON : 231, Phạm-ngũ-Lão — Điện Thoại 25801

Sách đã in :

- PHẬT PHÁP của Minh Châu—Thiên Ân—Chơn Trí—Đức TÂM
- ANH ĐẠO VÀNG Võ Đinh Cường
- THỦ HÒA ĐIỆU SỒNG — nt —
- MÙA GẶT ÁC — SUỐI TỬ — nt —
- NHỮNG CẶP KÍNH MÀU — nt —
- Ý NGHĨA CỜ PHẬT GIÁO Chân Trí
- ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT Minh Châu — Huyền Vi — Thiên Châu
- VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỨ LƯỢC T.T. Mật Thủ
- PHẬT GIÁO KHÁI LUẬN — nt —

Sách sẽ in :

- VĂN HỌC SỨ PHẬT GIÁO Cao hữu Đính
- YOGA và THIỀN HỌC Cố Việt Tử Nguyễn duy Hinh
- PHẬT HỌC DỊ GIẢI T.T. Mật Thủ
- NA TIỀN TỲ KHEO Cao hữu Đính dịch

TỔNG PHÁT HÀNH :

TRUYỆN CỜ PHẬT GIÁO — CÁC KINH SÁCH DO NHÀ XUẤT BẢN
HƯƠNG ĐẠO SAIGON — NHÀ XUẤT BẢN HOA SEN NHA TRANG
— NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI SAIGON.

Giá : 250\$